

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN KRÔNG NÔ THUỘC TỈNH ĐẮK NÔNG

Huyện Krông Nô, năm 202

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN KRÔNG NÔ THUỘC TỈNH ĐẮK NÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm.....

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

(Ký tên, đóng dấu)

Mục lục

ĐẶT VẤN ĐỀ	2
1. Sự cần thiết lập kế hoạch sử dụng đất.....	2
2. Mục đích, yêu cầu	3
3. Căn cứ pháp lý và cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất.....	3
4. Nội dung báo cáo	3
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI	8
1.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên	8
1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội.....	12
1.3. Đánh giá chung.....	19
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC 21	
2.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước	21
2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước	54
2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước	54
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	57
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất	57
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực	57
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....	59
3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	88
3.5. Diện tích đất cần thu hồi.....	89
3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.....	94
3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch.....	94
3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất	95
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT... 97	
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	97
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	98
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	99
4.4. Các giải pháp khác	100
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	101
I. KẾT LUẬN	101
II. KIẾN NGHỊ	101

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

KCN	Khu công nghiệp
CCN	Cụm công nghiệp
GPMB	Giải phóng mặt bằng
KTXH	Kinh tế xã hội
KTHT	Kinh tế Hạ tầng
KHCN	Khoa học Công nghệ
DTTS	Dân tộc thiểu số
DCTD	Di cư tự do
NN&PTNT	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
UBND	Ủy ban nhân dân
TN&MT	Tài nguyên và Môi trường
GCNQSD	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng
GPMB	Giải phóng mặt bằng
CSHT	Cơ sở hạ tầng
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
MTV	Một thành viên
NTM	Nông thôn mới
LDLK	Liên doanh, liên kết
VH	Văn hóa
XH	Xã hội
GD	Giáo dục
TDTT	Thể dục, thể thao
Ha	Hecta
Km	Kilômét
m	Mét

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết lập kế hoạch sử dụng đất

Đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các công trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, ... là nguồn vốn, nguồn nội lực trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay. Nhưng đất đai là nguồn tài nguyên có hạn, việc quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên này vào việc phát triển kinh tế - xã hội một cách khoa học và đạt hiệu quả cao là vô cùng quan trọng và có ý nghĩa to lớn.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định tại Khoản 1 Điều 54 “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”. Luật Đất đai năm 2013 quy định tại Khoản 4 Điều 22 "Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai".

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện theo hướng tiếp cận tổng hợp, liên ngành và trở thành công cụ quan trọng để Nhà nước thống nhất quản lý, phân bổ và sử dụng đất đai. Bởi vậy, quy hoạch sử dụng đất ngày càng khẳng định tầm quan trọng và hướng đến việc sử dụng nguồn tài nguyên này một cách bền vững, hiệu quả, tiết kiệm.

Để đáp ứng nguồn lực đất đai cho các mục tiêu, phương hướng; các chủ chương, chính sách phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường trong giai đoạn 2020 - 2030, UBND huyện Krông Nô đã tổ chức lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện và được phê duyệt tại Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông. Đây là căn cứ để lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm đáp ứng kịp thời cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Kế hoạch sử dụng đất là việc phân chia quy hoạch sử dụng đất theo thời gian để thực hiện trong kỳ quy hoạch sử dụng đất, nhằm thực hiện và cụ thể quy hoạch trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, phát triển bền vững tài nguyên đất. Đặc biệt trong giai đoạn thực hiện công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, việc lập kế hoạch sử dụng đất là yêu cầu cấp thiết đối với các cấp.

Tại Khoản 2 Điều 37 Luật Đất đai năm 2013 qui định: Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm; Tại Điểm a Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: Quý III hàng năm UBND cấp huyện gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hàng năm của năm sau đến Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức thẩm định.

Trên cơ sở Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, UBND huyện Krông Nô tiến hành cho chủ trương lập “*Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông*” nhằm xác định được quỹ đất cũng như các hạng mục công trình thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất để phục vụ cho các nhu cầu phát triển kinh

tế - xã hội trên địa bàn huyện.

2. Mục đích, yêu cầu

a. Mục đích:

- Đánh giá hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng phát triển kinh tế xã hội của huyện.
- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Krông Nô. Tìm ra những tồn tại, nguyên nhân tồn tại của việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2024 để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Làm cơ sở để giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,...

b. Yêu cầu:

- Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

- + Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

- + Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

- + Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

- Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích khu vực sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch, bao gồm:

- + Xác định diện tích đất cần phải chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất trong năm kế hoạch trên cơ sở xem xét đơn đề nghị của người sử dụng đất;

- + Dự kiến các nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong năm kế hoạch sử dụng đất;

- Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Lập hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ.

3. Căn cứ pháp lý và cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất

- Luật Đất đai năm 2013 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12, ngày 17/6/2009, được hợp nhất tại Văn bản số 16/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, được hợp nhất tại Văn bản số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 05 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ, về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, được hợp nhất tại Văn bản số 07/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị, được hợp nhất tại Văn bản số 11/VBHN-BXD, ngày 12/9/2023 của Bộ Xây dựng;
- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/06/2022 của Quốc Hội “tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;
- Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 11 tháng 08 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Về đẩy mạnh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp;
- Thông tư số 01/2017/TT-BNTMT ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định Định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao;
- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT, ngày 29 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 01/2021/TT-BNTMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh Đắk Nông về chủ trương đầu tư dự án Chông xuống cấp, tu bổ di tích địa điểm lưu niệm N’Trang Gưh, xã Buôn Choah, huyện Krông Nô; hạng mục: Nhà bia tưởng niệm và hạ tầng kỹ

thuật;

- Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh Đắk Nông thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn (nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) giai đoạn 2021- 2025;

- Nghị quyết số 148/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 3;

- Nghị quyết số 152/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đắk Nông ngày 20/8/2021 Về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: hồ chứa nước Đăk Na, tỉnh Đắk Nông;

- Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023;

- Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023;

- Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục bổ sung, điều chỉnh các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023;

- Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2024;

- Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Về việc sửa đổi, bổ Sung Bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 29/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐUBND ngày 13/12/2023 của của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Quyết định số 2004/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất tổng thể do các Công ty Nông Lâm nghiệp bàn giao về địa phương quản lý;

- Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 08/05/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Ban hành quy định bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành danh mục các dự án kêu gọi, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2020 - 2025;

- Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 12 tháng 05 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cho các huyện, thành phố Gia Nghĩa;

- Quyết định số 1630/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2022 - 2025;

- Quyết định số 2074/QĐ-UBND, ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Krông Nông, tỉnh Đắk Nông;

- Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 25/07/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Krông Nông, tỉnh Đắk Nông;

- Quyết định 1078/QĐ-UBND ngày 30/06/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông Về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023;

- Chương trình số 46-CTr/TU ngày 22/9/2022 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Kết luận số 177-KL/TU, ngày 19/8/2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông về việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 17/11/2011 của Tỉnh ủy về phát triển đô thị tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Kế hoạch số 857/KH-UBND của UBND tỉnh về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 17/11/2011 của Tỉnh ủy về phát triển đô thị tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Công văn số 1279/UBND-KTN ngày 20/03/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc triển khai lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm thời kỳ (2022-2025), Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ (2022-2030) cấp huyện;

- Báo cáo số 804/BC-SNN ngày 02/12/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông về Kết quả rà soát, đề xuất phương án tích hợp quy hoạch lâm nghiệp vào quy hoạch tỉnh giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn 2050;

- Báo cáo số 510/BC-UBND ngày 19/08/2022 của UBND huyện Krông Nông Về Thông tin các dự án trong danh mục dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2020 - 2025;

- Báo cáo Báo cáo 907/BC-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023, đánh giá tình hình triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 trên địa bàn huyện Krông Nông.

- Kết quả thống kê đất đai các năm 2022, ước thống kê đến 31/12/2023 huyện Krông Nông;

- Số liệu niên giám thống kê 2016-2022 của huyện Krông Nông;

- Các tài liệu khác liên quan.

4. Nội dung báo cáo

Đặt vấn đề.

I. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.

II. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

III. Lập kế hoạch sử dụng đất.

IV. Giải pháp thực hiện.

Kết luận và kiến nghị

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên

1.1.1. Điều kiện tự nhiên

a. Vị trí địa lý

Huyện Krông Nô nằm phía Đông của tỉnh Đắk Nông, có tổng diện tích tự nhiên 81.349,32 ha, được chia thành 12 đơn vị hành chính gồm 11 xã và 01 thị trấn; có tọa độ địa lý từ 12⁰11'16" đến 12⁰33'12" độ vĩ Bắc và từ 107⁰41'52" đến 108⁰05'41" độ kinh Đông; vị trí địa lý của huyện tiếp giáp với các đơn vị như sau:

- Phía Nam giáp huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông;
- Phía Bắc giáp huyện Cư Jút và huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông;
- Phía Tây giáp huyện Đắk Mil và huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông;
- Phía Đông giáp huyện Krông Ana và huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Huyện Krông Nô có các tuyến giao thông quan trọng chạy qua trung tâm huyện như tuyến tỉnh lộ 28, nối quốc lộ 14 với huyện và thành phố Gia Nghĩa; tuyến tỉnh lộ 3 đi thị trấn Đắk Mil. Có nhiều di tích, thắng cảnh nổi tiếng đã được biết đến như thác Dray Sáp, khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, khu căn cứ kháng chiến B4 - Liên tỉnh IV, khu di tích lịch sử N'Trang Gur...; có tiềm năng về điện mặt trời, thủy điện đã và đang được khai thác; có nguồn khoáng sản phong phú.

b. Địa hình, địa mạo

Địa hình huyện Krông Nô đa dạng và được chia thành ba dạng chính:

- Dạng địa hình núi cao: phân bố về phía Tây và phía Nam của huyện, chiếm khoảng 51% tổng diện tích tự nhiên. Các xã Đắk Nang, Đức Xuyên, Nam Nung, Nam N'Đir, khu bảo tồn Nam Nung mang nét đặc trưng của dạng địa hình này.



Hình 01: Mô hình độ cao huyện Krông Nô

- Dạng địa hình đồi núi thấp đến trung bình: tập trung ở phía Bắc và trung tâm huyện, chiếm khoảng 39% tổng diện tích tự nhiên. Tập trung ở các xã Đắk Sôr, Nam Đà, thị trấn Đắk Mâm.

- Dạng địa hình thung lũng: tập trung phía Đông, dọc theo dòng sông Krông Nô và các suối lớn, chủ yếu ở các xã Đức Xuyên, Buôn Choách, Đắk Nang, Nam N'Đir, chiếm khoảng 10% tổng diện tích tự nhiên.

c. Khí hậu, thời tiết

Khí hậu huyện Krông Nô mang nét chung của khí hậu vùng nhiệt đới gió mùa Cao nguyên. Thời tiết hàng năm có hai mùa rõ rệt: mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến hết tháng 10, chiếm trên 84% lượng mưa cả năm; mùa khô bắt đầu từ tháng 11 đến hết tháng 4 năm sau, lượng mưa không đáng kể, trong đó tháng 2 và tháng 3 hầu như không mưa.

Biên độ nhiệt ngày đêm trung bình từ 12 - 14⁰C, sự chênh lệch nhiệt độ trung bình giữa các tháng trong năm khoảng 4- 5⁰C, vùng núi cao nhiệt độ cũng chỉ hạ thấp hơn so với vùng khác từ 1- 2⁰C.

d. Thủy văn

Krông Nô nằm trong khu vực chân sườn Tây của lưu vực sông Krông Nô nên nguồn nước mặt tương đối ổn định, chủ yếu tập trung trên các suối chính như suối Đăk Sô, suối Đăk Mâm, suối Đăk Nang, suối Đăk Rô, suối Đăk P'ri... Mật độ sông suối trên địa bàn huyện là 0,4 - 0,6 km/km², do địa hình phức tạp, hệ thống sông suối có độ dốc lớn, lòng suối hẹp và có nhiều thác ghềnh.

Hồ tự nhiên: Cùng với hệ thống sông suối còn có hồ Ea Snô, hồ Buôn Lang, hồ Đăk Viên..., cảnh quan rộng với nhiều phong cảnh rừng núi bao bọc, nhiều loại động thực vật phong phú, có ưu thế phát triển du lịch sinh thái và nuôi trồng thủy sản.

- Hồ thủy lợi: Huyện có rất nhiều hồ đập thủy lợi lớn nhỏ, trong đó phải kể đến hồ thủy lợi Đăk Rô, hồ Buôn Dong, hồ Đăk Nang; diện tích mặt nước này tạo ra một vùng cảnh quan sinh thái, có giá trị lớn trong việc cung cấp nước tưới cho đồng ruộng và nuôi trồng thủy sản.

1.1.2. Các nguồn tài nguyên

a. Tài nguyên đất

Theo tài liệu điều tra đất của Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp xây dựng năm 1978 và các tài liệu điều tra bổ sung năm 2005, trên địa bàn huyện có 8 nhóm đất chính với 14 loại đất như sau:

Bảng 1: Thống kê diện tích, nhóm đất huyện Krông Nô

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN TOÀN HUYỆN			81.349,32	100
I	NHÓM BÃI CÁT, CỒN CÁT	C	220,0	0,27
1	Bãi cát bằng ven sông	Cb	220,0	0,27
II	NHÓM ĐẤT PHÙ SA	P	6.077,0	7,47
2	Đất phù sa không được bồi, chua	P	3.135,0	3,85
3	Đất phù sa glây	Pg	2.942,0	3,62
III	NHÓM ĐẤT XÁM	X	3.272,0	4,02
4	Đất xám trên phù sa cổ	X	1.985,0	2,44
5	Đất xám trên macma acid	Xa	279,0	0,34
6	Đất xám trên đá cát	Xq	1.008,0	1,24
IV	NHÓM ĐẤT ĐEN	R	1.811,0	2,23

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
7	Đất đen trên sản phẩm bồi tụ của bazan	Rk	1.314,0	1,62
8	Đất nâu thẫm trên sản phẩm đá bọt, ba zan	Ru	497,0	0,61
V	NHÓM ĐẤT ĐỎ VÀNG	F	61.280,0	75,33
9	Đất nâu đỏ trên đá macma bazơ và trung tính	Fk	3.421,0	4,21
10	Đất nâu vàng trên đá macma bazơ và trung tính	Fu	8.448,0	10,38
11	Đất đỏ vàng trên đá sét và đá biến chất	Fs	49.411,0	60,74
VI	NHÓM ĐẤT MÙN VÀNG ĐỎ TRÊN NÚI	H	2.100,0	2,58
12	Đất mùn đỏ vàng trên đá phiến sét	Hs	2.100,0	2,58
VII	NHÓM ĐẤT THUNG LŨNG	D	652,0	0,80
13	Đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ	D	652,0	0,80
VIII	ĐẤT XÓI MÒN TRƠ SỎI ĐÁ	E	5.937,32	7,30
14	Đất xói mòn trơ sỏi đá	E	5.937,32	7,30

Nguồn: Tổng hợp từ Bản đồ đất Đắk Nông - Viện QHTKNN (2005)

- Nhóm đất bãi cát, cồn cát:

Diện tích: 220,0 ha, chiếm 0,27% diện tích tự nhiên toàn huyện, tập trung ở các xã Buôn Choánh, Đức Xuyên, Đắk Nang, Quảng Phú.

- Nhóm đất phù sa: Tổng diện tích khoảng 6.077,0 ha, chiếm 7,47% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

- Nhóm đất xám: Có diện tích 3.272,0 ha, chiếm 4,02% tổng diện tích tự nhiên của huyện.

- Nhóm đất đen: Có diện tích 1.811,0 ha, chiếm 2,23% tổng diện tích tự nhiên của huyện.

- Nhóm đất đỏ vàng: Là nhóm đất có diện tích lớn nhất trên địa bàn 61.280,0 ha, chiếm 75,33% tổng diện tích tự nhiên.

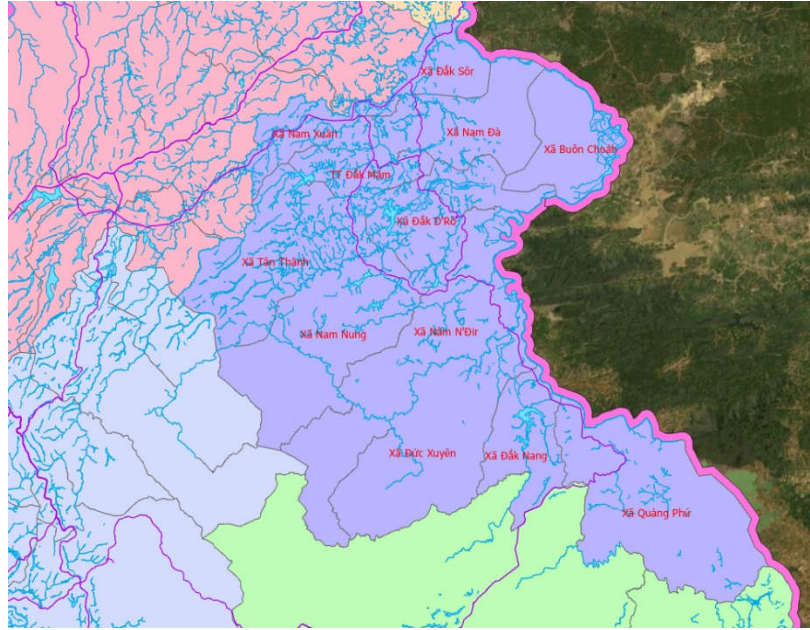
- Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi: diện tích 2.100,0 ha, chiếm 2,58% tổng diện tích tự nhiên; phân bố ở các xã Năm Nung, Năm N'Đir, Đức Xuyên.

- Nhóm đất thung lũng (D): Toàn huyện có khoảng 652,0 ha chiếm 0,8% diện tích tự nhiên, tập trung ở các xã Đắk Drô, Năm Nung.

- Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá (E): Diện tích 5.937,30 ha, chiếm 7,30% tổng diện tích tự nhiên. Phân bố chủ yếu trên địa bàn xã Buôn Choánh.

b. Tài nguyên nước

- Nước mặt: Krông Nô nằm trong khu vực chân sườn Tây của lưu vực sông Krông Nô nên nguồn nước mặt tương đối ổn định, chủ yếu tập trung trên các suối chính như suối Đắk Sôr, suối Đắk Mâm, suối Đắk Nang, suối Đắk Rô, suối Đắk P'ri... Tuy nhiên, trong những năm gần đây, vào mùa khô lượng nước mặt thường bị thiếu hụt do độ che phủ mặt đất giảm, khả năng giữ ẩm kém.



Hình 02: Hệ thống sông suối huyện Krông Nô

- Nước dưới đất:

Theo kết quả lập bản đồ Địa chất thủy văn của Liên Đoàn ĐCTV- ĐCCT Miền Trung, nước ngầm trên địa bàn huyện chủ yếu vận động và thường tồn tại trong các khe nứt của đá phun trào bazan, độ sâu phân bố 15 đến 120 m. Nước có trữ lượng và chất lượng tốt, đảm bảo cho ăn uống, sinh hoạt và phục vụ cho sản xuất.

c. Tài nguyên rừng

Theo số liệu hiện trạng năm 2022, toàn huyện có 19.624,17 ha đất có rừng, chiếm 23,69% diện tích tự nhiên, trong đó:

+ Đất rừng sản xuất	3.833,98 ha.
+ Đất rừng phòng hộ	5.329,78 ha.
+ Đất rừng đặc dụng	10.460,41 ha.

Trạng thái rừng chủ yếu là rừng trung bình, rừng nghèo và rừng phục hồi. Tỷ lệ che phủ rừng (chỉ tính độ che phủ trong quy hoạch 3 loại rừng) là 28,68%, nếu tổng hợp thêm diện tích cây điều, cao su (cây đa mục đích được tính vào độ che phủ rừng) nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng thì độ che phủ rừng huyện đạt 35,1%.

Với diện tích rừng khá lớn cùng với sự đa dạng của địa hình, khí hậu nên số lượng và chủng loại động vật đa dạng với nhiều loài động vật như: Trăn gió, Đại bàng, lợn, nai, mèo, gấu, khi,... Động vật rừng phong phú và đa dạng, đây là nơi chứa nhiều nguồn gen động vật quý có giá trị và ý nghĩa rất lớn cho công tác nghiên cứu khoa học.

d. Tài nguyên khoáng sản, vật liệu xây dựng Theo báo cáo quy hoạch khoáng sản tỉnh Đắk Nông, tại huyện Krông Nô có một số loại khoáng sản chủ yếu như:

- Sét gạch ngói: Tập trung ở Đắk Sôr, Đức Xuyên, Quảng Phú, Nam Đà, nhưng có trữ lượng không nhiều, chủ yếu phục vụ nhu cầu xây dựng tại chỗ và một số vùng lân cận.

- Than bùn: Tập trung tại thôn Ea Sanô xã Đắk Drô, thôn Nam Hải xã Nam

Đà.

- Đá granit: Trữ lượng 20,5 triệu m³, diện tích và trữ lượng khá lớn, thành phần có độ phân khối lớn, đá có hạt trung bình, màu xám đốm đen và có độ bóng cao, tập trung chủ yếu ở xã Quảng Phú, Năm Nung, Tân Thành, Buôn Choah...

- Đá Bazan bột: Trữ lượng 81,2 triệu m³, phân bố tại xã Buôn Choah, Quảng Phú.

- Cát xây dựng: trữ lượng 5,78 triệu m³, phân bố tại các xã Quảng Phú, Đức Xuyên và nằm trong lòng, bãi bồi sông Krông Nô.

1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

1.2.1. Lĩnh vực kinh tế

(Nguồn: Báo cáo 907/BC-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023, đánh giá tình hình triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 trên địa bàn huyện Krông Nô. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đạt được trong năm 2023:

1.2.1.1 Công nghiệp: Tình hình sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện trong năm 2023 phát triển tương đối ổn định, các mặt hàng sản xuất cơ bản đáp ứng nhu cầu của thị trường. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong năm 2023 ước đạt 1.642,7/1.625 tỷ đồng đạt 101,1%.

1.2.1.2 Nông nghiệp và nông thôn

a) Trồng trọt: Trong năm 2023 toàn huyện gieo trồng được 62.619 ha/62.026 đạt 101%KH, tăng 188,5 ha so với năm năm 2022; Tổng sản lượng lương thực đạt 139.420 tấn/136.846 tấn đạt 101%KH, giảm 9.607,5 tấn so với năm 2022.

- **Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:** Thực hiện Chương trình số 44-CTr/HU ngày 22/11/2019 của Huyện ủy Krông Nô về thực hiện Chỉ thị số 43-CT/TU ngày 12/8/2019 của Tỉnh ủy Đắk Nông về triển khai Đề án quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035; Kế hoạch số 246/KH-UBND về thực hiện Quyết định số 02/QĐ-UBND, triển khai Nghị quyết 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh về phát triển Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện Krông Nô đến năm 2030 và định hướng đến năm 2035. Năm 2023, đã đạt được các kết quả sau:

+ *Vùng sản xuất lúa ứng dụng công nghệ cao xã Buôn Choah:* Tổng diện tích gieo trồng là 1.327 ha/2 vụ (Vụ Đông Xuân 2022 - 2023 sản xuất 677ha; Vụ Hè thu 2023, sản xuất 650 ha). Đến nay diện tích sản xuất lúa ST24, ST25 đạt 85% diện tích; tiếp tục duy trì sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, quản lý dịch hại tổng hợp IPM, tiến hành khảo nghiệm các giống mới chất lượng cao (TBR39), sử dụng các chế phẩm sinh học thân thiện môi trường, an toàn với người sử dụng dần thay thế thuốc bảo vệ thực vật từng bước tiến tới sản xuất theo hướng hữu cơ sinh học; tỷ lệ cơ giới hoá đạt trên 65% quá trình SX (Sử dụng máy cày đất; sử dụng máy bay không người lái để gieo hạt, phun thuốc, bón phân, thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp).

+ *Vùng sản xuất cà phê ứng dụng CNC xã Năm Nung:* Đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận vùng sản xuất cà phê UDCNC tại xã Năm Nung với diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn RA, 4C, UTZ đạt 340ha, hình thành liên kết sản xuất cà phê bền vững

Nâm Nung với 150 thành viên tham gia liên kết HTX phát triển nông nghiệp Công Bằng Thanh Thái.

+ *Vùng sản xuất ngô ứng dụng công nghệ cao xã Đức Xuyên*: Phối hợp với Công ty TNHH hạt giống C.P VN, Công ty VINASEED, Công ty TNHH Sygenta Việt Nam sản xuất 468 ha (Vụ Đông Xuân 2022-2023, sản xuất 230 ha, năng suất đạt 9 tấn/ha, đơn giá 13.500 đồng/kg; Vụ Hè thu 2023, sản xuất 238 ha). Hiện nay, đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận vùng sản xuất ngô ứng dụng công nghệ cao tại xã Đức Xuyên. Hiện nay còn vướng mắc do quy định từ Trung ương (Quyết định 66/2015/QĐ-TTg) cây ngô không phải là cây chủ lực của địa phương, không nằm trong danh mục.

- Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) - Kinh tế tập thể:

- Đến nay, trên địa bàn huyện có 16 sản phẩm OCOP với 04 sản phẩm 4 sao và 12 sản phẩm 3 sao, cụ thể:

+ Sản phẩm OCOP đạt 4 sao gồm: (1) Cam sành hữu cơ, (2) Quýt ngọt hữu cơ của HTX SX nông, lâm nghiệp hữu cơ Quảng Phú; (3) Gạo ST 24 Krông Nô của HTX sản xuất lúa gạo Buôn Choah; (4) Bơ Núi lửa của HTX Nông nghiệp dịch vụ Bơ Núi lửa Krông Nô.

+ Sản phẩm OCOP đạt 3 sao gồm: (1) Chocolate Duy Nghĩa, (2) bột ca cao Duy Nghĩa của HTX NN Krông Nô; (3) Cà phê bột TIN TRUE COFFEE của HTX Tin True Coffee; (4) Cà phê bột rang xay, (5) cà phê phin giấy của HTX PTNN Công Bằng Thanh Thái; (6) Gạo ST 24 của HTX Nông nghiệp Buôn Choah; (7) Đông trùng hạ thảo sấy thăng hoa của HTX Đông trùng hạ thảo Ròng Vàng; (8) Hạt dổi Thanh Xuân của HTX Dịch vụ nông nghiệp gia vị ẩm thực; (9) Sản phẩm Bưởi núi đã Exano của HTX dịch vụ nông nghiệp sinh thái Nâm N'Đir; (10) Sản phẩm Mật ong hương rừng núi lửa của Hộ kinh doanh Vân Phạm; (11) Sản phẩm Ôi ruby của hộ kinh doanh Vương Thị Hằng; (12) Mật ong Hoà phát của Hộ kinh doanh Lê Thị Ánh Nga.

- Đối với các sản phẩm đã được chứng nhận, tiếp tục duy trì và mở rộng diện tích đã được chứng nhận sản xuất nông nghiệp tốt, tích cực tham gia các hội chợ, hội nghị, hội thảo kết nối cung cầu... để giới thiệu, quảng bá sản phẩm; Tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử như: OCOP, VOSO, POSTMART... thị trường được mở rộng, giá tăng cao và ổn định hơn so với trước khi chứng nhận, đã góp phần mang lại hiệu quả kinh tế cao cho các chủ thể tham gia.

- Tổ chức mở tập huấn chương trình mỗi xã một sản phẩm theo quyết định 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 cho cán bộ, công chức cấp xã, cấp thôn, các HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện nhằm giúp cho các HTX, Tổ hợp tác, các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện hiểu rõ về giá trị trong việc phát triển sản phẩm OCOP, khơi dậy tiềm năng, lợi thế những sản phẩm có tiềm năng trên địa bàn huyện phát triển thành sản phẩm OCOP nhằm nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ và du lịch nông thôn.

- Kinh tế tập thể: Thành lập mới 03 Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông

nghiệp gồm: HTX Sản xuất thương mại cà phê chất lượng cao Đắk Tâm; HTX Khang Thọ Quảng Phú; HTX Nông nghiệp cà phê Thái Trang Krông Nô. Nâng tổng số HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp lên 30 HTX; trong đó 14 HTX hoạt động tốt, 6 HTX ngưng hoạt động đề nghị giải thể bắt buộc, 10 HTX hoạt động khá và trung bình. Ngoài ra, còn hỗ trợ hộ kinh doanh, HTX có đầy đủ thủ tục pháp lý tham gia sản xuất, kinh doanh theo đúng quy định pháp luật; cấp giấy chứng nhận, thu hồi, thay đổi, tạm ngừng kinh doanh, bổ sung ngành nghề theo đúng quy định của pháp luật. Trong năm, đã cấp được 159 giấy phép đăng ký kinh doanh thuộc ngành thương mại - dịch vụ với tổng số vốn đăng ký kinh doanh là: 94,603 tỷ đồng.

b) Thủy sản

- Chăn nuôi: Tổng đàn gia súc năm 2023 đạt 161.500 con/160.000 con đạt 100,6%KH. Tổng đàn gia cầm 615.000 con/600.000 con đạt 102,5%KH. Tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm, bệnh dại trên địa bàn huyện cơ bản được kiểm soát...

- Số trang trại chăn nuôi toàn huyện hiện có 105 trang trại, tăng 20 trang trại (3 trang trại chăn nuôi quy mô lớn, 12 trang trại quy mô vừa, 90 trang trại quy mô nhỏ). Hiện nay, gia súc nuôi trang trại đã đạt hơn 2/3 tổng đàn và gia cầm hơn 1/2 tổng đàn.

- Thủy sản: Tổng diện tích ao nuôi 330ha/330ha đạt 100% KH; tổng số lồng nuôi cá trên sông 200 lồng/180 lồng đạt 111%KH; tổng sản lượng ước đạt 3.000 tấn/3.000 tấn đạt 100%KH.

c) Lâm nghiệp

- Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng: Từ đầu năm đến nay, các cơ quan chức năng phát hiện, xử lý 01 vụ phá rừng trái phép, diện tích rừng bị phá là 0,04 ha, so với cùng kỳ năm 2022 (12 vụ/4,733 ha) thì số vụ phá rừng giảm 11 vụ, diện tích rừng bị phá giảm 4,693 ha.

- Diện tích cháy rừng: Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn huyện xảy ra 02 vụ cháy rừng: 01 vụ cháy rừng tự nhiên tại khoảnh 1, tiểu khu 1307 do Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý, thuộc địa giới hành chính xã Đức Xuyên; khu vực bị cháy 1,5 ha, chủ yếu là cháy thảm thực bì, cỏ, cây bụi dưới tán rừng và được khống chế, dập lửa kịp thời nên không gây thiệt hại về rừng; 01 vụ cháy rừng trồng Keo lai trồng năm 2016 tại khoảnh 2, 5, tiểu khu 1275 do Công ty TNHH Bảo Lâm quản lý thuộc địa giới hành chính xã Tân Thành; khu vực cháy 6,9 ha, chủ yếu là cháy dưới tán rừng.

- Công tác vận động phát triển rừng đã thực hiện được 932,32 ha/970 ha đạt 96,1%KH; gồm: Trồng rừng tập trung 185,37 ha/150 ha, đạt 123,6% KH; Khoanh nuôi tái sinh: 690 ha/690 ha, đạt 100% KH (*chuyển tiếp 588,7 ha; mới 101,3 ha*); Nông lâm kết hợp thực hiện 56,95 ha/130 ha, đạt 43,8% KH. Thực hiện của UBND các xã là 51,7 ha/35 ha, đạt 156,3% KH. Bên cạnh đó, Đề án "Trồng một tỷ cây xanh" của Thủ tướng Chính phủ năm 2023 trên địa bàn huyện Krông Nô đã thực hiện trồng được 95.690/94.495 cây xanh các loại, đạt 101% KH.

- Công tác giao đất, giao rừng: Năm 2023, UBND huyện Krông Nô xây dựng Kế hoạch số 271/KH-UBND ngày 27/12/2022 kế hoạch giao rừng năm 2023 trên địa bàn,

được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 08/02/2023. Diện tích rừng dự kiến giao là 116,60 ha cho 05 hộ gia đình, UBND huyện đã ban hành 04 Quyết định giao đất, giao rừng cho 04 hộ gia đình với diện tích 73,7 ha (*có 01 hộ gia đình/23,35 ha không nhận rừng để thực hiện quản lý, bảo vệ*).

d) Về công tác xây dựng Nông thôn mới: Năm 2023 toàn huyện đạt **189** tiêu chí, bình quân mỗi xã đạt 17,18 tiêu chí/xã, tăng 2,28 tiêu chí/xã so với năm 2022. Số tiêu chí đạt theo kế hoạch năm 2023 là 26/15 tiêu chí đạt 173%KH. Thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 1038/QĐ-UBND của UBND tỉnh đối với 4 xã (*Nam Đà, Đăk Sôr, Đăk Drô, Nâm Nung*) đạt 21 tiêu chí; trong đó: Xã Đăk Sôr đạt 04/19 tiêu chí, Xã Nam Đà đạt 11/19 tiêu chí, Xã Đăk Drô đạt 06/19 tiêu chí, xã Nâm Nung mới công nhận.

1.2.1.3 Thương mại, dịch vụ và du lịch

a) Thương mại: Thị trường hàng hóa trên địa bàn huyện trong năm 2023 được đảm bảo, hàng hóa có nguồn cung ổn định, không khan hiếm, đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, không xảy ra tình trạng các cơ sở kinh doanh đầu cơ găm hàng, không xảy ra tình trạng bất bình ổn hàng hóa trên địa bàn huyện, giá cả hàng hóa tương đối ổn định, không có tăng giá đột biến như cuối năm 2022. Tổng doanh thu bán buôn, bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn huyện trong năm 2023 ước đạt 3.150/3.051,3 tỷ đồng, đạt 103,2% so với Kế hoạch. Hiện nay, trên địa bàn toàn huyện có 07 chợ hạng 3 và 01 chợ tạm với tổng số tiểu thương kinh doanh, buôn bán tại các chợ khoảng 622 tiểu thương; trong đó: Số tiểu thương buôn bán cố định 400 tiểu thương, số lượng tiểu thương buôn bán không cố định 222 tiểu thương.

b) Dịch vụ vận tải hàng hoá, hành khách: Bến xe khách huyện đáp ứng được nhu cầu đi lại, vận chuyển của người dân trên địa bàn huyện, thực hiện đầy đủ, đúng quy trình giải quyết cho xe ra vào bến; thực hiện kiểm tra, kiểm soát các xe ra vào bến đăng ký đón trả khách. Trong các đợt nghỉ Lễ tết và nghỉ lễ 30/4, 1/5, 02/9, Bến xe khách huyện có 15 đầu xe hoạt động, chạy đối lưu đến 08 tỉnh, thành phố (Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bình Thuận, Vũng Tàu, Đồng Nai, Nam Định, Lạng Sơn, Thanh Hoá), đáp ứng được nhu cầu đi lại của người dân. Khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt 46 triệu tấn.km đạt 103,4% KH năm; Khối lượng vận chuyển hành khách ước đạt 43 triệu HK.km đạt 100,47% KH năm.

c) Du lịch: Trên địa bàn huyện hiện có 17 cơ sở lưu trú với 180 phòng, trong đó có 02 khách sạn đạt tiêu chuẩn 02 sao, 15 nhà nghỉ, 01 nhà hàng, 01 tổ du lịch cộng đồng đã đi vào hoạt động và 02 farmstay đang từng bước đầu tư, hoàn thiện các cơ sở pháp lý, cơ sở vật chất phục vụ... Tính từ đầu năm 2023 đến nay, lượt khách tham quan, nghỉ dưỡng trên địa bàn huyện hơn 70.100 lượt, doanh thu ước đạt hơn 12 tỷ đồng, đạt 65% so với năm 2022. Qua kiểm tra ghi nhận chất lượng dịch vụ tại các điểm du lịch, lưu trú trên địa bàn huyện đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy và vệ sinh an toàn thực phẩm. Đồng thời, thực hiện niêm yết công khai giá dịch vụ, bố trí đầy đủ các biển báo nguy hiểm ở những nơi có thể xảy ra tai nạn tại các điểm tham quan du

lịch, thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật, độ an toàn của các phương tiện vận chuyển khách du lịch.

1.2.1.4 Đầu tư phát triển: Giá trị xây dựng toàn xã hội ước thực hiện cả năm 2023 đạt 1.301/1.296 tỷ đồng, đạt 100,4% KH. Công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình thường xuyên được chú trọng. Tính đến ngày 31/10/2023, đã thực hiện kiểm tra, nghiệm thu 29 công trình đủ điều kiện đưa vào sử dụng và cấp 57 Giấy phép xây dựng công trình các loại.

a) Tình hình, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2023:

Giải ngân đến hết ngày 30/11/2023 là 122.106/160.850 triệu đồng, đạt 75,91% kế hoạch vốn. Ước thực hiện đến hết ngày 31/01/2024 giải ngân được 160.728/160.850 triệu đồng, đạt 99,91%. Cụ thể:

- Nguồn vốn tỉnh quản lý và phân bổ giải ngân đến ngày 30/11/2023 là 77.910/96.985 triệu đồng, đạt 80,33 %KH vốn. Ước thực hiện đến hết ngày 31/01/2024 giải ngân được 96.975/96.985 triệu đồng, đạt 99,99%KH vốn.

- Nguồn vốn huyện quản lý và phân bổ giải ngân đến ngày 30/11/2023 là 36.965/55.251 triệu đồng, đạt 66,9% KH vốn. Ước thực hiện đến hết ngày 31/01/2024 giải ngân được 55.139/55.251 triệu đồng. Trong đó:

+ Nguồn vốn tỉnh phân cấp hằng năm theo điểm số thực hiện giải ngân đến hết ngày 30/11/2023 là 14.315/14.854 triệu đồng, đạt 96,37% KH vốn. Ước thực hiện đến hết ngày 31/10/2024 giải ngân được 14.742/14.854 triệu đồng, đạt 99,24%KH vốn.

+ Nguồn vốn cân đối ngân sách cấp huyện (nguồn vốn thu tiền sử dụng đất, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và nguồn tỉnh hỗ trợ) giải ngân đến ngày 30/11/2023 là 22.650/40.397 triệu đồng, đạt 56,07% KH vốn. Ước thực hiện đến hết ngày 31/01/2024 giải ngân được 40.397/40.397 triệu đồng, đạt 100%KH vốn.

- Nguồn vốn ngân sách xã thực hiện giải ngân đến 30/11/2023 là 7.232/8.614 triệu đồng, đạt 83,95% kế hoạch. Ước thực hiện đến hết ngày 31/01/2024 giải ngân được 8.614/8.614 triệu đồng, đạt 100%KH vốn.

b) Tình hình, tiến độ giải ngân các nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia:

- **Giải ngân vốn năm 2022:** Tình hình giải ngân vốn năm 2022 đến hết ngày 30/11/2023 là 55.822/76.087 triệu đồng, đạt 73,37%; ước giải ngân đến hết ngày 31/12/2023 là 72.396/76.087 triệu đồng, đạt 95,15% kế hoạch vốn. Trong đó:

+ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện giải ngân đến hết ngày 30/11/2023 là 23.595/31.575 triệu đồng, đạt 74,73%; ước giải ngân đến hết ngày 31/12/2023 được 28.768/31.575 triệu đồng, đạt 91,11% kế hoạch vốn.

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giải ngân đến ngày 30/11/2023 là 2.807/6.888 triệu đồng, đạt 40,75%; ước giải ngân đến hết ngày 31/12/2023 là 6.701/6.888 triệu đồng, đạt 97,28% kế hoạch vốn.

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giải ngân đến hết ngày 30/11/2023 là 29.421/37.624 triệu đồng, đạt 78,2%; ước giải ngân đến hết ngày 31/12/2023 là 36.927/37.624 triệu đồng, đạt 98,15% kế hoạch vốn.

- Giải ngân vốn năm 2023: Tình hình giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia đến hết ngày 30/11/2023 là 21.340/102.227 triệu đồng, đạt 20,9%; Các đơn vị đã và đang hoàn thành các thủ tục đầu tư, đang thi công và đang hoàn thiện các thủ tục thanh toán; ước giải ngân đến hết ngày 31/01/2024 là 86.623/102.227 triệu đồng, đạt 84,7% kế hoạch vốn. Cụ thể:

+ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện giải ngân đến hết ngày 30/11/2023 là 10.996/40.077 triệu đồng, đạt 27,4%; ước giải ngân đến hết ngày 31/01/2024 là 32.619/40.077 triệu đồng, đạt 81,4% kế hoạch vốn.

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững thực hiện giải ngân đến hết ngày 30/11/2023 là 1.027/13.491 triệu đồng, đạt 8,2%; ước giải ngân đến hết ngày 31/01/2024 là 10.720 triệu đồng, đạt 79,5% kế hoạch vốn.

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giải ngân đến hết ngày 30/11/2023 là 9.235/48.659 triệu đồng, đạt 19%; ước giải ngân đến hết ngày 31/01/2024 là 43.284/48.659 triệu đồng, đạt 89% kế hoạch vốn.

1.2.1.5 Thu chi ngân sách

Thu Ngân sách: Ngay từ đầu năm huyện đã chỉ đạo quyết liệt thực hiện các biện pháp nhằm tăng thu ngân sách, chống thất thu ngân sách. Đến ngày 30/11/2023 là: 122,636/173,150 tỷ đạt 70,8% kế hoạch giao, trong đó thuế, phí đạt 81,549/103,730 tỷ đồng đạt 78,6% kế hoạch, thu biện pháp tài chính 41,087/69,420 tỷ đồng đạt 59,1% kế hoạch giao. Ước thực hiện đến 31/12/2023 đạt 136,583 tỷ/163,150 tỷ đồng, đạt 83,7% tình giao và đạt 136,583 tỷ/173,150 tỷ, đạt 79% huyện xây dựng.

Thực hiện điều hành chi ngân sách bảo đảm đúng mục tiêu, nhiệm vụ chi, tiết giảm tối đa những khoản chi không cần thiết, tập trung cho chi cải cách tiền lương và chi đầu tư phát triển. Tổng chi ngân sách địa phương đến ngày 30/11/2023 là 488,567/578,035 tỷ đạt 84,5% kế hoạch. Trong đó chi đầu tư là 106,741/123,010 tỷ đồng đạt 87% dự toán, chi thường xuyên đạt 381,826/447,061 tỷ đồng đạt 85% dự toán. Ước đạt năm 2023 là 689,601/578,035 đạt 119,4% so với dự toán (*số liệu ước thực hiện cả năm tăng so với dự toán giao đầu năm chủ yếu từ các nguồn sau: Nguồn tỉnh bổ sung, nguồn chuyển nguồn và nguồn kết dư*).

1.2.1.6 Quản lý quy hoạch, xây dựng: Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch tiếp tục được xác định là vấn đề tiên quyết trong triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư phát triển. Theo đó, UBND huyện đã chỉ đạo quyết liệt triển khai Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 – 2030; chỉ

đạo thực hiện tốt công tác lập Quy hoạch đô thị; thực hiện rà soát, chốt các nội dung, định hướng phát triển của huyện tích hợp vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; công tác quản lý quy hoạch đô thị, nông thôn được thực hiện khá chặt chẽ, đảm bảo thực hiện đúng quy hoạch đề ra, góp phần vào việc tạo cho bộ mặt đô thị, nông thôn trên địa bàn ngày càng khang trang. Chỉ đạo và thực hiện đề xuất tích hợp vị trí Cụm công nghiệp huyện Krông Nô (tại vị trí mới) vào Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 (vì vị trí đầu tư xây dựng dự án Cụm công nghiệp huyện Krông Nô (tại vị trí cũ thuộc xã Nam Đà và xã Đắk Drô) nằm trong khu vực dung nham núi lửa Nam B'lang thuộc vùng công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông (khu vực cấm tác động, cần bảo vệ nghiêm ngặt)); chỉ đạo triển khai xây dựng Quy hoạch quy hoạch chi tiết Trung tâm các xã: Nam Đà, Nam Xuân, Buôn Choah và điều chỉnh quy hoạch chi tiết xã Đắk Drô...

1.2.2 Giáo dục và đào tạo:

Công tác giáo dục và đào tạo tiếp tục được đổi mới căn bản, toàn diện. Triển khai hiệu quả các mục tiêu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đã được quan tâm hướng đến chất lượng giáo dục đạt chuẩn quy định, gắn liền với Chương trình xây dựng nông thôn mới. Đến nay, toàn huyện có 28/46 trường đạt chuẩn quốc gia (chiếm 60,87%); công tác đầu tư xây dựng các trường, lớp học được thực hiện đồng bộ, đáp ứng yêu cầu dạy, học của giáo viên và học sinh.

1.3. Đánh giá chung

a. Thuận lợi

- Huyện Krông Nô có vị trí nằm gần với khu công nghiệp của tỉnh và trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Đây là điều kiện thuận lợi cho giao lưu phát triển kinh tế - xã hội.

- Huyện còn là trung tâm vùng lõi của Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông với nhiều di sản cần quản lý và khai thác phát triển du lịch. Song song đó, các công trình trọng điểm được đầu tư và đưa vào sử dụng tạo điều kiện thuận lợi cho khai thác tiềm năng, lợi thế về đất đai, khoáng sản, sản phẩm nông nghiệp, tài nguyên rừng và tài nguyên du lịch góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội huyện phát triển nhanh và bền vững.

- Điều kiện khí hậu, đất đai thích hợp cho việc thâm canh, đa dạng hoá các loại hình sản xuất, các loại cây trồng, vật nuôi. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu đất đai theo hướng sản xuất hàng hoá với những sản phẩm có chất lượng cao cho tiêu dùng và cho xuất khẩu. Đặc biệt là trên địa bàn huyện Krông Nô có diện tích đất đỏ bazan lớn, chiếm 75,33% tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện, đây là nhóm đất được đánh giá rất thuận lợi cho hoạt động phát triển các cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao như: cà phê, hồ tiêu, cao su, cây ăn quả và nhiều loại cây trồng khác, điều này sẽ tạo ra một lợi thế lớn về mặt chi phí sản xuất và năng suất cho nhiều đối tượng cây trồng.

- Diện tích rừng chiếm tỷ lệ lớn so với tổng diện tích tự nhiên với hệ động thực vật phong phú và đa dạng. Đặc biệt là trên địa bàn có khu du lịch Dray Sáp, khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung và điểm di tích lịch sử, thắng cảnh tự nhiên, các hồ tự nhiên, hệ thống hang động mới được phát hiện tại khu vực xã Buôn Choah sẽ là những địa điểm thu hút sự quan tâm của du khách trong và ngoài nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp tục phát triển ngành du lịch.

- Nền kinh tế, xã hội năm 2023 của huyện, cơ bản đã hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra. Trong 22 nhóm chỉ tiêu cơ bản, gồm 9 nhóm chỉ tiêu kinh tế, 13 nhóm chỉ tiêu văn hoá - xã hội, quốc phòng - an ninh thì có 20/22 nhóm chỉ tiêu đạt và vượt mức kế hoạch chiếm 91% và 02/22 nhóm chỉ tiêu không đạt kế hoạch đề ra chiếm 09%. Bên cạnh những chỉ tiêu đạt vẫn có một số chỉ tiêu thành phần chưa đạt theo kế hoạch như: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, số giường bệnh/vạn dân, tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em, tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hoá, Bên cạnh đó, về số lượng thì hiện có nguồn lao động dồi dào, lao động trẻ là nguồn lực lớn để khai thác tiềm năng và phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới.

- Chương trình xây dựng nông thôn mới đã lan tỏa mạnh mẽ và đạt được những kết quả đáng khích lệ như: sự đồng thuận của nhân dân, đóng góp công sức, đất đai để xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, phục vụ sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

b. Khó khăn

- Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tuy đã được quan tâm đầu tư, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu trong xu thế phát triển, giá thành một số mặt hàng nông sản những năm gần đây đang có xu hướng giảm mạnh, khả năng tiêu thụ và sức cạnh tranh sản phẩm hàng hóa còn thấp, dẫn đến một số doanh nghiệp sản xuất kinh doanh còn thua lỗ.

- Ngành nông nghiệp Huyện còn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế của huyện, nhưng với phương thức sản xuất nhỏ lẻ, manh mún và chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố: biến động của giá cả nông sản; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán; dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi gây ảnh hưởng trực tiếp thu nhập của người nông dân.

- Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhu cầu, phần lớn lao động ở địa phương là lao động phổ thông, tỷ lệ lao động được đào tạo nghề và đặc biệt là lao động kỹ thuật có tay nghề cao còn chiếm tỷ lệ thấp.

- Công tác quản lý, bảo vệ rừng ở một số địa phương, một số công ty và chủ rừng được giao quản lý còn chưa chặt chẽ, vẫn còn để xảy ra tình trạng phá rừng trái phép (tăng 07 vụ, diện tích rừng bị phá tăng 3,015 ha so với năm 2022).

- Nền kinh tế còn tiềm ẩn nhiều yếu tố không ổn định, thiếu bền vững do phụ thuộc phần lớn vào đầu tư từ ngân sách nhà nước, chưa gắn chuyển dịch cơ cấu kinh tế với lao động. Quy mô nền kinh tế rất nhỏ bé, chưa có tích lũy.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

2.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông „*Thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023*”;

Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông “*Cho phép chuyển đổi sử dụng đất trồng lúa để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*”;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc Thông qua Danh mục bổ sung, điều chỉnh các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2074/QĐ-UBND, ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông “*V/v phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông*”;

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Đắk Nông “*V/v phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông*”;

Theo đó trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá Danh mục công trình, dự án, nhu cầu xin chuyển mục đích sử dụng đất đã và đang thực hiện, loại bỏ, chuyển tiếp. Tổng hợp và đánh giá kết quả thực hiện công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất và đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất từ ngày 01/01/2023 đến nay cụ thể như sau:

2.1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá công trình, dự án, nhu cầu xin chuyển mục đích sử dụng đất và cập nhật Phụ lục số 03.2: “*Tổng hợp các trường hợp biến động trong kỳ thống kê đến 31/12/2022 huyện Krông Nô, số liệu thống kê ước đến 30/12/2023*”, các chỉ tiêu sử dụng đất được tổng hợp và đánh giá cụ thể so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Krông Nô như sau:

a. Đất nông nghiệp:

Diện tích hiện trạng sử dụng đất năm 2022 có 73.657,98 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 73.113,01 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 nhóm đất nông nghiệp giảm 544,97 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất nông nghiệp đến hết năm 2023 là 73.627,12 ha giảm 30,87 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất nông nghiệp chỉ đạt $(30,87/544,97) = 5,66\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Nguyên nhân chưa đạt 100% so với kế hoạch 2023 chủ yếu là do các công

trình dự án kêu gọi vốn đầu tư, ngoài ngân sách chưa hoàn thiện thủ tục, vốn thực hiện như dự án như: Điểm dừng chân và nghỉ dưỡng ngắm cảnh quan khu cánh đồng 24 xã Năm N'Đir (tổng diện tích quy hoạch là 135 ha), Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Buôn K62 (tổng diện tích quy hoạch là 38,50 ha), Điểm dừng chân và nghỉ dưỡng ngắm cảnh quan Hồ sen Km 34 xã Năm N'Đir (tổng diện tích quy hoạch là 20 ha)... Các dự án trên chiếm tương đối lớn diện tích thực hiện lấy từ đất nông nghiệp dẫn tới tỷ lệ phần trăm thực hiện đất nông nghiệp đạt thấp. Ngoài ra các dự án vẫn đang trong giai đoạn thực hiện tiếp, có những công trình và dự án cơ bản đã hoàn thành xong đang trong giai đoạn làm thủ tục giao đất như công trình: Hội trường thôn xuyên Hà: 0,05 ha ở xã Đức Xuyên, Nghĩa địa thôn Phú Vinh: 1,5 ha, Nghĩa địa thôn Phú Hòa: 2,0 ha ở xã Quảng Phú, Nhà văn hóa xã Đăk Nang: 0,40 ha... Đánh giá cụ thể gồm:

- Đất trồng lúa: Diện tích hiện trạng sử dụng đất trồng lúa năm 2022 có 2.531,49 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 2.518,77 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu đất trồng lúa trong năm 2023 giảm 12,72 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất trồng lúa đến hết năm 2023 là 2.530,31 ha giảm 1,18 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất trồng lúa chỉ đạt $(1,18/12,72) \times 100 = 9,25 \%$ trong kế hoạch năm 2023.

Nguyên nhân là do chưa thực hiện được hết kế hoạch giảm diện tích đất lúa để chuyển sang thực hiện những công trình, dự án như: Trung tâm xã Đăk Nang; Trung tâm xã Đức Xuyên; Dự án Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10) huyện Krông Nô; nhu cầu chuyển nội bộ đất nông nghiệp...

- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích hiện trạng sử dụng đất trồng cây hàng năm khác năm 2022 có 14.719,49 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 13.588,86 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 đất trồng cây hàng năm khác giảm 1.130,63 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất trồng cây hàng năm khác đến hết năm 2023 là 14.691,24 ha giảm 28,25 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất trồng cây hàng năm khác chỉ đạt $(28,25/1.130,63) = 2,50 \%$ trong kế hoạch năm 2023.

Nguyên nhân là do chưa thực hiện được hết kế hoạch giảm diện tích đất trồng cây hàng năm khác để chuyển sang thực hiện những công trình, dự án như: Khu du lịch sinh thái suối nước trong; Nhà máy điện mặt trời nổi KN Buôn Tua Srah; Cụm công nghiệp huyện; Mỏ đất làm vật liệu san lấp mặt bằng; Trang trại chăn nuôi heo Trường Phát; Khu đô thị mới phía tây nam Hồ thị trấn Đăk Mâm;...

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích hiện trạng sử dụng đất trồng cây lâu năm năm 2022 có 36.244,36 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 35.699,79 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 đất trồng cây lâu năm giảm 544,57 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm đến hết năm 2023 là 36.218,97 ha giảm 25,39 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm chỉ đạt $(25,39/544,57) = 4,66\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Nguyên nhân chủ yếu là do chưa thực hiện được xong kế hoạch giảm diện tích đất trồng cây lâu năm để chuyển sang thực hiện những công trình, dự án như: Dự án điện mặt trời Xuyên Hà; Dự án Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10) huyện Krông Nô; Hồ chứa nước Nam Xuân, tỉnh Đắk Nông; Hồ Đăk Rô 3; Dự án phát triển trang trại nuôi heo tập trung; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và sát hạch lái xe hạng 3.

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích hiện trạng sử dụng đất rừng phòng hộ năm 2022 có 5.329,79 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 5.634,63 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 đất rừng phòng hộ tăng 304,84 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất rừng phòng hộ đến hết năm 2023 là 5.329,79 ha không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất rừng phòng hộ không thay đổi so với chỉ tiêu kế hoạch là do cập nhật số liệu thống kê đất đai vì tính đến thời điểm hiện tại thì trên địa bàn huyện cũng chỉ thực hiện dự án giao, cho thuê rừng và đất lâm nghiệp trên cơ sở diện tích hiện trạng đất rừng đã có, không thực hiện chuyển mục đích từ các loại đất khác sang.

- Đất rừng đặc dụng: mục tiêu xây dựng kế hoạch sử dụng đất rừng đặc dụng năm 2023 là duy trì, ổn định diện tích hiện có, do đó không đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tăng hoặc giảm đối với chỉ tiêu sử dụng đất này.

- Đất rừng sản xuất: Diện tích hiện trạng sử dụng rừng sản xuất năm 2022 có 3.833,98 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 4.523,63 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 đất rừng sản xuất tăng 689,65 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất rừng sản xuất đến hết năm 2023 là 3.833,98 ha không thay đổi ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất rừng sản xuất không thay đổi so với chỉ tiêu kế hoạch là do cập nhật số liệu thống kê đất đai vì tính đến thời điểm hiện tại thì trên địa bàn huyện cũng chỉ thực hiện dự án giao, cho thuê rừng và đất lâm nghiệp trên cơ sở diện tích hiện trạng đất rừng đã có, không thực hiện chuyển mục đích từ các loại đất khác sang. Mục tiêu chính của dự án này là bảo vệ rừng, đất rừng, tăng độ che phủ của rừng. Nguyên nhân thấp hơn nhiều so với chỉ tiêu quy hoạch là do đến năm 2030 dự kiến sẽ thực hiện nhu cầu tăng thêm 8.336,15 ha quy hoạch đất rừng sản xuất lấy từ các loại đất khác chuyển sang.

Có thể thấy, diện tích đất rừng của huyện được giữ ổn định, đặc biệt là rừng đặc dụng và rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Đây là thành quả của các cấp đảng ủy, chính quyền và nhân dân trong huyện đối với việc thực hiện bảo vệ và phát triển rừng trong cả năm qua. Thực hiện hiệu quả các chương trình phủ xanh đồi núi trọc nhằm nâng cao độ che phủ rừng như trồng rừng tập trung, khoanh nuôi, tái sinh, nông lâm kết hợp. Tuy nhiên, xét về việc thực hiện chuyển mục đích đất sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, nằm xen kẽ các cánh rừng để thực hiện một số dự án như: Dự án giao, cho thuê rừng và đất lâm nghiệp năm 2023 trên địa bàn huyện; ... theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được duyệt là chưa thực hiện được mặc dù diện tích rừng có tăng lên (đất rừng đặc dụng và đất rừng sản xuất) là do

quá trình thống kê đất đai định kỳ hàng năm, xác định và tổng hợp những khu vực đất trống, đồi núi trọc được phủ xanh do đạt tiêu chuẩn các tiêu chí bảo vệ, phát triển rừng và tăng độ che phủ rừng.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích hiện trạng sử dụng đất nuôi trồng thủy sản năm 2022 có 452,08 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 450,71 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 đất nuôi trồng thủy sản giảm 1,37 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất nuôi trồng thủy sản đến hết năm 2023 là 452,01 giảm 0,07 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất nuôi trồng thủy sản chỉ đạt $(0,07/1,37) = 5,09\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Nguyên nhân chủ yếu là do chưa thực hiện hết chuyển mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản sang sử dụng cho các mục đích khác.

- Đất nông nghiệp khác: Diện tích hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp khác năm 2022 có 86,39 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 236,21 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 đất nông nghiệp khác tăng 149,82 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất nông nghiệp khác đến hết năm 2023 là 110,42 ha tăng 24,02 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất nông nghiệp khác chỉ đạt $(24,02/149,82) = 16,03\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Nguyên nhân chủ yếu trong năm kế hoạch không thực hiện được công trình, dự án nào về nông nghiệp khác, Dự án phát triển trang trại nuôi tập trung cũng chưa thực hiện được.

b. Đất phi nông nghiệp:

Diện tích hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2022 có 7.325,21 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 7.883,00 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 phi nông nghiệp tăng 557,79 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất phi nông nghiệp đến hết năm 2023 là 7.356,30 tăng 31,10 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất phi nông nghiệp chỉ đạt $(31,10/557,79) = 5,57\%$ trong kế hoạch năm 2023. Kết quả thực hiện là đã tăng được 31,10 ha đất phi nông nghiệp (thực hiện nhu cầu chuyển đổi mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn tại các xã;...);

Nguyên nhân chưa đạt được 100% so với kế hoạch là do trong năm kế hoạch 2023 chủ yếu là do các công trình dự án kêu gọi vốn đầu tư, ngoài ngân sách chưa hoàn thiện thủ tục, vốn thực hiện như dự án như: dự án điện mặt trời Xuyên Hà (tổng diện tích đăng ký trong quy hoạch: 148,70 ha), Nhà máy điện mặt trời nổi KN Buôn Tua Srah 7 ...ha. Một số dự án đang thực hiện nhưng thời điểm lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 chưa thực hiện xong như: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và sát hạch lái xe hạng 3 4,5 ha, Khuôn viên cây xanh 1,7 ha, Quy hoạch đường từ đất ông Nguyễn Thanh Long đến nhà bà Trịnh Thị Hương 0,08 ha, Trong đó:

- Đất quốc phòng: Diện tích hiện trạng sử dụng đất quốc phòng năm 2022 có 1.221,64 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 1.227,64 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 đất quốc phòng tăng 6,00 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất quốc phòng đến hết năm 2023 là 1.221,64 ha không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

Nguyên nhân vì công trình quốc phòng tại xã Đắc Drô đã đăng ký trong kế hoạch năm 2023 chưa thực hiện và được dự kiến chuyển tiếp thực hiện trong kế hoạch năm 2024.

- Đất an ninh: Diện tích hiện trạng sử dụng đất an ninh năm 2022 có 2,27 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 5,35 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 đất an ninh tăng 3,08 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất an ninh đến hết năm 2023 là 5,15 ha tăng 2,88 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất an ninh đạt 93,53 % trong kế hoạch năm 2023.

Nguyên nhân chưa đạt so với kế hoạch được duyệt là do chưa thực hiện xây dựng trụ sở công an các xã Nam Đà, Nam Xuân...

- Đất thương mại, dịch vụ: Diện tích hiện trạng sử dụng đất thương mại, dịch vụ năm 2022 có 5,19 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 35,58 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 đất thương mại, dịch vụ tăng 30,39 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu thương mại, dịch vụ đến hết năm 2023 là 5,62 ha tăng 0,43 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất thương mại, dịch vụ đạt $(0,43/30,39) = 1,41\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Nguyên nhân chưa đạt so với kế hoạch được duyệt là do chưa thực hiện hết các công trình đất thương mại, dịch vụ trong năm kế hoạch như: Khu du lịch sinh thái suối nước trong; Trạm thông tin du lịch, bãi đỗ xe, dịch vụ ăn uống; Chòi thông tin và điểm dừng chân cho khách đi bộ vào miệng núi lửa Chư B'luk, xã Buôn Choah; Điểm dừng chân đèo 24, xã Nâm N'Đir; Xây dựng lối đi bộ, bãi đỗ xe, điểm quan sát, xã Quảng Phú; Đất thương mại dịch vụ tại thị trấn Đắc Mâm (khu 1; 2; 3),...

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích hiện trạng sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2022 có 21,58 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 25,08 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng 3,50 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đến hết năm 2023 là 21,58 ha không thay đổi với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Nguyên nhân chưa đạt so với kế hoạch được duyệt do chưa thực hiện các dự án kêu gọi đầu tư: Nhà máy sản xuất lúa gạo 1,5 ha; Nhà máy phân vi sinh Đắc Drô: 2,0 ha; Cụm công nghiệp huyện: 25 ha.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Diện tích hiện trạng sử dụng đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản năm 2022 có 19,44 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 59,24 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 sử dụng cho hoạt động khoáng sản tăng 39,80 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đến hết năm 2023 là 19,44 ha không thay đổi với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

Nguyên nhân chưa đạt so với kế hoạch được duyệt là do chưa thực hiện Mở than bùn Bầu Min, xã Năm N'Đir.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Diện tích hiện trạng sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm năm 2022 có 21,18 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 98,74 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm tăng 77,56 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm đến hết năm 2023 là 21,18 ha không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

Nguyên nhân chưa đạt so với kế hoạch được duyệt chủ yếu là do chưa thực hiện các công trình dự án như các Mỏ đá; Bãi tập kết cát, vật liệu xây dựng; Mỏ đất khai thác sử dụng san lấp mặt bằng tại các xã...

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Diện tích hiện trạng sử dụng đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã năm 2022 có 3.422,35 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 3.718,62 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã tăng 296,27 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đến hết năm 2023 là 3.442,92 tăng 20,57 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã chỉ đạt $(20,57/296,27) = 6,94\%$ trong kế hoạch năm 2023. Trong đó:

+ Đất giao thông: Diện tích hiện trạng sử dụng đất giao thông năm 2022 có 728,78 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 813,85 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 đất giao thông tăng 85,07 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất giao thông đến hết năm 2023 là 733,49 ha tăng 4,71 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất giao thông chỉ đạt $(4,71/85,07) = 5,53\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Nguyên nhân là do chưa thực hiện hết các công trình giao thông như cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 3; đường giao thông phát triển khu đô thị mới thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô và giao thông tại các xã, thị trấn.

+ Đất thủy lợi: Diện tích hiện trạng sử dụng đất thủy lợi năm 2022 có 596,34 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 665,21 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 thủy lợi tăng 68,87 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất thủy lợi đến hết năm 2023 là 606,34 ha tăng 10,00 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất thủy lợi chỉ đạt $(10,00/68,87) = 14,52\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Nguyên nhân chủ yếu chưa đạt được 100% so với kế hoạch được duyệt là do chưa thực hiện hết các công trình thủy lợi như Hồ chứa nước Nam Xuân, tỉnh Đắk Nông (Hệ thống kênh/đường ống); Hồ Đăk Rô 3; Đập Đăk Pri; Kè chống sạt lở bờ suối Đăk Rí...

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2022 có 4,32 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 5,69 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 xây dựng cơ sở văn hóa tăng 1,37 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở văn hóa đến hết năm 2023 là 4,72 không thay đổi với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

Nguyên nhân chưa đạt so với kế hoạch được duyệt là do chưa thực hiện công trình Nhà văn hoá xã Đăk Nang...

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng cơ sở y tế năm 2022 có 7,97 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 7,88 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 xây dựng cơ sở y tế giảm 0,09 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở y tế đến hết năm 2023 là 7,97 không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

Nguyên nhân chưa đạt so với kế hoạch được duyệt là do chưa thực hiện mở rộng trạm y tế xã Năm N'đir, trạm y tế xã Đăk Sôr.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo năm 2022 có 62,16 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 65,41 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo tăng 3,25 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đến hết năm 2023 là 62,26 ha tăng 0,10 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo chỉ đạt $(0,10/3,25) = 3,08\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Nguyên nhân là do rà soát, cập nhật số liệu hiện trạng đất giáo dục các năm 2022. Đánh giá về việc thực hiện thu hồi, chuyển mục đích theo kế hoạch được duyệt để thực hiện công trình, dự án mở rộng trường tiểu học Bế Văn Đàn phân hiệu Phú Hoà, xã Quảng Phú; là chưa thực hiện so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao năm 2022 có 11,30 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 14,47 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 xây dựng cơ sở thể dục thể thao tăng 3,17 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao đến hết năm 2023 là 9,80 ha giảm 1,50 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

Nguyên nhân chưa đạt so với kế hoạch được duyệt là do trong năm kế hoạch chưa thực hiện công trình Sân vận động xã Quảng Phú; Sân vận động xã và nhà thi đấu đa năng xã Nam Xuân.

+ Đất công trình năng lượng: Diện tích hiện trạng sử dụng đất công trình năng lượng năm 2022 có 1.912,48 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 2.032,57 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 công trình năng lượng tăng 120,09 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất công trình năng lượng đến hết năm 2023 là 1.914,15 tăng 1,67 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất công trình năng lượng chỉ đạt $(1,67/120,09) = 1,39\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Nguyên nhân chưa đạt so với kế hoạch được duyệt là do trong năm kế hoạch chưa thực hiện các công trình đất năng lượng như: Cải tạo và phát triển lưới điện trung áp khu vực trung tâm huyện, thị xã thuộc tỉnh Đắk Nông; Hoàn thiện lưới điện trung áp 110 KV Krông Nô; Dự án nhà máy điện mặt trời Xuyên Hà; Dự án điện mặt trời nổi KN Buôn Tua Srah,...

+ Đất công trình bưu chính, viễn thông: Diện tích hiện trạng sử dụng đất công trình bưu chính, viễn thông năm 2022 có 0,92 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 0,91 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 công trình bưu chính, viễn thông giảm 0,01 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất công trình bưu chính, viễn thông đến hết năm 2023 là 0,92 ha không thay đổi với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

Nguyên nhân cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do rà soát, cập nhật số liệu hiện trạng đất công trình bưu chính, viễn thông các năm 2022, 2022. Trong kế hoạch được duyệt, không đăng ký thực hiện công trình, dự án nào về lĩnh vực bưu chính, viễn thông.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Diện tích hiện trạng sử dụng đất có di tích lịch sử - văn hóa năm 2022 có 5,17 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 5,21 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 công trình có di tích lịch sử - văn hóa tăng 0,04 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất công trình bưu chính, viễn thông đến hết năm 2023 là 5,17 không thay đổi với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Nguyên nhân chưa đạt so với kế hoạch được duyệt là do chưa thực hiện công trình Khu di tích N'Trang Guh (khu mộ), xã Buôn Choah.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Diện tích hiện trạng sử dụng đất bãi thải, xử lý chất thải năm 2022 có 9,30 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 18,93 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 bãi thải, xử lý chất thải tăng 9,63 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất bãi thải, xử lý chất thải đến hết năm 2023 là 9,70 tăng 0,40 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất bãi thải, xử lý chất thải chỉ đạt $(0,40/9,63) = 4,15\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Nguyên nhân chưa đạt so với kế hoạch được duyệt là do chưa thực hiện Mở rộng Bãi rác huyện...

+ Đất cơ sở tôn giáo: Diện tích hiện trạng sử dụng đất cơ sở tôn giáo năm 2022 có 4,21 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 4,21 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 cơ sở tôn giáo không thay đổi với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất cơ sở tôn giáo đến hết năm 2023 là 4,21 không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Diện tích hiện trạng sử dụng đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng năm 2022 có 69,41 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 74,21 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng tăng 4,80 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng đến hết năm 2023 là 74,21 không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

Nguyên nhân chưa đạt được so với kế hoạch được duyệt là do chưa thực hiện Mở rộng các công trình nghĩa địa tại các xã, một số công trình đang thực hiện nhưng chưa hoàn tất các thủ tục về đất đai .

+ Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ: Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ năm 2022 có 0,56 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 0,56 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ đến hết năm 2023 là 0,56 ha không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

Tuy nhiên về đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ năm 2023, diện tích có 0,56 ha (*không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022*) và được đánh giá phù hợp với quy hoạch là do kết quả thực hiện kế hoạch vẫn đảm bảo bằng với chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2030 (0,56 ha). Bởi chỉ tiêu này theo quy hoạch đến năm 2030 là ổn định, không tăng và không tăng so với hiện trạng.

+ Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội: Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội năm 2022 có 2,90 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm

2023 là 2,90 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội đến hết năm 2023 là 2,90 không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Tuy nhiên về đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội năm 2023, diện tích có 2,90 ha (*không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022*) và được đánh giá phù hợp với quy hoạch là do kết quả thực hiện kế hoạch vẫn đảm bảo bằng với chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2030 (2,90 ha). Bởi chỉ tiêu này theo quy hoạch đến năm 2030 là ổn định, không tăng và không tăng so với hiện trạng.

+ Đất chợ: Diện tích hiện trạng sử dụng đất Chợ năm 2022 có 6,53 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 6,61 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 Đất Chợ tăng 0,08 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất Chợ đến hết năm 2023 là 6,53 không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

Nguyên nhân chưa đạt so với kế hoạch được duyệt là do chưa thực hiện công trình Chợ Trung tâm xã Đức Xuyên.

- Đất danh lam thắng cảnh: mục tiêu xây dựng kế hoạch sử dụng đất danh lam thắng cảnh năm 2023 là duy trì, ổn định diện tích hiện có, do đó không đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tăng hoặc tăng đối với chỉ tiêu sử dụng đất này.

Tuy nhiên về đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất danh lam thắng cảnh năm 2023, diện tích có 24,84 ha (*không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022*), bằng kế hoạch được duyệt và được đánh giá phù hợp với quy hoạch là do kết quả thực hiện kế hoạch vẫn đảm bảo bằng so với chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2030 (24,84 ha). Bởi chỉ tiêu này theo quy hoạch đến năm 2030 là ổn định, không tăng và không tăng so với hiện trạng.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Diện tích hiện trạng sử dụng đất Sinh hoạt cộng đồng năm 2022 có 10,97 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 11,49 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 Đất Sinh hoạt cộng đồng tăng 0,52 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất Sinh hoạt cộng đồng đến hết năm 2023 là 11,17 ha tăng 0,20 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất Sinh hoạt cộng đồng chỉ đạt $(0,20/0,52) = 38,20 \%$ trong kế hoạch năm 2023.

Nguyên nhân chưa đạt so với kế hoạch được duyệt là do chủ yếu chưa thực hiện các công trình nhà sinh hoạt cộng đồng các thôn, buôn tại các xã.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Diện tích hiện trạng sử dụng đất Khu vui chơi, giải trí công cộng năm 2022 có 7,43 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 19,29 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 Đất Khu vui chơi, giải trí công cộng tăng 11,86 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất Khu vui chơi, giải trí công cộng đến hết năm 2023 là 7,43 ha không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

Nguyên nhân chưa đạt so với kế hoạch được duyệt là do chưa thực hiện Hoa viên thị trấn Đăk Mâm và Khuôn viên cây xanh xã Đăk Drô.

- Đất ở tại nông thôn: Diện tích hiện trạng sử dụng đất Ở tại nông thôn năm 2022 có 596,12 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 633,46 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 đất Ở tại nông thôn tăng 37,34 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất Ở tại nông thôn đến hết năm 2023 là 603,31 ha tăng 7,19 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất Ở tại nông thôn chỉ đạt $(7,19/37,34) = 19,26\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Nguyên nhân chưa đạt được 100% so với kế hoạch được duyệt là do đến thời điểm hiện tại thực hiện được một phần nhu cầu xin chuyển đổi mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại các xã; còn các công trình, dự án đang triển khai thực hiện nhưng chưa xong và chưa thực hiện được, như: Chính trang khu dân cư trung tâm xã Đăk Nang; Chính trang khu dân cư nông thôn xã Nam Xuân; đấu giá Quyền sử dụng đất; chuyển mục đích và đấu giá Quyền sử dụng đất; chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở chưa thực hiện hết được tiếp tục chuyển tiếp thực hiện trong năm 2024.

- Đất ở tại đô thị: Diện tích hiện trạng sử dụng đất Ở tại đô thị năm 2022 có 56,02 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 63,65 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 Đất Ở tại đô thị tăng 7,63 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất Ở tại đô thị đến hết năm 2023 là 56,47 tăng 0,45 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất Ở tại đô thị chỉ đạt $(0,45/7,63) = 5,90\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Nguyên nhân chưa đạt được 100% so với kế hoạch được duyệt là do đến thời điểm hiện tại thực hiện được một phần nhu cầu xin chuyển đổi mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại thị trấn; còn các công trình, dự án đang triển khai thực hiện nhưng chưa xong và chưa thực hiện được, như: Chính trang khu dân cư đô thị (Khu vực nhà ông Cát); Khu đô thị mới Tây Nam Hồ thị trấn Đăk Mâm; Chuyển mục đích, đấu giá Quyền sử dụng đất ở đô thị hội trường tổ dân phố 3 cũ; Khu phố thương mại;... được tiếp tục chuyển tiếp thực hiện trong năm 2024.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích hiện trạng sử dụng đất Xây dựng trụ sở cơ quan năm 2022 có 15,19 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 15,08 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 Đất Xây dựng trụ sở cơ quan giảm 0,11 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất Xây dựng trụ sở cơ quan đến hết năm 2023 là 15,19 ha không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: mục tiêu xây dựng kế hoạch sử dụng đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp năm 2023 là duy trì, ổn định diện tích hiện có, do đó không đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tăng hoặc tăng đối với chỉ tiêu sử dụng đất này.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích hiện trạng sử dụng đất Sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2022 có 1.576,69 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 1.576,00 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 Đất Sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 0,69 ha so với hiện trạng sử dụng

đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất Sông, ngòi, kênh, rạch, suối đến hết năm 2023 là 1.576,69 ha không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: mục tiêu xây dựng kế hoạch sử dụng đất có mặt nước chuyên dùng năm 2023 là duy trì, ổn định diện tích hiện có, do đó không đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tăng hoặc tăng đối với chỉ tiêu sử dụng đất này.

- Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích hiện trạng sử dụng đất Phi nông nghiệp khác năm 2022 có 37,61 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 57,61 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 Đất Phi nông nghiệp khác tăng 20,00 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất Phi nông nghiệp khác đến hết năm 2023 là 37,61 ha không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

Nguyên nhân chưa đạt được so với kế hoạch được duyệt chủ yếu là do chưa thực hiện được các hạng mục đất phi nông nghiệp khác (như: nhà kho, sân phơi,...) thuộc các dự án trang trại chăn nuôi, đất nông nghiệp khác.

c. Đất chưa sử dụng:

Diện tích hiện trạng sử dụng đất chưa sử dụng năm 2022 có 366,12 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 353,31 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 Đất chưa sử dụng giảm 12,81 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất chưa sử dụng đến hết năm 2023 là 365,89 ha giảm 0,23 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất chưa sử dụng chỉ đạt $(0,23/12,81) = 1,80\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Bảng 2: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất 2022	Diện tích quy hoạch/kế hoạch được duyệt 2023 (ha)	Tăng (+), giảm (-) ha	Kết quả thực hiện KH 2023		
						Diện tích	So Sánh	
							Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)=(7)-(4)	(8)=(8)/(6)*100
1	Đất nông nghiệp	NNP	73.657,98	73.113,01	-544,97	73.627,12	-30,87	5,66
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.531,49	2.518,77	-12,72	2.530,31	-1,18	9,25
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.627,54</i>	<i>1.621,84</i>	<i>-5,70</i>	<i>1.627,44</i>	<i>-0,10</i>	<i>1,75</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	14.719,49	13.588,86	-1.130,63	14.691,24	-28,25	2,50
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	36.244,36	35.699,79	-544,57	36.218,97	-25,39	4,66
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	5.329,79	5.634,63	304,84	5.329,79	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	10.460,40	10.460,41	0,01	10.460,40	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3.833,98	4.523,63	689,65	3.833,98	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất 2022	Diện tích quy hoạch/kế hoạch được duyệt 2023 (ha)	Tăng (+), giảm (-) ha	Kết quả thực hiện KH 2023		
						Diện tích	So Sánh	
							Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)=(7)-(4)	(8)=(8)/(6)*100
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	-	2.263,87	2.263,87	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	452,08	450,71	-1,37	452,01	-0,07	5,09
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	86,39	236,21	149,82	110,42	24,02	16,03
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.325,21	7.883,00	557,79	7.356,30	31,10	5,57
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.221,64	1.227,64	6,00	1.221,64	-	-
2.2	Đất an ninh	CAN	2,27	5,35	3,08	5,15	2,88	93,53
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	0,00	0,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	25,00	25,00	-	0,00	0,00
	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	5,19	35,58	30,39	5,62	0,43	1,41
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	21,58	25,08	3,50	21,58	-	-
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	19,44	59,24	39,80	19,44	-	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	21,18	98,74	77,56	21,18	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	3.422,35	3.718,62	296,27	3.442,92	20,57	6,94
-	Đất giao thông	DGT	728,78	813,85	85,07	733,49	4,71	5,53
-	Đất thủy lợi	DTL	596,34	665,21	68,87	606,34	10,00	14,52
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,32	5,69	1,37	4,72	0,40	29,14
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,97	7,88	-0,09	7,97	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	62,16	65,41	3,25	62,26	0,10	3,08
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	11,30	14,47	3,17	9,80	-1,50	47,36
-	Đất công trình năng lượng	DNL	1.912,48	2.032,57	120,09	1.914,15	1,67	1,39
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,92	0,91	-0,01	0,92	-	-
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-	-	-
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,21	4,21	0,00	4,21	-	-
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	69,41	74,21	4,80	74,21	4,80	100,09

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất 2022	Diện tích quy hoạch/kế hoạch được duyệt 2023 (ha)	Tăng (+), giảm (-) ha	Kết quả thực hiện KH 2023		
						Diện tích	So Sánh	
							Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)=(7)-(4)	(8)=(8)/(6)*100
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	5,17	5,21	0,04	5,17	0,00	0,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	9,30	18,93	9,63	9,70	0,40	4,15
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	0,56	0,56	-	0,56	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	2,90	2,90	-	2,90	-	-
-	Đất chợ	DCH	6,53	6,61	0,08	6,53	-	-
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	24,84	24,84	0,00	24,84	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	10,97	11,49	0,52	11,17	0,20	38,20
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	7,43	19,29	11,86	7,43	0,00	0,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	596,12	633,46	37,34	603,31	7,19	19,26
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	56,02	63,65	7,63	56,47	0,45	5,90
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	15,19	15,08	-0,11	15,19	-	-
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,31	2,68	-0,63	2,68	-0,63	99,72
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-	-	-	-	-	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.576,69	1.576,00	-0,69	1.576,69	-	-
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	283,38	283,38	0,00	283,38	-	-
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	37,61	57,61	20,00	37,61	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	366,12	353,31	-12,81	365,89	-0,23	1,80

- Cột 5: các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được duyệt tại Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 25/07/2023.

- Cột 7: kết quả thống kê đất đai ước đến 31/12/2023.

2.1.2. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

a. Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp: kế hoạch duyệt là 544,99 ha, kết quả thực hiện chuyển được là 30,87 ha (trong đó: thực hiện chuyển đất nông nghiệp sang đất ở của hộ gia đình, cá nhân là 5.72 ha. Chi tiết thể hiện tại Bảng 5), Cụ thể:

STT	Hạng mục	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Kết quả thực hiện (ha)	Lấy vào loại đất				
					LUK	LUC	NHK	CLN	NTS
-	Nhu cầu chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở	ONT	Xã Buôn Choah				0,01		
-	Nhu cầu chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở	ONT	Xã Đăk Drô		0,04		0,07	0,43	
-	Nhu cầu chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở	ONT	Xã Đăk Sôr		0,58		0,28	0,24	
-	Nhu cầu chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở	ONT	Xã Đứk Xuyên					0,01	
-	Nhu cầu chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở	ONT	Xã Đăk Nang					0,02	
-	Nhu cầu chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở	ONT	Xã Nam Đà		0,27		0,14	0,87	
-	Nhu cầu chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở	ONT	Xã Nam Xuân		0,07			0,25	
-	Nhu cầu chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở	ONT	Xã Nâm N'Đir					0,21	
-	Nhu cầu chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở	ONT	Xã Tân Thành					0,21	
-	Nhu cầu chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở	ONT	Xã Nâm Nung				0,02	0,95	
-	Nhu cầu chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở	ONT	Xã Quảng Phú				0,03	0,42	
3	Nhu cầu chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất ở tại đô thị								
-	Nhu cầu chuyển đổi mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại đô thị	ODT	TT Đăk Mâm					0,6	

b. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp: Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm: 0,00 ha/6,9 ha, đạt 0%.

c. Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở: kế hoạch duyệt là 2,27 ha, chưa thực hiện, đạt 0%.

Cụ thể về chỉ tiêu chuyển mục đích được thể hiện qua *Bảng 3, Bảng 4 và Bảng 5:*

Bảng 3: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích chuyển mục đích năm 2023 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) *100%
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	544,99	30,87	-514,13	5,66
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	5,82	1,00	-4,82	17,18
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>4,53</i>	<i>0,10</i>	<i>-4,43</i>	<i>2,21</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	299,87	4,47	-295,40	1,49
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	237,48	25,40	-212,09	10,69
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	0,45	-	-0,45	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	1,37	-	-1,37	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp			-		
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	6,9	-	-6,9	-
2.2	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)		-	-	-
2.3	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)		-	-	-
2.4	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)		-	-	-
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/NKR^(a)</i>		-	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	2,27	-	-2,27	-

(Tổng hợp từ kết quả điều tra, rà soát, đánh giá danh mục công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất đã thực hiện; cập nhật Phụ lục số 03.2)

Bảng 4: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Xã Buôn Choah	Xã Đắk Drô	Xã Đắk Nang	Xã Đắk Sôr	Xã Đứơc Xuyên	Xã Nam Đà	Xã Nam Xuân	Xã Năm N'Đir	Xã Năm Nung	Xã Quảng Phú	Xã Tân Thành	TT Đắk Mâm
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+ ...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	30,87	0,11	2,11	0,90	1,68	0,10	2,30	4,55	0,32	1,26	4,77	11,90	0,87
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	1,00	-	0,04	-	0,59	-	0,20	0,07	-	-	0,10	-	-
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	0,10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,10	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	4,47	0,11	0,31	0,40	0,43	0,06	0,33	0,50	0,05	0,02	2,02	0,19	0,05
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	25,40	-	1,76	0,50	0,66	0,04	1,77	3,98	0,27	1,24	2,65	11,71	0,82
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		-	-											
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

(Tổng hợp từ kết quả điều tra, rà soát, đánh giá danh mục công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất đã thực hiện; cập nhật Phụ lục số 03.2. Tổng hợp các trường hợp biến động trong kỳ thống kê đến ngày 31/12/2022)

Bảng 5: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 cho đối tượng hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện

(chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở và chuyển nội bộ đất nông nghiệp)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Xã Buôn Choah	Xã Đăk Drô	Xã Đăk Nang	Xã Đăk Sôr	Xã Đứk Xuyên	Xã Nam Đà	Xã Nam Xuân	Xã Năm N'Dir	Xã Năm Nung	Xã Quảng Phú	Xã Tân Thành	TT Đăk Mâm
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất ở	NNP/OTC	6,01	0,01	0,55	0,02	1,1	0,01	1,28	0,32	0,21	1,19	0,96	0,21	0,15
	<i>Trong đó:</i>														
1.1	Đất trồng lúa	LUA/OTC	0,96	-	0,04	-	0,58	-	0,27	0,07	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/OTC</i>		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/OTC	0,55	0,01	0,07	-	0,28	-	0,14	-	-	0,02	0,03	-	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/OTC	4,50	-	0,44	0,02	0,24	0,01	0,87	0,25	0,21	1,17	0,93	0,21	0,15
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp														
	<i>Trong đó:</i>														
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN													
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT													

(Tổng hợp từ kết quả điều tra, rà soát, đánh giá nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đã thực hiện tính từ thời điểm 1/1/2023 đến nay)

2.1.3. Kết quả thực hiện thu hồi đất

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023; Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 của HĐND tỉnh Đắk Nông thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023; kết quả rà soát thực hiện việc thu hồi đất trong năm 2023 trên địa bàn huyện như sau:

a. Về số lượng công trình

Số công trình cần thu hồi đất đã thực hiện xong trong năm 2023 có 04/21 công trình thu hồi đất, đạt tỷ lệ 12.5%, Công trình Mở rộng trường tiểu học Bế Văn Đàn được thực hiện thu hồi xong trong năm 2023 sau thời điểm trình ban kinh tế tỉnh tuy nhiên công trình này vẫn đưa vào thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 để thực hiện công tác giao đất; số lượng công trình đang triển khai nhưng chưa xong được chuyển tiếp thực hiện là 15/21 công trình, số lượng công trình không đưa vào thực hiện năm 2024: 2/21 (dự án điện mặt trời Xuyên Hà, dự án Nhà máy điện mặt trời nổi KN Buôn Tua Srah). 3 công trình an ninh quốc phòng thu hồi chuyển tiếp sang năm 2024 thực hiện Cụ thể các công trình như sau:

Bảng 6: Danh mục công trình đã thực hiện thu hồi đất theo Nghị quyết 64/NQ-HĐND

STT	Hạng mục	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Kết quả thực hiện (ha)
I	Công trình, dự án thu hồi đất do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận			10,66
1	Hệ thống nước thải chợ xã	DRA	Nam Đà	0,40
2	Hồ Đắc Ri 2, xã Tân Thành, huyện Krông Nô	DTL	Tân Thành	10,00
3	Thủy điện Nam Long - Hạng mục: Đường dây điện 22kv đầu nối NMTĐ Nam Long vào hệ thống lưới điện quốc gia	DNL	" Đắc Drô, Năm N'Đir "	0,13
-	Thủy điện Nam Long - Hạng mục: Đường dây điện 22kv đầu nối NMTĐ Nam Long vào hệ thống lưới điện quốc gia	DNL	Đắc Drô	0,07
-	Thủy điện Nam Long - Hạng mục: Đường dây điện 22kv đầu nối NMTĐ Nam Long vào hệ thống lưới điện quốc gia	DNL	Năm N'Đir	0,06
4	Mở rộng trường tiểu học Bế Văn Đàn	DGD	Quảng Phú	0,20

(Tổng hợp từ kết quả điều tra, rà soát, đánh giá danh mục công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất)

Bảng 7: Danh mục công trình đang triển khai thực hiện thu hồi đất nhưng được chuyển tiếp thực hiện

STT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện có (ha)	Nhu cầu chưa thực hiện được chuyển tiếp (ha)	Vị trí
	TỔNG	18 CT	251.37	2.81	248.56	
1	Công trình quốc phòng	CQP	6,00	-	6,00	Đắk Drô
2	Xây dựng trụ sở công an xã	CAN	0,23	-	0,23	Nam Đà
3	Xây dựng trụ sở công an xã	CAN	0,10	-	0,10	Nâm N'Dir
4	Khu đô thị mới Tây Nam Hồ thị trấn Đắk Mâm	KĐT	13,20		13,20	NNP,PNN
5	Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10), huyện Krông Nô	DGT	6,36		6,36	NNP, PNN
6	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 3	DGT	20,70	-	20,70	NNP, PNN
7	Đường giao thông phát triển khu đô thị mới thị trấn Đắk Mâm huyện Krông Nô	DGT	8,40		8,40	NNP,PNN
8	Khuôn viên cây xanh	DKV	1,70		1,70	HNK, CLN
9	Hoàn thiện lưới điện trung áp sau TBA 110 Kv Krông Nô	DNL	0,10	-	0,10	NNP, PNN
10	Cải tạo và phát triển lưới điện trung, hạ áp khu vực trung tâm huyện, lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Đắk Nông	DNL	0,25	-	0,25	NNP
11	Mở rộng bãi rác	DRA	5,00		5,00	CLN
12	Hệ thống kênh mương Hồ Nam Xuân, tỉnh Đắk Nông	DTL	36,69	-	36,69	HNK, CLN
13	Mở rộng trạm y tế xã Nâm N'dir	DYT	0,04		0,04	CLN
14	Trung tâm xã Đắk Nang	KHC	2,20	0,72	1,48	NNP
15	Trung tâm xã Đức Xuyên	KHC	1,60		1,60	NNP
16	Chỉnh trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ông Cát)	ODT	2,50		2,50	NNP
17	Xây dựng cơ sở vật chất du lịch công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông tại điểm số 8 (núi lửa Nam Ka) và điểm số 10 (Cánh đồng lúa ven núi lửa)	TMD	1,30	-	1,30	NNP

STT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện có (ha)	Nhu cầu chưa thực hiện được chuyển tiếp (ha)	Vị trí
18	Khu du lịch sinh thái suối nước trong (vị trí khu đất cần thu hồi được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 14/12/2022)	KDL	51,64		51,64	NNP

(Tổng hợp từ kết quả điều tra, rà soát, đánh giá danh mục công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất)

b. Về chỉ tiêu sử dụng đất

Diện tích đất đã thực hiện thu hồi là 10,96 ha/275,74 ha, đạt 3,96% so với kế hoạch được duyệt (cụ thể được thể hiện qua *Bảng 8*).

* *Đất nông nghiệp*: Kết quả thực hiện thu hồi là 10,96 ha/272,79 ha, đạt 3,96% so với kế hoạch được duyệt. Trong đó:

- Đất trồng lúa: Kết quả thực hiện là 0,1 ha/2,03 ha, đạt 4,93% để thực hiện công trình: Mở rộng trường tiểu học Bế Văn Đàn 0,1 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: kết quả thực hiện là 0,17 ha/139,055 ha để thực hiện các công trình: Thủy điện Nam Long - Hạng mục: Đường dây điện 22kv đầu nối NMTĐ Nam Long vào hệ thống lưới điện quốc gia, đạt 0,05% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất trồng cây lâu năm: kết quả thực hiện thu hồi là 10,69 ha/130,425 ha để thực hiện các công trình: Công trình Hệ thống nước thải chợ xã 0.4 ha, Hồ Đắc Ri 2, xã Tân Thành, huyện Krông Nô 10 ha, đạt 8,20 % so với kế hoạch được duyệt.

- Đất nuôi trồng thủy sản: chưa thực hiện thu hồi.

* *Đất phi nông nghiệp*: không thực hiện thu hồi so với kế hoạch được duyệt.

Bảng 8: Kết quả thu hồi đất năm 2023 huyện Krông Nô

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch thu hồi năm 2023 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2023		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), tăng (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) - (4)	(7) = (5)/(4)* 100%
	Tổng		275,74	10,96	-264,83	3,97
1	Đất nông nghiệp <i>Trong đó:</i>	NNP	272,79	10,96	-261,83	4,02
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2,03	0,1	-1,93	4,93
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	1,93	0,1	-1,83	5,18
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	139,055	0,17	-138,89	0,12
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	130,425	10,69	-119,74	8,20
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	-	-	-	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1,27	-	- 1,27	-
2	Đất phi nông nghiệp <i>Trong đó:</i>	PNN	2,95	-	- 2,95	-
2.1	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,08	-	- 0,08	-
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã <i>Trong đó:</i>	DHT	0,17	-	- 0,17	-
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,17	-	- 0,17	-
-	Đất chợ	DCH				
2.3	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,12	-	- 1,12	-
2.4	Đất ở tại đô thị	ODT	0,89	-	- 0,89	-
2.5	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,69	-	- 0,69	-

(- Cột 4: Diện tích kế hoạch thu hồi năm 2023 được duyệt tại Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 25/07/2022

- Cột 5: Tổng hợp từ kết quả điều tra, rà soát đánh giá danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất đã thực hiện)

Bảng 9: Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2023 huyện Krông Nông phân theo đơn vị hành chính cấp xã

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Xã Buôn Choah	Xã Đăk Drô	Xã Đăk Nang	Xã Đăk Sôr	Xã Đức Xuyên	Xã Nam Đà	Xã Nam Xuân	Xã Năm N'Đir	Xã Năm Nung	Xã Quảng Phú	Xã Tân Thành	TT Đăk Mâm
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Tổng		10,96	-	0,07	-	-	-	0,63	-	0,06	-	0,20	10,00	-
1	Đất nông nghiệp <i>Trong đó:</i>	NNP	10,96	-	0,07	-	-	-	0,63	-	0,06	-	0,20	10,00	-
1.1	Đất trồng lúa	LUA	0,10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,10	-	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	0,10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,10	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0,17	-	0,04	-	-	-	-	-	0,03	-	0,10	-	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	10,69	-	0,03	-	-	-	0,63	-	0,03	-	-	10,00	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

(Tổng hợp từ kết quả điều tra, rà soát đánh giá danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất đã thực hiện)

2.1.4. Kết quả đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

Kế hoạch được duyệt là khai thác để chuyển 12.79 ha đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích phi nông nghiệp, kết quả thực hiện chuyển được là 0.23 ha, đạt 1.8% so với kế hoạch. Nguyên nhân là trong năm kế hoạch chưa thực hiện các dự án về lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch và các dự án về hạ tầng như Dự án điện mặt trời Xuyên Hà, Khu du lịch sinh thái suối nước trong.

2.1.5. Kết quả thực hiện Danh mục công trình, dự án

Tính đến nay, trên địa bàn huyện Krông Nô đã có 12 công trình, dự án thực hiện xong với tổng diện tích thực hiện là 20,03 ha; có 71 công trình, dự án đang triển khai nhưng chưa xong và chuyển tiếp thực hiện, có 53 công trình, dự án không đưa vào KHSDĐ năm 2024. Cụ thể:

a. Danh mục công trình, dự án đã thực hiện xong:

Bảng 10: Danh mục công trình, dự án đã thực hiện xong

STT	Hạng mục	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Kết quả thực hiện (ha)
TỔNG		12 CT		20,03
I	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH	2 CT		
I.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh	2 CT		
1	Mở rộng trụ sở công an huyện	CAN	TT Đăk Mâm	1,92
2	Xây dựng trụ sở công an xã	CAN	Tân Thành	0,23
II	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÒN LẠI	9 CT		
II.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	3 CT		
1	Hệ thống nước thải chợ xã	DRA	Nam Đà	0,40
2	Hồ Đăk Ri 2, xã Tân Thành, huyện Krông Nô	DTL	Tân Thành	10,00
3	Thủy điện Nam Long – Hạng mục: Đường dây điện 22kv đầu nối NMTĐ Nam Long vào hệ thống lưới điện quốc gia	DNL	“ Đăk Drô, Năm N’Đir “	0,13
4	Mở rộng trường tiểu học Bế Văn Đàn	DGD	Quảng Phú	0,20
II.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất	6 CT		
II.2.1	Chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư, đầu tư công	4 CT		

STT	Hạng mục	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Kết quả thực hiện (ha)
1	Đường giao thông xã Nam Đà đi xã Đăk Drô	DGT	“ Đăk Drô, Nam Đà “	1,17
2	Đường dây và Trạm biến áp 110/22kV Krông Nô	DNL	“ Đăk Drô, Đăk Sôr, Nam Đà “	0,91
3	Đường giao thông liên huyện từ xã Nam Xuân, huyện Krông Nô đi xã Đăk Rla, huyện Đăk Mil	DGT	Nam Xuân	3,50
4	Công trình đất năng lượng xã Nam Xuân	DNL	Nam Xuân	0,63
II.2.2	Đấu giá quyền sử dụng đất	2CT		
1	Chuyển mục đích đấu giá đất trụ sở của lâm trường Đức Lập qua đất thương mại dịch vụ	TMD	Đăk Sôr	0,63
2	Chuyển mục đích bán đấu giá đất ở nông thôn tại thôn Phú Hưng	ONT	Quảng phú	0,51

(Tổng hợp từ kết quả điều tra, rà soát, đánh giá danh mục công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất)

b. Danh mục công trình, dự án đang triển khai nhưng chưa xong và chuyển tiếp thực hiện:

Bảng 11: Danh mục công trình, dự án đang triển khai được chuyển tiếp thực hiện năm 2024

STT	Hạng mục	Mã KH	Tổng diện tích kế hoạch (ha)	Hiện trạng	Trong đó: nhu cầu đang triển khai được chuyển tiếp (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
	TỔNG	72 CT				
I	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH	7CT	6,93	-	6,93	
I.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh	7CT	6,93	-	6,93	
1	Công trình quốc phòng	CQP	6,00	-	6,00	Đăk Drô
2	Trụ sở công an xã	CAN	0,23	-	0,23	Nam Đà
3	Trụ sở công an xã	CAN	0,10	-	0,10	Nam Xuân
4	Trụ sở công an xã	CAN	0,10	-	0,10	Nâm N'Dir
5	Trụ sở công an xã	CAN	0,10	-	0,10	Đăk Sôr
6	Trụ sở công an xã	CAN	0,20	-	0,20	Quảng Phú
7	Trụ sở công an xã	CAN	0,20	-	0,20	Buôn Choah

STT	Hạng mục	Mã KH	Tổng diện tích kế hoạch (ha)	Hiện trạng	Trong đó: nhu cầu đang triển khai được chuyển tiếp (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
I.2	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng					
II	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÒN LẠI					
II.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	<i>15CT</i>				
1	Khu đô thị mới Tây Nam Hồ thị trấn Đăk Mâm	KĐT	13,20		13,20	TT Đăk Mâm
2	Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10), huyện Krông Nô	DGT	6,36		6,36	TT Đăk Mâm, Nam Đà
3	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 3	DGT	20,70	-	20,70	TT Đăk Nâm, Nam Xuân
4	Đường giao thông phát triển khu đô thị mới thị trấn Đăk Mâm huyện Krông Nô	DGT	8,40		8,40	TT Đăk Mâm
5	Khuôn viên cây xanh	DKV	1,70		1,70	Đăk Drô
6	Hoàn thiện lưới điện trung áp sau TBA 110 Kv Krông Nô	DNL	0,10	-	0,10	TT Đăk Nâm, Đăk Sôr, Nam Xuân, Tân Thành, Quảng Phú
7	Cải tạo và phát triển lưới điện trung, hạ áp khu vực trung tâm huyện, ly, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Đăk Nông	DNL	0,25	-	0,25	TT Đăk Nâm, Đăk Sôr, Nam Xuân, Nam Đà, Tân Thành, Đăk Drô, Nam Nung, Năm N'Đir
8	Mở rộng bãi rác	DRA	5,00		5,00	TT Đăk Mâm
9	Hệ thống kênh mương Hồ Nam Xuân, tỉnh Đăk Nông	DTL	36,69	-	36,69	TT Đăk Mâm, Tân Thành, Nam Đà, Nam Xuân, Đăk Sôr
10	Mở rộng trạm y tế xã Năm N'đir	DYT	0,04		0,04	Năm N'Đir
11	Trung tâm xã Đăk Nang	KHC	2,20	0,72	1,48	Đăk Nang
12	Trung tâm xã Đức Xuyên	KHC	1,60		1,60	Đức Xuyên

STT	Hạng mục	Mã KH	Tổng diện tích kế hoạch (ha)	Hiện trạng	Trong đó: nhu cầu đang triển khai được chuyển tiếp (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
13	Chính trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ông Cát)	ODT	2,50		2,50	TT Đăk Mâm
14	Bố trí dân cư vùng lũ xã Buôn Choah, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông (giai đoạn 1)	ONT, DGT	12,84	-	12,84	Buôn Choah
15	Xây dựng cơ sở vật chất du lịch công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đăk Nông tại điểm số 8 (núi lửa Nam Ka) và điểm số 10 (Cánh đồng lúa ven núi lửa)	TMD	1,30	-	1,30	Quảng Phú, Năm N'Đir
II.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất					
II.2.1	Chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư, đầu tư công	20CT				
1	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,3	-	0,3	Nam Đà,
2	Nhà sinh hoạt thôn Nam Hà	DSH	0,05	-	0,05	Đăk Drô
3	Chợ xã Nam Xuân	DCH	0,35	-	0,35	Nam Xuân
4	Nhà sinh hoạt thôn Nam Hà	DSH	0,05	-	0,05	Nam Đà
5	Hội trường thôn Phú Tiến	DSH	0,02	-	0,02	Đăk Nang
6	Hội trường thôn Xuyên Hải	DSH	0,05	-	0,05	Đức Xuyên
7	Hội trường thôn Xuyên An	DSH	0,05	-	0,05	Đức Xuyên
8	Hội trường thôn Bon RCập	DSH	0,15	-	0,15	Nâm Nung
9	Xây dựng hồ Đăk Rô	DTL	2,23	-	2,23	Tân Thành
10	Hồ tưới khu vực tái canh	DTL	0,5	-	0,5	Đức Xuyên
11	Xây dựng Nhà văn hoá xã	DVH	0,4	-	0,4	Đăk Nang
12	Trạm y tế xã	DYT	0,22	-	0,22	Đăk Sôr
13	Nghĩa địa thôn Phú Vinh	NTD	1,5	-	1,5	Quảng Phú
14	Nghĩa địa thôn Phú Hòa	NTD	2	-	2	Quảng Phú
15	Mở rộng nghĩa địa trung tâm xã	NTD	1,3	-	1,3	Tân Thành
16	Mỏ than bùn Bàu Mìn	SKS	39,8	-	39,8	Nâm N'Đir
17	Mỏ đá bazan Bon Jôk Du, xã Năm Nung	SKX	0,5	-	0,5	Nâm Nung
18	Mỏ cát xây dựng xã Quảng Phú	SKX	3,65	-	3,65	Quảng Phú
19	Mỏ cát thôn Buôn Choah, xã Buôn Choah	SKX	6,5	-	6,5	Buôn Choah
20	Bãi tập kết và kinh doanh cát	SKX	4,5	-	4,5	Đăk Drô
II.2.2	Đấu giá quyền sử dụng đất	6CT	5,88	1,37	4,51	
1	Chuyển mục đích đất trụ sở của lâm trường Quảng Đức sang đất ở, đấu giá quyền sử dụng đất	ONT	0,50	-	0,50	Quảng Phú
2	Chuyển mục đích Đấu giá Quyền sử dụng đất ở nông thôn	ONT	1,40		1,40	Nâm Nung

STT	Hạng mục	Mã KH	Tổng diện tích kế hoạch (ha)	Hiện trạng	Trong đó: nhu cầu đang triển khai được chuyển tiếp (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
3	Chuyển mục đích sử dụng đất giá đất ở tại xã Nam Xuân	ONT	0,13	-	0,13	Nam Xuân
4	Chuyển MĐ đất trường tiểu học Nguyễn Việt Xuân để đất giá đất ở	ONT	0,50	-	0,50	Buôn Choah
5	Chuyển MĐ đất giá đất đài tưởng niệm cũ tại bon Yôk Ju	ONT	0,09	-	0,09	Nâm Nung
6	Phân lô đất giá đất ở tại xã Đăk Drô (LP02)	ONT	0,52	-	0,52	Đăk Drô
II.2.3	Các dự án kêu gọi đầu tư	10CT				
1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và sát hạch lái xe hạng 3	DGD	4,50		4,50	TT Đăk Mâm
2	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Buôn K62 (tổng diện tích quy hoạch là 38,50 ha)	KDL(TMD,DHT,DKV,Cây xanh...)	38,50		38,50	Đăk Drô
4	Điểm dừng chân và nghỉ dưỡng ngắm cảnh quan Hồ sen Km 34 xã Nâm N'Đir (tổng diện tích quy hoạch là 20 ha)	KDL(TMD,DHT,DKV,Cây xanh...)	20,00		20,00	Nâm N'Đir
5	Trang trại Nông nghiệp công nghệ cao Nam Ka (tổng diện tích quy hoạch là 48,50 ha)	NKH,TMD	48,50		48,50	Buôn Choah
6	Trang trại Nông nghiệp Du lịch Đam San (tổng diện tích quy hoạch là 37,50 ha)	NKH,PNK	37,50		37,50	Buôn Choah
7	Trang trại chăn nuôi heo Trường Phát	NKH,PNK	22,000	-	22,00	Tân Thành
8	Khu thực nghiệm huyện Krông Nô	NKH	1,25	-	1,25	Đăk Drô
9	Nhà máy sản xuất lúa gạo	SKC	1,50		1,50	Buôn Choah
10	Khu phố thương mại	ODT	0,40		0,40	TT Đăk Mâm
II.2.4	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân	2CT				
1	Nhu cầu chuyển đổi mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại nông, đất ở đô thị	ONT, ODT	16,0		16,0	Các xã, thị trấn
2	Nhu cầu chuyển đổi mục đích trong nội bộ đất nông nghiệp tại các xã	NKH	32,00		32,00	Các xã
II.3	Các khu vực sử dụng đất khác					
II.3.1	Giao đất, cho thuê đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp	2CT				
1	Đất nông nghiệp khác các xã, thị trấn	NKH	98,67	98,67	-	Các xã, thị trấn
2	Đất phi nông nghiệp khác phục vụ các trang trại chăn nuôi, đất nông nghiệp khác	PNK	16,50	-	16,50	Các xã, thị trấn

STT	Hạng mục	Mã KH	Tổng diện tích kế hoạch (ha)	Hiện trạng	Trong đó: nhu cầu đang triển khai được chuyển tiếp (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
II.3.2	Giao đất, cho thuê đất hiện có cho đối tượng có nhu cầu sử dụng và hoàn thiện thủ tục	9CT				
1	Giao đất nông nghiệp tại xã Buôn Choah	<i>HNK</i>	104,50	104,50	-	Buôn Choah
2	Giao, cho thuê đất sông, ao, hồ, mặt nước chuyên dùng kết hợp nuôi trồng thủy sản	<i>SON,MNC</i>	100,00	100,00	-	Các xã, thị trấn
3	Dự án sản xuất nông nghiệp	<i>HNK</i>	66,00	66,00	-	Đắk Nang, Đức Xuyên
4	Giao quỹ đất nhỏ hẹp theo Nghị định 48 trên địa bàn huyện Krông Nô	<i>OTC</i>	0,50	0,50	-	Các xã, thị trấn
5	Giao đất ở không thông qua đấu giá	<i>OTC</i>	0,07	-	0,07	TT Đắk Mâm, Đắk Sôr
6	Giao quỹ đất nhỏ hẹp theo Nghị định 48 trên địa bàn huyện Krông Nô	<i>OTC</i>	0,50	0,50	-	Các xã, thị trấn
7	Giao đất ở cho các hộ dân di cư tự do trên địa bàn xã Năm Nung không thông qua đấu giá	<i>ONT</i>	2,00	-	2,00	Năm Nung
8	Giao đất ở cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã Năm Nung không thông qua đấu giá	<i>ONT</i>	1,20	-	1,20	Năm Nung
9	Đấu giá Quyền sử dụng đất ở tại đô thị	<i>ODT</i>	0,59	0,59	-	TT Đắk Mâm
10	Mở rộng trường tiểu học Bế Văn Đàn	<i>DGD</i>	0,20	0,20		Quảng Phú

(Tổng hợp từ kết quả điều tra, rà soát, đánh giá danh mục công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất)

c. Danh mục công trình, dự án không đưa vào danh mục kế hoạch sử dụng đất năm 2024:

Bảng 12: Danh mục công trình, dự án không đưa vào danh mục kế hoạch sử dụng đất năm 2024

TT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Vị trí
	TỔNG	53CT				
I.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	2CT	148.70	-	148.70	
1	Dự án điện mặt trời Xuyên Hà (tổng diện tích đăng ký trong quy hoạch: 148,70 ha)	DNL	148.70		148.70	Đức Xuyên

TT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Vị trí
2	Nhà máy điện mặt trời nổi KN Buôn Tua Srah	DNL	7.00		7.00	Quảng Phú
I.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất					
I.2.1	Chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư, đầu tư công	40CT	210.12		210.12	
1	Chợ Đức xuyên	DCH	0,69		0,69	Xã Đức Xuyên
2	Khu di tích N'Trang Guh (Khu mộ)	DDT	0,6		0,6	Buôn Choah
3	Nâng cấp đường Quốc lộ 28, đoạn nội thị trấn Đăk Mâm và đoạn nối dài, huyện Krông Nô	DGT	1.00	-	1.00	TT Đăk Mâm
4	Quy hoạch các tuyến giao thông khu rừng Téch (Thôn Đăk Hoa)	DGT	0.80	-	0.80	Tân Thành
5	Mở rộng Đường trục 8	DGT	0.80	-	0.80	Nam Đà
6	Xây dựng mới đường cạnh nhà ông Nguyễn Thanh Bảy thôn Phú Lợi (giáp Đường 327 đến bên cạnh trụ sở UBND xã) dài 350m tới suối	DGT	0,21		0,21	Đăk Nang
7	Quy hoạch đường mới Buôn Krue đi Phú Lợi	DGT	0,15		0,15	Đăk Nang
8	Đường vào khu vực di dân cư tự do xã Đăk Nang - xã Quảng Phú huyện Krông Nô	DGT	7		7	Đăk Nang
9	Quy hoạch đường từ đất ông Nguyễn Thanh Long đến nhà bà Trịnh Thị Hương	DGT	0,08		0,08	Đăk Nang
10	Mở mới đường giao thông trục N14	DGT	1,2		1,2	Nam Đà
11	Mở rộng đường giao thông Thanh Sơn - Đăk Hưng	DGT	0,5		0,5	Nam Xuân
12	Bãi đổ vật liệu xây dựng	DRA	0,6		0,6	Đăk Nang
13	Đất bãi chôn lấp rác thải	DRA	1		1	Đức Xuyên
14	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Nam Nghĩa	DSH	0,12		0,12	Nam Đà
15	Hội trường thôn Đăk Lưu	DSH	0,1		0,1	Tân Thành
16	Hội trường thôn Đăk Thanh	DSH	0,15	0,15		Nam Xuân
17	Kè chống sạt lở bờ suối Đăk Rí	DTL	1.50	-	1.50	Đức Xuyên
18	Xây dựng hồ Đăk Đrúk	DTL	3.10	-	3.10	Nâm N'Đir

TT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Vị trí
19	Đập Đắc Pri	DTL	5.00	-	5.00	Tân Thành
20	Hồ Đắc Rô 3	DTL	7.51	-	7.51	Tân Thành
21	Mương tiêu úng thôn Phú Tân	DTL	0.30	-	0.30	Đắc Nang
22	Kênh tiêu Buôn Kruế	DTL	0.10	-	0.10	Đắc Nang
23	Hồ tưới khu vực tái canh	DTL	0.50	-	0.50	Đức Xuyên
24	Mở mới kênh tưới Bon Choih	DTL	0,5		0,5	Đức Xuyên
25	Sân thể thao trung tâm xã	DTT	1.50	-	1.50	Quảng Phú
26	Sân vận động xã Nam Xuân và nhà thi đấu đa năng	DTT	1.80	-	1.80	Nam Xuân
27	Nhà văn hóa xã Buôn Choah (trong UB xã)	DVH	0,5		0,5	Buôn Choah
28	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn	ONT	1.50	-	1.50	Nam Xuân
29	Chỉnh trang khu dân cư trung tâm xã Đắc Nang	ONT	2.50	-	2.50	Đắc Nang
30	Nhà máy phân vi sinh Đắc Drô	SKC	2.00	-	2.00	Đắc Drô
31	Cụm công nghiệp huyện	SKC	25.00	-	25.00	Nam Đà,
32	Mỏ Đá Ba Zan	SKX	4.51	-	4.51	Quảng Phú
33	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	6		6	Quảng Phú
34	Mỏ Đá Ba Zan	SKX	10		10	Tân Thành
35	Chòi thông tin và điểm dừng chân cho khách đi vào miệng núi lửa Chư B'luk	TMD	0.30	-	0.30	Buôn Choah
36	Trạm thông tin du lịch, bãi để xe, dịch vụ ăn uống	TMD	0.20	-	0.20	Nam Đà
37	Điểm dừng nghỉ và bãi đỗ xe cho khách đi vào miệng núi lửa Chư B'luk	TMD	1		1	Buôn Choah
38	Điểm dừng chân và bãi đỗ xe cụm hang P11	TMD	0,4		0,4	Buôn Choah
39	Trụ sở HDND & UBND xã Nam Đà	TSC	0.84	-	0.84	Nam Đà
40	Trạm kiểm lâm xã Nâm N'Đir	TSC	0,05		0,05	Nâm N'Đir
I.2. 2	Đấu giá quyền sử dụng đất	2CT	1.94	-	1.94	

TT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Vị trí
1	Đất thương mại dịch vụ tại Ba Bon	TMD	1.89	-	1.89	TT Đăk Mâm
2	Chuyển mục đích, đấu giá Quyền sử dụng đất ở đô thị hội trường tổ dân phố 3 cũ	ODT	0.05	-	0.05	TT Đăk Mâm
I.2.3	Các dự án kêu gọi đầu tư	2CT	121.54	-	121.54	
1	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng hồ Ea Snô (tổng diện tích quy hoạch là 120 ha)	KDL(TMD, DHT,DKV,C ây xanh...)	120.00		120.00	Đăk Drô, Năm N'Đir
2	Điểm dừng chân và nghỉ dưỡng ngắm cảnh quan khu cánh đồng 24 xã Năm N'Đir (tổng diện tích quy hoạch là 135 ha)	KDL(TMD, DHT,DKV,C ây xanh...)	135,00		135,00	Năm N'Đir
I.3	Các khu vực sử dụng đất khác					
I.4	Giao đất, cho thuê đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp	2CT				
1	Đất nông nghiệp khác các xã, thị trấn	NKH	98.67	98.67	-	Các xã, thị trấn
2	Kế hoạch quản lý, bảo vệ và phát triển rừng năm 2023 trên địa bàn huyện Krông Nô (Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 16/01/2023)	LMP	970.00	-	970.00	Năm Nung, Buôn Choah, Đăk Nang, Đức Xuyên, Năm N'Đir, Đăk Drô, Quảng Phú, Nam Đà
I.5	Giao đất, cho thuê đất hiện có cho đối tượng có nhu cầu sử dụng và hoàn thiện thủ tục	5CT	330.30	330.30	-	
1	Kế hoạch giao rừng năm 2022 trên địa bàn huyện Krông Nô (thực hiện theo Quyết định 202/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Đăk Nông về việc phê duyệt Kế hoạch giao rừng năm 2022 trên địa bàn huyện Krông Nô) và chuyển tiếp từ năm 2021 chưa thực hiện hết sang năm 2022 và năm 2023 tiếp tục thực hiện.	RSX,RPH	762.97	738.00	24.96	Đức Xuyên, Đăk Nang, Quảng Phú, Đăk Drô, Đức Xuyên, Nam Đà, Năm N'Đir
2	Dự án sản xuất nông nghiệp	HNK	6.80	6.80	-	Đức Xuyên

TT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Vị trí
3	Dự án sản xuất nông nghiệp	HNK	23.50	23.50	-	Nâm N'Đir
4	Giao đất nông nghiệp không thông qua đấu giá	HNK	0,60	0,60	0,00	Đắk Nang
5	Dự án phát triển cây dược liệu trên địa bàn huyện Krông Nô (Sâm câu, Đinh lăng...)	CLN	300.00	300.00	-	Các xã

(Tổng hợp từ kết quả điều tra, rà soát, đánh giá danh mục công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất)

2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

Kế hoạch sử dụng đất đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai từ cấp huyện đến cấp xã, làm cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất.

Chủ động dành quỹ đất cho phát triển các ngành, các lĩnh vực đáp ứng nhu cầu sử dụng đất góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, ổn định tình hình xã hội.

Kế hoạch sử dụng đất đã đóng góp tích cực và hiệu quả trong việc khôi phục và bảo vệ đất nông nghiệp nhất là đất lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Việc giao đất, giao rừng theo kế hoạch được duyệt đã ngăn chặn được tình trạng suy thoái rừng.

Kết quả thực hiện đối với nhóm đất nông nghiệp:

- Có 05/07 chỉ tiêu đã thực hiện 1 số công trình, dự án như: Hệ thống nước trải chợ xã: 0,4 ha lấy từ cây lâu năm, Hội trường thôn Xuyên Hà: 0,05 ha lấy từ đất cây hàng năm khác, Công trình đất năng lượng xã Nam Xuân: 0,63 ha lấy từ đất cây lâu năm. Có 1 chỉ tiêu đạt tỷ lệ thực hiện trên 10% như : đất nông nghiệp khác 16,03%. Có 4 chỉ tiêu đạt tỷ lệ thực hiện dưới 10% như :đất lúa đạt 9,25%, đất trồng cây hàng năm khác đạt 2,50 %, cây lâu năm đạt 4,66%, đất nuôi trồng thủy sản 5,09 %.

- Có 02/07 chỉ tiêu sử dụng đất của huyện *(không tính chỉ tiêu đất làm muối vì huyện không có chỉ tiêu này)* chưa thực hiện xong.

Nguyên nhân chưa đạt 100% so với kế hoạch 2023 chủ yếu là do các công trình dự án kêu gọi vốn đầu tư, ngoài ngân sách chưa hoàn thiện thủ tục, vốn thực hiện như dự án như: Điểm dừng chân và nghỉ dưỡng ngắm cảnh quan khu cánh đồng 24 xã Nâm N'Đir (tổng diện tích quy hoạch là 135 ha), Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Buôn K62 (tổng diện tích quy hoạch là 38,50 ha), Điểm dừng chân và nghỉ dưỡng ngắm cảnh quan Hồ sen Km 34 xã Nâm N'Đir (tổng diện tích quy hoạch là 20 ha)... Các dự án trên chiếm tương đối lớn diện tích thực hiện lấy từ đất nông nghiệp dẫn tới tỷ lệ phần trăm thực hiện đất nông nghiệp đạt thấp. Ngoài ra các dự án vẫn đang trong giai đoạn thực hiện tiếp dự kiến cuối năm thực hiện

xong, có những công trình và dự án cơ bản đã hoàn thành xong đang trong giai đoạn làm thủ tục giao đất như công trình: Hội trường thôn Xuyên Hà: 0,05 ha ở xã Đức Xuyên, Nghĩa địa thôn Phú Vinh: 1,5 ha, Nghĩa địa thôn Phú Hòa: 2,0 ha ở xã Quảng Phú, Nhà văn hóa xã Đắc Nang: 0,40 ha...

Đối với nhóm đất phi nông nghiệp:

- Có 07/16 chỉ tiêu trong nhóm đất phi nông nghiệp đã thực hiện 1 số công trình, dự án như sau: Trụ sở công an huyện 1,5 ha lấy từ đất Thể dục thể thao... Có 2 chỉ tiêu đạt tỷ lệ thực hiện trên 50% như : Đất an ninh 93,53%, Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 99,72%. Có 4 chỉ tiêu đạt tỷ lệ thực hiện dưới 50% như: đất thương mại dịch vụ 1,41%, đất phát triển hạ tầng 6,94%, đất sinh hoạt cộng đồng 38,20%, Đất ở nông thôn: 19,26%, ở Đô thị 5,90%,

- Có 9/16 chỉ tiêu chưa thực hiện 1 số công trình, dự án sử dụng vào loại đất đất quốc phòng, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất hoạt động cho khoáng sản...chưa thực hiện xong .

Nguyên nhân là do trong năm kế hoạch 2023 chủ yếu là do các công trình dự án kêu gọi vốn đầu tư, ngoài ngân sách chưa hoàn thiện thủ tục, vốn thực hiện như dự án như: dự án điện mặt trời Xuyên Hà (tổng diện tích đăng ký trong quy hoạch: 148,70 ha), Nhà máy điện mặt trời nổi KN Buôn Tua Srah 7 ...ha. Một số dự án đang thực hiện nhưng thời điểm lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 chưa thực hiện xong như: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và sát hạch lái xe hạng 3 4,5 ha, Khuôn viên cây xanh 1,7 ha, Quy hoạch đường từ đất ông Nguyễn Thanh Long đến nhà bà Trịnh Thị Hương 0,08 ha...

Như vậy: Các chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất về cơ bản là được duy trì, ổn định, bảo vệ và phát triển đáp ứng các mục tiêu phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp trên địa bàn huyện. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng các loại đất này cơ bản là đã tuân thủ việc hạn chế chuyển sang các mục đích khác, chỉ được phép chuyển sang các mục đích sử dụng đất khác khi có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ 10 ha đất lúa trở lên; từ 20 ha đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trở lên và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp chuyển mục đích dưới 10 ha đất trồng lúa; dưới 20 ha đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng. Bên cạnh kết quả đạt được so với kế hoạch được duyệt thì vẫn còn trường hợp chưa đạt được và cần được chuyển tiếp thực hiện trong năm 2024 đó là trường hợp được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua một số công trình, dự án có sử dụng đất lúa, nhưng chưa thực hiện được trong năm 2023 (như: Trung tâm xã Đắc Nang, diện tích đất lúa 0,1 ha; Trung tâm xã Đức Xuyên, diện tích đất lúa 1,6 ha; Mở rộng trường tiểu học Bế Văn Đàn, diện tích đất lúa 0,1 ha; Dự án Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10) huyện Krông Nô tại xã Nam Đà, xã Đắc Drô và TT Đắc Mâm, diện tích đất lúa 0,23 ha; Đường giao thông phát triển khu đô thị mới thị trấn Đắc Mâm, huyện Krông Nô, diện tích đất lúa 0,22 ha;

Mặt khác, trong nhóm đất nông nghiệp còn có một số chỉ tiêu khác chưa đạt được so với kế hoạch được duyệt đó là:

▸ Chỉ tiêu đất nông nghiệp khác đạt được tỷ lệ thấp là do trong năm kế hoạch không thực hiện được công trình, dự án nào về nông nghiệp khác, Dự án phát triển trang trại nuôi tập trung cũng chưa thực hiện được.

2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

- Nguyên nhân chưa đạt được 100% so với kế hoạch là do trong năm kế hoạch 2023 chủ yếu là do các công trình dự án kêu gọi vốn đầu tư, ngoài ngân sách chưa hoàn thiện thủ tục, một số công trình chưa kịp thời bố trí nguồn vốn để thực hiện. Nhiều công trình đang thực hiện đến thời điểm hết năm 2023 đang trong giai đoạn hoàn thiện thủ tục để chuyển sang công đoạn tiếp theo.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện từ khi phê duyệt đã đáp ứng cơ bản nhu cầu sử dụng đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, do việc áp dụng các quy định pháp luật liên quan đến quy hoạch, kế hoạch đang vướng mắc, chông chéo. Đây chính là vấn đề chính tác động đến nguồn vốn, kêu gọi đầu tư, năng lực của nhà đầu tư đối với các công trình, dự án đã đăng ký thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

- Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện đã có những phát sinh, dẫn đến một số chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện vượt, một số chỉ tiêu khác thực hiện còn thấp so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Nguồn lực tài chính của huyện hạn chế, đồng thời chưa có cơ chế chính sách huy động vốn phù hợp nên thiếu vốn để thực hiện kế hoạch sử dụng đất. Nhiều công trình rất cần thiết nhưng do nguồn lực đầu tư còn nhiều hạn chế hoặc bị động về nguồn thu.

- Nhiều dự án mới có chủ trương đầu tư, chưa có quyết định phê duyệt chuẩn bị đầu tư hoặc quyết định phê duyệt đầu tư đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất dẫn đến thời gian hoàn thiện thủ tục đầu tư chậm so với kế hoạch sử dụng đất.

- Việc thay đổi tiêu chí, khái niệm, phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê, kiểm kê đất đai như bóc tách diện tích đất chưa sử dụng nằm trong quy hoạch 3 loại rừng đưa vào diện tích đất khoanh nuôi phục hồi rừng, do quá tình đo đạc ở một số địa phương, thời gian để xác định đất ở, bóc tách đất nông nghiệp trong khuôn viên đất ở. Như vậy đánh giá sự biến động về chỉ tiêu tăng này chưa phản ánh đúng bản chất quá trình, đặc biệt tăng lên của diện tích đất nông nghiệp, việc khai thác đất chưa sử dụng.

- Công tác tuyên truyền, quảng bá và thu hút các dự án đầu tư của các cấp, các ngành chưa thực sự hấp dẫn, dẫn đến các dự án kêu gọi đầu tư chưa được quan tâm, đầu tư thích hợp, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Ngoài những nguyên nhân, tồn tại trên, việc sử dụng dữ liệu đầu vào hay còn gọi là dữ liệu hiện trạng sử dụng đất làm nền hay là cơ sở cho việc dự kiến các chỉ tiêu sử dụng đất phục vụ lập kế hoạch sử đất năm tiếp theo được sử dụng từ các loại đất là kết quả của thống kê, kiểm kê đất đai có ảnh hưởng không nhỏ đến việc đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất. Theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, những trường hợp quy định tại Điều 57, Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 là căn cứ để dự báo nhu cầu đăng ký sử dụng đất và tổng hợp vào các chỉ tiêu sử dụng đất. Theo thống kê, kiểm kê đất đai thì ngoài việc điều tra, rà soát, khảo sát để cập nhật, tổng hợp diện tích vào các chỉ tiêu sử dụng đất đối với những trường hợp biến động do việc thực hiện các công trình, dự án đã được duyệt trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì còn phải cập nhật, tổng hợp diện tích vào các chỉ tiêu sử dụng đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 64, các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 65 của Luật Đất đai năm 2013 (*những trường hợp này theo quy định tại Mục II, Phụ lục 01 - Thông tư 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018, được thống kê, kiểm kê vào loại đất chưa sử dụng và giao cho UBND cấp xã, tổ chức phát triển quỹ đất quản lý. Theo quy hoạch, kế hoạch thì không cập nhật những trường hợp này do đó ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch theo xu hướng tăng dần diện tích đất chưa sử dụng để đưa vào khai thác sử dụng cho các mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt*); cập nhật, tổng hợp diện tích vào các chỉ tiêu sử dụng đất đối với những trường hợp mục đích sử dụng đất hiện trạng đã thay đổi khác với mục đích sử dụng đất trên hồ sơ địa chính (*những trường hợp này theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018, được thống kê, kiểm kê phần diện tích đang sử dụng theo mục đích hiện trạng vào các chỉ tiêu sử dụng đất đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả đánh giá quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vì các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất những trường hợp này*).

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Các chỉ tiêu cấp trên phân bổ trên địa bàn huyện được cập nhật và tổng hợp trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Krông Nông và đã được duyệt tại Quyết định số 2074/QĐ-UBND, ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông. Đây chính là căn cứ cụ thể để cân đối, lựa chọn, bố trí đất đai hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo kế hoạch từng năm cụ thể trên địa bàn huyện.

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chưa thực hiện hết nhưng phù hợp với kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp huyện Krông Nông, tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 như sau:

Bảng 13: Thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2023 (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023 chưa thực hiện hết
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
I	Loại đất				
1	Đất nông nghiệp	NNP	73.113,01	73.627,12	514,11
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.518,77	2.530,31	11,54
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	1.621,84	1.627,44	5,60
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	13.588,86	14.691,24	1.102,38
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	35.699,79	36.218,97	519,18
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	5.634,63	5.329,79	-304,84
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	10.460,41	10.460,40	-0,01
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	4.523,63	3.833,98	-689,65
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	2.263,87	-	-2.263,87
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	450,71	452,01	1,30
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	236,21	110,42	-125,79
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.883,00	7.356,30	-526,70
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.227,64	1.221,64	-6,00
2.2	Đất an ninh	CAN	5,35	5,15	-0,20
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	25,00	-	-25,00
	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	35,58	5,62	-29,96
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	25,08	21,58	-3,50
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	59,24	19,44	-39,80
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	98,74	21,18	-77,56
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	3.718,62	3.442,92	-275,70
-	Đất giao thông	DGT	813,85	733,49	-80,36
-	Đất thủy lợi	DTL	665,21	606,34	-58,87
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	5,69	4,72	-0,97
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,88	7,97	0,09
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	65,41	62,26	-3,15
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	14,47	9,80	-4,67
-	Đất công trình năng lượng	DNL	2.032,57	1.914,15	-118,42
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,91	0,92	0,01
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,21	4,21	-
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	74,21	74,21	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2023 (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023 chưa thực hiện hết
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	5,21	5,17	-0,04
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	18,93	9,70	-9,23
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	0,56	0,56	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	2,90	2,90	-
-	Đất chợ	DCH	6,61	6,53	-0,08
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	24,84	24,84	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	11,49	11,17	-0,32
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	19,29	7,43	-11,86
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	633,46	603,31	-30,15
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	63,65	56,47	-7,18
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	15,08	15,19	0,11
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,68	2,68	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-	-	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.576,00	1.576,69	0,69
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	283,38	283,38	-
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	57,61	37,61	-20,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	353,31	365,89	12,58

(- Cột 4: các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được duyệt tại Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 25/07/2023

- Cột 5: kết quả thống kê đất đai ước đến 31/12/2023)

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn cấp huyện

Nhu cầu đăng ký sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn huyện Krông Nô để thực hiện tổng cộng là 99 công trình, dự án (gồm: 72 công trình, dự án chuyển tiếp từ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và 27 công trình, dự án đăng ký mới).

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình cá nhân chưa sử dụng hết năm 2023, chuyển tiếp sang năm 2024 và đăng ký nhu cầu sử dụng đất mới năm 2024 trên địa bàn huyện, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 trên cơ sở căn cứ theo quy hoạch sử dụng đất đến 2030 của huyện đã được duyệt. Sau khi cân đối, kết quả cho thấy cơ cấu sử dụng đất năm 2024 so

với năm 2023 theo chiều hướng tăng dần diện tích đất nông nghiệp để chuyển sang mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp nhằm mục đích là đảm bảo đủ quỹ đất cho việc thực hiện các công trình, dự án, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024 phù hợp với các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh của huyện và phù hợp với phương hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện, tăng dần khu vực nông, lâm ngư nghiệp. Các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2024 được tổng hợp theo bảng sau:

Bảng 15: Chỉ tiêu, cơ cấu kế hoạch sử dụng đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 (ha)	QH đến 2030 được duyệt tại Quyết định 2074 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024		So sánh tăng (+), tăng (-)	
					Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Kế hoạch so với hiện trạng	Kế hoạch so với quy hoạch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (6)-(4)	(9) = (6)-(5)
I	Loại đất		81.349,31	81.349,31	81.349,31	100,00	-	
1	Đất nông nghiệp	NNP	73.627,12	72.921,37	73.156,61	89,93	-470,51	235,24
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.530,31	2.574,55	2.524,21	3,10	-6,10	-50,33
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	1.627,44	1.682,87	1.625,88	2,00	-1,56	-56,99
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	14.691,24	6.917,29	14.498,50	17,82	-192,74	7.581,21
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	36.218,97	30.579,36	35.895,69	44,13	-323,28	5.316,33
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	5.329,79	8.939,15	5.329,79	6,55	0,00	-3.609,36
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	10.460,40	10.607,13	10.460,40	12,86	0,00	-146,73
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3.833,98	11.931,72	3.832,77	4,71	-1,21	-8.098,95
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	452,01	775,86	451,51	0,56	-0,50	-324,34

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 (ha)	QH đến 2030 được duyệt tại Quyết định 2074 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024		So sánh tăng (+), tăng (-)	
					Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Kế hoạch so với hiện trạng	Kế hoạch so với quy hoạch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (6)-(4)	(9) = (6)-(5)
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	110,42	596,31	163,74	0,20	53,32	-432,58
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.356,30	8.388,12	7.826,81	9,62	470,51	561,31
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.221,64	1.246,64	1.227,64	1,51	6,00	19,00
2.2	Đất an ninh	CAN	5,15	5,98	5,66	0,01	0,51	0,32
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	0,00	0,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	25,00	-	-	-	25,00
	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	5,62	136,25	20,82	0,03	15,20	115,43
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	21,58	74,01	23,08	0,03	1,50	50,93
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	19,44	86,80	59,24	0,07	39,80	27,56
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	21,18	171,96	128,99	0,16	107,81	42,97
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	3.442,92	4.542,50	3.638,70	4,47	195,78	903,79
-	Đất giao thông	DGT	733,49	1.088,24	783,91	0,96	50,42	304,33
-	Đất thủy lợi	DTL	606,34	791,24	739,48	0,91	133,14	51,76
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,72	9,39	6,63	0,01	1,91	2,76
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,97	11,08	8,32	0,01	0,35	2,76

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 (ha)	QH đến 2030 được duyệt tại Quyết định 2074 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024		So sánh tăng (+), tăng (-)	
					Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Kế hoạch so với hiện trạng	Kế hoạch so với quy hoạch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (6)-(4)	(9) = (6)-(5)
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	62,26	71,62	66,17	0,08	3,91	5,45
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	9,80	18,72	9,74	0,01	-0,06	8,98
-	Đất công trình năng lượng	DNL	1.914,15	2.380,33	1.914,50	2,35	0,35	465,82
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,92	1,90	1,16	0,001	0,24	0,74
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-	-	-
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,21	8,30	4,21	0,01	-	4,09
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	74,21	84,74	74,21	0,09	-	10,52
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	5,17	35,91	5,17	0,01	-	30,74
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	9,70	29,30	14,70	0,02	5,00	14,60
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	0,56	0,56	0,56	0,001	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	2,90	2,90	2,90	0,004	-	-
-	Đất chợ	DCH	6,53	8,28	7,05	0,01	0,52	1,23
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	24,84	24,84	24,84	0,03	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 (ha)	QH đến 2030 được duyệt tại Quyết định 2074 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024		So sánh tăng (+), tăng (-)	
					Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Kế hoạch so với hiện trạng	Kế hoạch so với quy hoạch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (6)-(4)	(9) = (6)-(5)
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	11,17	14,07	11,34	0,01	0,17	2,73
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	7,43	27,31	29,47	0,04	22,04	-2,17
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	603,31	720,97	641,76	0,79	38,45	79,21
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	56,47	100,35	66,61	0,08	10,14	33,74
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	15,19	24,78	14,69	0,02	-0,50	10,09
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,68	3,85	2,68	0,003	0,00	1,17
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-	-	-	-	-	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.576,69	990,11	1.560,19	1,92	-16,50	-570,08
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MN C	283,38	105,10	302,06	0,37	18,68	-196,96
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	37,61	87,61	69,04	0,08	31,43	18,57
3	Đất chưa sử dụng	CSD	365,89	39,82	365,89	0,45	0,00	-326,07

a. Đất nông nghiệp:

Với quỹ đất chiếm phần lớn tổng diện tích tự nhiên của huyện, năm 2024 tiếp tục bố trí, sắp xếp thành những khu vực tập trung đất đai, thổ nhượng để bảo đảm kế hoạch sản xuất theo lợi thế và nhu cầu thị trường để phân loại thành 3 trục sản phẩm: Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia; nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh và nhóm sản phẩm là đặc sản địa phương. Tập trung quỹ đất để triển khai 02 Đề án

trọng điểm của ngành nông nghiệp là Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và vùng nông nghiệp công nghệ cao. Tổ chức cơ cấu lại lĩnh vực trồng trọt, gắn với xây dựng các vùng nông nghiệp Công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu. Sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo nhu cầu của thị trường, bảo đảm môi trường sinh thái.

Ưu tiên quỹ đất phục vụ phát triển quy mô chăn nuôi theo hướng trang trại. Tạo môi trường thuận lợi để các Doanh nghiệp yên tâm đầu tư phát triển chăn nuôi vào địa bàn huyện. Áp dụng an toàn sinh học trong phòng chống dịch bệnh. Khai thác tốt khu vực đất có mặt nước dồi dào của huyện để phát triển các loài cá có giá trị thương phẩm cao.

Tiếp tục rà soát, phân bổ hợp lý đất rừng nhằm phục vụ xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện công tác giao, cho thuê rừng và đất quy hoạch phát triển rừng hàng năm để rừng và đất quy hoạch phát triển rừng thực sự có chủ; đẩy mạnh xã hội hóa, có cơ chế, khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và các thành phần kinh tế cùng tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Như vậy là đến năm 2024, cần tận dụng quỹ đất nông nghiệp hiện có và xác định những khu vực đất tập trung không thay đổi mục đích sử dụng so với năm 2023 nhằm mục đích chuẩn bị tốt diện tích, chất lượng đất đai phục vụ kịp thời cho các mục tiêu phát triển nông nghiệp như trình bày ở trên. Bên cạnh đó, cần rà soát, tổng hợp những vị trí đất nông nghiệp manh mún, không tập trung và nằm xen giữa khu dân cư; khu vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; khu vực kinh doanh dịch vụ, thương mại, phát triển du lịch... đáp ứng được nhu cầu đăng ký thực hiện các dự án phi nông nghiệp, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân. Mặt khác căn cứ các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp đến năm 2030 của huyện được duyệt, cân đối chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp năm 2024 của huyện như sau:

* Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích đất nông nghiệp là 73.156,61 ha, chiếm 89,93 % tổng diện tích tự nhiên, giảm 470,51 ha so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 72.921,37 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 cao hơn 235,24 ha phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích giảm do chuyển sang đất phi nông nghiệp 308.96 ha. Trong đó giảm do chuyển qua các mục đích: Đất quốc phòng 6.0 ha, đất an ninh 0.84 ha, đất thương mại, dịch vụ 21.08 ha, đất sản xuất vật liệu xây dựng 72.74 ha, đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã 123.08 ha (đất giao thông 60.19 ha, đất thủy lợi 39.52 ha, đất công trình năng lượng 0.32 ha, đất bãi thải, xử lý chất thải 6.6 ha,), đất sinh hoạt cộng đồng 0.76 ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng 22.44 ha, đất ở tại nông thôn 37.92 ha, đất ở tại đô thị 10.72 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0.9 ha;

Cụ thể, các chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp của huyện trong kế hoạch năm 2023 như sau:

- Đất trồng lúa: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 2.524,21 ha, giảm 6,10 ha so với hiện trạng năm 2023 và chiếm 3,10 % diện tích tự nhiên. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 2.574,55 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 50,33 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích giảm 6,10 ha do chuyển sang Trung tâm xã Đắc Nang 0,08 ha, Trung tâm xã Đức Xuyên 1,6 ha, Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10), huyện Krông Nô 0,23 ha, Phân lô đấu giá đất ở tại thôn Xuyên Phước, xã Đức Xuyên 1,07 ha, Nhu cầu chuyển đổi mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn, đất ở đô thị 0,65 ha, Nhu cầu chuyển đổi mục đích trong nội bộ đất nông nghiệp tại các xã 1,75 ha.

Trong đó đất chuyên trồng lúa nước: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 1.625,88 ha, giảm 1,56 ha so với hiện trạng năm 2023 và chiếm 2,00 % diện tích tự nhiên. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 1.682,87 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 56,99 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích giảm 1,56 do chuyển sang Trung tâm xã Đắc Nang 0,26 ha, Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10), huyện Krông Nô 0,23 ha, Phân lô đấu giá đất ở tại thôn Xuyên Phước, xã Đức Xuyên 1,07 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 14.498,50 ha, giảm 192,74 ha so với hiện trạng năm 2023 và chiếm 192,74% diện tích tự nhiên. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 6.917,29 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 cao hơn 7.581,21 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích giảm 192,74 ha do chuyển sang các công trình cụ thể sau:

STT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Lấy vào loại đất HNK	Vị trí
1	Trụ sở công an xã	CAN	0,10	0,05	Nâm N'Đir
2	Chính trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ông Cát)	ODT	2,50	0,90	TT Đăk Mâm
3	Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10), huyện Krông Nô	DGT	6,36	1,05	TT Đăk Mâm, Nam Đà
4	Hoàn thiện lưới điện trung áp sau TBA 110 Kv Krông Nô	DNL	0,10	0,07	TT Đăk Nâm, Đăk Sôr, Nam Xuân, Tân Thành, Quảng Phú
5	Hệ thống kênh mương Hồ Nam Xuân, tỉnh Đăk Nông	DTL	36,69	6,35	TT Đăk Mâm, Tân Thành, Nam Đà, Nam Xuân, Đăk Sôr
6	Cải tạo, nâng cấp Tinh lộ 3	DGT	20,70	0,49	TT Đăk Nâm, Nam Xuân
7	Đường giao thông phát triển khu đô thị mới thị trấn Đăk Mâm huyện Krông Nô	DGT	8,40	2,00	TT Đăk Mâm
8	Khu du lịch sinh thái suối nước trong	KDL	51,64	51,64	Nam Đà
9	Cải tạo và phát triển lưới điện trung, hạ áp khu vực trung tâm huyện, ly, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Đăk Nông	DNL	0,25	0,25	TT Đăk Nâm, Đăk Sôr, Nam Xuân, Nam Đà, Tân Thành, Đăk Drô, Nam Nung, Nâm N'Đir
10	Khuôn viên cây xanh	DKV	1,70	0,40	Đăk Drô
11	Bố trí dân cư vùng lũ xã Buôn Choah	ONT, DGT	12,84	12,84	Buôn Choah
12	Nhà sinh hoạt thôn Nam Hà	DSH	0,05	0,05	Nam Đà
13	Xây dựng hồ Đăk Rô	DTL	2,23	2,10	Tân Thành
14	Mỏ than bùn Bàu Mìn	SKS	39,80	30,00	Nâm N'Đir
15	Mỏ vật liệu san lấp	SKX	89,37	23,68	Nam Xuân, Tân Thành, Nâm N'Đir, Đăk Nang, Đức Xuyên, Quảng Phú, Đăk Sôr, Nâm

STT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Lấy vào loại đất HNK	Vị trí
					Nung, TT Đắc Mâm, Nam Đà
16	Hội trường thôn Phú Tiến	DSH	0,02	0,02	Đắc Nang
17	Mở rộng bãi cát xã Đắc Nang (Mở Cát xây dựng Xã Đắc Nang, xã Đức Xuyên – huyện Krông Nô)	SKX	0,70	0,70	Đắc Nang
18	Hội trường thôn Xuyên An	DSH	0,05	0,05	Đức Xuyên
19	Giao đất ở cho các hộ dân di cư tự do trên địa bàn xã Năm Nung không thông qua đấu giá	ONT	2,00	0,50	Năm Nung
20	Giao đất ở cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã Năm Nung không thông qua đấu giá	ONT	1,20	0,20	Năm Nung
21	Chợ xã Nam Xuân	DCH	0,35	0,23	Nam Xuân
22	Hồ chứa nước Đắc Na	DTL	92,96	32,05	Tân Thành, Năm Nung
23	Khu đất đấu giá Quyền sử dụng đất ở nông thôn	ONT	1,94	0,53	Năm Nung
24	Khu đất đấu giá ở nông thôn tại thôn Phú Hưng	ONT	2,29	0,69	Quảng Phú
25	Phân lô đấu giá đất ở tại xã Đắc Drô (Khu LP02, LP03, LP06)	ONT	1,04	1,04	Đắc Drô
26	Trang trại chăn nuôi heo Trường Phát	NKH,PNK	22,00	3,65	Tân Thành
27	Nhà máy sản xuất lúa gạo	SKC	1,50	0,20	Buôn Choah
28	Nhu cầu chuyển đổi mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn, đất ở đô thị	ONT	16,00	4,05	Các xã
29	Nhu cầu chuyển đổi mục đích trong nội bộ đất nông nghiệp tại các xã	NKH	32,00	9,60	Các xã
30	Đất phi nông nghiệp khác phục vụ các trang trại chăn nuôi, đất nông nghiệp khác	PNK	16,50	7,40	Các xã, thị trấn

- Đất trồng cây lâu năm: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 35.895,69 ha, giảm 323,28 ha so với hiện trạng năm 2023 và chiếm 44,13 % diện tích tự nhiên. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 30.579,36 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 cao hơn 5.316,33 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích giảm 323,25 ha do chuyển sang công trình dự án cụ thể sau:

STT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Lấy vào loại đất CLN	Vị trí
1	Công trình quốc phòng	CQP	6,00	6,00	Đắk Drô
2	Trụ sở công an xã	CAN	0,16	0,16	Đắk Nang
3	Trụ sở công an xã	CAN	0,25	0,25	Nâm Nung
4	Khu đô thị mới Tây Nam Hồ thị trấn Đắk Mâm	KĐT	13,20	13,20	TT Đắk Mâm
5	Mở rộng bãi rác	DRA	5,00	5,00	TT Đắk Mâm
6	Chính trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ông Cát)	ODT	2,50	1,60	TT Đắk Mâm
7	Trung tâm xã Đắk Nang	KHC	2,20	0,61	Đắk Nang
8	Mở rộng trạm y tế xã Nâm N'đir	DYT	0,04	0,04	Nâm N'Đir
9	Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10), huyện Krông Nô	DGT	6,36	4,91	TT Đắk Mâm, Nam Đà
10	Hệ thống kênh mương Hồ Nam Xuân, tỉnh Đắk Nông	DTL	36,69	30,34	TT Đắk Mâm, Tân Thành, Nam Đà, Nam Xuân, Đắk Sôr
11	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 3	DGT	20,70	18,11	TT Đắk Nâm, Nam Xuân
12	Đường giao thông phát triển khu đô thị mới thị trấn Đắk Mâm huyện Krông Nô	DGT	8,40	6,40	TT Đắk Mâm
13	Khuôn viên cây xanh	DKV	1,70	1,30	Đắk Drô
14	Xây dựng cơ sở vật chất du lịch công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông tại điểm số 8 (núi lửa Nam Ka) và điểm số 10 (Cánh đồng lúa ven núi lửa)	TMD	1,30	1,30	Quảng Phú, Nâm N'Đir
15	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,10	0,10	Đắk Drô
16	Xây dựng hồ Đắk Rô	DTL	2,23	0,13	Tân Thành
17	Mỏ than bùn Bầu Min	SKS	39,80	9,60	Nâm N'Đir

STT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Lấy vào loại đất CLN	Vị trí
18	Mỏ đá bazan Bon Jók Du, xã Năm Nung	SKX	0,50	0,50	Năm Nung
19	Mở rộng bãi tập kết cát xây dựng thôn Phú Thuận, xã Quảng Phú (mỏ cát Quảng Phú 4, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô)	SKX	0,20	0,20	Quảng Phú
20	Mỏ vật liệu san lấp	SKX	89,37	65,69	Nam Xuân, Tân Thành, Năm N'Đir, Đăk Nang, Đứ Xuyên, Quảng Phú, Đăk Sôr, Năm Nung, TT Đăk Mâm, Nam Đà
21	Bãi tập kết và kinh doanh cát	SKX	4,50	4,50	Đăk Drô
22	Trạm y tế xã	DYT	0,22	0,22	Đăk Sôr
23	Trạm y tế xã	DYT	0,20	0,20	Buôn Choah
24	Hội trường thôn Bon RCập	DSH	0,15	0,15	Năm Nung
25	Giao đất ở cho các hộ dân di cư tự do trên địa bàn xã Năm Nung không thông qua đấu giá	ONT	2,00	1,50	Năm Nung
26	Giao đất ở cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã Năm Nung không thông qua đấu giá	ONT	1,20	1,00	Năm Nung
27	Trung tâm văn hóa, thể thao, truyền thông huyện	DVH	2,00	1,92	TT Đăk Mâm
28	Mỏ đá Bazan Đèo 52 xã Quảng Phú (Mở rộng)	SKX	4,41	4,41	Quảng Phú
29	Hồ chứa nước Đăk Na	DTL	92,96	51,63	Tân Thành, Năm Nung
30	Đập dâng D3 Nam Xuân, thuộc huyện Krông Nô	DTL	1,30	1,30	Nam Xuân
31	Khu đất đấu giá Quyền sử dụng đất ở nông thôn	ONT	1,94	1,36	Năm Nung
32	Khu đất đấu giá ở nông thôn tại thôn Phú Hưng	ONT	2,29	1,60	Quảng Phú
33	Đấu giá đất ở tại nông thôn	ONT	1,87	1,87	Đăk Sôr
34	Khu đất đấu giá hội trường Buôn Krue, đất tại thôn Phú Cường để đấu giá đất ở	ONT	1,46	1,44	Đăk Nang
35	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và sát hạch lái xe hạng 3	DGD	4,50	4,50	TT Đăk Mâm

STT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Lấy vào loại đất CLN	Vị trí
36	Trang trại chăn nuôi heo Trường Phát	NKH,PNK	22,00	18,35	Tân Thành
37	Khu thực nghiệm huyện Krông Nô	NKH	1,25	1,25	Đắk Drô
38	Nhu cầu chuyển đổi mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn, đất ở đô thị	ONT	16,00	11,20	Các xã
39	Nhu cầu chuyển đổi mục đích trong nội bộ đất nông nghiệp tại các xã	NKH	32,00	20,30	Các xã
40	Đất phi nông nghiệp khác phục vụ các trang trại chăn nuôi, đất nông nghiệp khác	PNK	16,50	9,10	Các xã, thị trấn

- Đất rừng phòng hộ: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 5.329,79 ha, không tăng so với hiện trạng năm 2023 và chiếm 44,13 % diện tích tự nhiên;

Như vậy, diện tích đất rừng phòng hộ năm 2024, ngoài việc tiếp tục duy trì ổn định so với năm 2023, diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng chiếm chủ yếu cần tiếp tục tập trung khoanh định những khu vực cần thiết để giao đất rừng cho những đối tượng có nhu cầu sử dụng với mục đích duy trì, bảo vệ và phát triển rừng.

(Tổng hợp từ kết quả rà soát, đăng ký danh mục công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Đất rừng đặc dụng: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 10.460,40 ha, không tăng so với hiện trạng năm 2023 và chiếm 12,86 % diện tích tự nhiên;

Như vậy kế hoạch sử dụng đất rừng đặc dụng sẽ tiếp tục được duy trì ổn định, không chuyển mục đích sang các mục đích sử dụng đất khác, phù hợp với định hướng quy hoạch chung ổn định diện tích rừng đến năm 2030 trên địa bàn huyện và mục tiêu duy trì, bảo vệ, phát triển rừng đặc dụng, hạn chế chuyển sang các mục đích sử dụng đất khác.

- Đất rừng sản xuất: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 3.832,77 ha, giảm 1,21 ha so với hiện trạng năm 2023 và chiếm 4,71 % diện tích tự nhiên;

+ Diện tích giảm 1,21 ha do chuyển sang công trình dự án Mỏ than bùn Bầu Min 0,2 ha, Hồ chứa nước Đắk Na 0,91 ha, Nhu cầu chuyển đổi mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn, đất ở đô thị 0,1 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 451,51 ha, giảm 0,50 ha so với hiện trạng năm 2023 và chiếm 0,56 % diện tích tự nhiên. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 775,86 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 451,51 ha thấp hơn 324,34 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích giảm 0,5 ha do chuyển sang công trình Trung tâm xã Đắc Nang 0,07 ha, Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10), huyện Krông Nô 0,07 ha, Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 3 0,01 ha, Nhu cầu chuyển đổi mục đích trong nội bộ đất nông nghiệp tại các xã 0,35 ha.

- Đất nông nghiệp khác: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 163,74 ha, tăng 53,32 ha so với hiện trạng năm 2023 và chiếm 0,20 % diện tích tự nhiên. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 596,31 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 432,58 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng 110,42 ha;

Trong năm kế hoạch thực hiện một số dự án sau:

STT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Vị trí	Ghi chú (Các văn bản liên quan đến chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư, nguồn vốn...)
1	Trang trại Nông nghiệp công nghệ cao Nam Ka (tổng diện tích quy hoạch là 48,50 ha)	NKH,TMD	48.50	Buôn Choah	
-	KH 2023 thực hiện 5 ha xây dựng trang trại	NKH	5.00	Buôn Choah	Chuyển tiếp KH 2024
2	Trang trại Nông nghiệp Du lịch Đam San (tổng diện tích quy hoạch là 37,50 ha)	NKH,PNK	37.50	Buôn Choah	Chuyển tiếp KH 2024
-	KH 2023 thực hiện 5 ha xây dựng trang trại	NKH	5.00	Buôn Choah	Chuyển tiếp KH 2024
3	Trang trại chăn nuôi heo Trường Phát	NKH,PNK	22.00	Tân Thành	Chuyển tiếp KH 2024
4	Khu thực nghiệm huyện Krông Nô	NKH	1.25	Đắc Drô	Chuyển tiếp KH 2024
5	Nhu cầu chuyển đổi mục đích đất nông nghiệp sang đất nông nghiệp tại các xã	NKH	32.0	Các xã	Chuyển tiếp KH 2024

(Tổng hợp từ kết quả rà soát, đăng ký danh mục công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Chi tiết tại Biểu 10/CH)

b. Đất phi nông nghiệp:

Ưu tiên quỹ đất phát triển các cơ sở thương mại, dịch vụ, đa dạng về sản phẩm hàng hóa, dịch vụ (kể cả vui chơi, giải trí, tham quan, du lịch...) và chợ. Tiếp tục rà soát, tổng hợp những vị trí đất đai thuận lợi về giao thông nhằm thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng và các nhà máy sản xuất công nghiệp phục vụ nông nghiệp như chế biến gạo, hoa quả, cà phê, ca cao, thức ăn gia súc, tận dụng lợi thế về nguồn nguyên liệu của địa phương; quản lý chặt chẽ, khai thác hợp lý, tiết kiệm cát, đá, đất sét sản xuất vật liệu xây dựng, ưu tiên sản xuất gạch không nung.

Dự kiến quỹ đất phát triển thủy lợi theo kế hoạch, tăng dần mức đảm bảo phục vụ cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, dịch vụ..., đảm bảo an ninh lương thực và phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hoá. Chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra, nâng cao mức bảo đảm tiêu thoát nước, chống úng ngập, bảo vệ môi trường sinh thái, từng bước thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, tăng độ che phủ để tăng nguồn sinh thủy.

Tiếp tục rà soát, chuẩn bị tốt quỹ đất phục vụ đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển; tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí đô loại IV đối với thị trấn Đăk Mâm. Rà soát lại các tiêu chí phát triển đô thị, chủ động nguồn lực (đặc biệt là đất đai) cho đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị như: Giao thông, cấp nước, thoát nước, điện chiếu sáng, viễn thông, cấp nước, hệ thống xử lý nước thải trong khu vực đô thị, khu dân cư, cây xanh đô thị. Đầu tư xây dựng và phát triển GTNT một cách thống nhất, cân đối, đồng bộ, đảm bảo sự liên hoàn giữa mạng lưới đường bộ địa phương; tiếp tục nâng cấp, cấp và xây dựng mới các công trình cơ sở hạ tầng giao thông mang lại hiệu quả kinh tế xã hội nhanh, trước hết là các tuyến đường huyện, các trục giao thông đối ngoại và các tuyến đường có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ an ninh, quốc phòng của huyện. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, cần chú trọng đến việc thực hiện có chất lượng các tiêu chí về nâng cao thu nhập, văn hóa, cảnh quan môi trường, hệ thống chính trị và an ninh trật tự.

Như vậy là đến năm 2024, để đáp ứng được các mục tiêu phát triển như trên cần thiết phải thực hiện chuyển một phần diện tích đất nông nghiệp không nằm trong kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp của huyện và tận dụng khai thác đất chưa sử dụng trên địa bàn huyện để đưa vào sử dụng cho các nhu cầu đăng ký thực hiện các dự án phi nông nghiệp, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân. Mặt khác căn cứ các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp đến năm 2030 của huyện được duyệt, cân đối chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2024 của huyện như sau:

* Kế hoạch năm 2024 diện tích là 7.826,81 ha, chiếm 9,62 % diện tích tự nhiên, tăng 470,51 ha so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt

đến năm 2030 là 8.388,12 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 561,31 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng lúa nước 5.82 ha, đất trồng cây hàng năm khác 299.87 ha, đất trồng cây lâu năm 237.48 ha, đất rừng sản xuất 0.45 ha, đất nuôi trồng thủy sản 1.37 ha.

Các chỉ tiêu cụ thể sử dụng đất phi nông nghiệp của huyện năm 2024, như sau:

- Đất quốc phòng: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 1.227,64 ha, chiếm 1,51 % diện tích tự nhiên, tăng 6,00 ha so với hiện trạng năm 2023 thực hiện dự án Công trình quốc phòng xã Đắc Drô. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 1.246,64 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 19,00 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 6.0 ha. Diện tích tăng để thực hiện các công trình quốc phòng trên địa bàn huyện trong năm 2024.

- Đất an ninh: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 5,66 ha, chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên, tăng 0,51 ha so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 5,98 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 0,32 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích tăng 0,51 ha do lấy từ cây hàng năm khác 0,05 ha, cây lâu năm 0,41 ha, đất giáo dục 0,05 ha.

Trong năm kế hoạch thực hiện một số công trình an ninh sau:

TT	Hạng mục	Mã kế hoạch (ha)	Diện tích kế hoạch năm 2023 (ha)	Diện tích lấy vào	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Trụ sở công an xã	CAN	0.23		Nam Đà	Chuyển tiếp KH 2024(Giao đất)
2	Trụ sở công an xã	CAN	0.10		Nam Xuân	Chuyển tiếp KH 2024(Giao đất)
3	Trụ sở công an xã	CAN	0.10	0,10	Nâm N'Dir	Đang triển khai, chuyển tiếp
4	Trụ sở công an xã	CAN	0.10		Đắc Sôr	Chuyển tiếp KH 2024(Giao đất)
5	Trụ sở công an xã	CAN	0.20		Quảng Phú	Chuyển tiếp KH 2024(Giao đất)
6	Trụ sở công an xã	CAN	0.20		Buôn Choah	Chuyển tiếp KH 2024(Giao đất)
7	Trụ sở công an xã	CAN	0.16	0,16	Đắc Nang	Đăng ký mới KHSD đất 2024
8	Trụ sở công an xã	CAN	0.23		Tân Thành	giao đất

TT	Hạng mục	Mã kế hoạch (ha)	Diện tích kế hoạch năm 2023 (ha)	Diện tích lấy vào	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
9	Trụ sở công an xã	CAN	0.10		Đắk Drô	Chuyển tiếp KH 2024(Giao đất)
10	Trụ sở công an xã	CAN	0.2		Đức Xuyên	Chuyển tiếp KH 2024(Giao đất)
11	Trụ sở công an xã	CAN	0,25	0,25	Nâm Nung	Đăng ký mới KHSD đất 2024

- Đất thương mại, dịch vụ: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 20,82 ha, chiếm 0,03 % diện tích tự nhiên, tăng 15,20 ha so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 136,25 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 115,43 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 8.1 ha, đất hàng năm khác 2.5 ha, đất thể thao 0.63 ha, đất chưa sử dụng 0.5 ha. Diện tích tăng để thực hiện các công trình thương mại, dịch vụ...

+ Diện tích giảm 0,08 ha để thực hiện Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 3 trên địa bàn huyện trong năm 2024.

Trong năm kế hoạch thực hiện các công trình dự án như sau:

TT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích đã thực hiện năm 2023 (ha)	Nhu cầu bổ sung mới và chưa thực hiện được chuyển tiếp	Vị trí	Ghi chú (Các văn bản liên quan đến chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư, nguồn vốn...)
1	Khu du lịch sinh thái suối nước trong	TMD,CL N,DHT, DKV,DR A	51.64		51.64	Nam Đà	Chuyển tiếp KH 2024
2	Xây dựng cơ sở vật chất du lịch công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông tại điểm số 8 (núi lửa Nam Ka) và điểm số 10 (Cánh đồng lúa ven núi lửa)	TMD	1.30	-	1.30	Quảng Phú, Nâm N'Đir	Chuyển tiếp KH 2024
3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0.10	-	0.10	Nam Đà, Đắk Drô	Chuyển tiếp KH 2024

TT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích đã thực hiện năm 2023 (ha)	Nhu cầu bổ sung mới và chưa thực hiện được chuyển tiếp	Vị trí	Ghi chú (Các văn bản liên quan đến chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư, nguồn vốn...)
4	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Buôn K62 (tổng diện tích quy hoạch là 38,50 ha)	KDL(TM D,DHT,D KV,Câyx anh...)	38.50		38.50	Đắk Drô	Đang triển khai, chuyển tiếp 2024
-	<i>KH 2023 thực hiện hạng mục đất thương mại, dịch vụ</i>	<i>TMD</i>	<i>3,50</i>		<i>3,50</i>	Đắk Drô	
5	Điểm dừng chân và nghỉ dưỡng ngắm cảnh quan Hồ sen Km 34 xã Năm N'Đir (tổng diện tích quy hoạch là 20 ha)	KDL(TM D,DHT,D KV,Câyx anh...)	20,00		20,00	Nâm N'Đir	Đang triển khai, chuyển tiếp 2024
-	<i>KH 2023 thực hiện hạng mục đất thương mại, dịch vụ</i>	<i>TMD</i>	<i>2,50</i>		<i>2,50</i>	Nâm N'Đir	
6	Trang trại Nông nghiệp công nghệ cao Nam Ka (tổng diện tích quy hoạch là 48,50 ha)	NKH, TM D	48.50		48.50	Buôn Choah	Chuyển tiếp KH 2024
-	<i>KH 2023 thực hiện hạng mục đất thương mại dịch vụ</i>	<i>TMD</i>	<i>1,00</i>		<i>1,00</i>	Buôn Choah	

(Tổng hợp từ kết quả rà soát, đăng ký danh mục công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Chi tiết tại Biểu 10/CH)

(Lưu ý: Đối với các dự án phát triển du lịch, du lịch cộng đồng, mô hình Famstay; Homestay tại các xã, thị trấn thì thực hiện theo quy hoạch chi tiết được duyệt hoặc mật độ xây dựng thực hiện theo quy định của tỉnh)

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 23,08 ha, chiếm 0,03 % diện tích tự nhiên, không tăng so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 136,25 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 115,43 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 59,24 ha, chiếm 0,07 % diện tích tự nhiên, tăng 39,80 ha so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 86,80 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 27,56 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất cây lâu năm 9,6 ha, đất hàng năm khác

30,0 ha, đất rừng sản xuất 0,2 ha. Diện tích tăng để thực hiện các công trình Mỏ than bùn Bầu Min địa bàn huyện trong năm 2024.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 128,99 ha, chiếm 0,16 % diện tích tự nhiên, tăng 107,81 ha so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 171,96 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 42,97 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 15.0 ha, đất hàng năm khác 55.25 ha... Diện tích tăng để thực hiện các công trình sản xuất vật liệu trên địa bàn huyện trong năm 2024.

Trong năm kế hoạch thực hiện các công trình dự án như sau:

STT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích đã thực hiện năm 2023 (ha)	Nhu cầu bổ sung mới và chưa thực hiện được chuyển tiếp	Vị trí	Ghi chú (Các văn bản liên quan đến chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư, nguồn vốn...)
1	Mỏ đá bazan Bon Jók Du, xã Năm Nung	SKX	0,50		0,50	Năm Nung	Đang triển khai, chuyển tiếp
2	Mỏ cát xây dựng thôn Phú Hưng xã Quảng Phú	SKX	2,05	0,42	1,63	Quảng Phú	Chuyển tiếp KH 2024
3	Mở rộng bãi tập kết cát xây dựng thôn Phú Thuận, xã Quảng Phú (mỏ cát Quảng Phú 4, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô)	SKX	0,20		0,20	Quảng Phú	Chuyển tiếp KH 2024
4	Mỏ cát thôn Buôn Choah, xã Buôn Choah	SKX	6,50		6,50	Buôn Choah	Chuyển tiếp KH 2024
5	Mỏ vật liệu san lấp	SKX	89,37	0,00	89,37	Nam Xuân, Tân Thành, Năm N'Đir, Đăk Nang, Đức Xuyên, Quảng Phú, Đăk Sô, Năm Nung, TT Đăk Mâm, Nam Đà	Chuyển tiếp KH 2024
6	Bãi tập kết và kinh doanh cát	SKX	4,50		4,50	Đăk Drô	Chuyển tiếp KH 2024
7	Mở rộng bãi cát xã Đăk Nang (Mỏ Cát xây dựng)	SKX	0,70		0,70	Đăk Nang	Chuyển tiếp KH 2024

STT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích đã thực hiện năm 2023 (ha)	Nhu cầu bổ sung mới và chưa thực hiện được chuyển tiếp	Vị trí	Ghi chú (Các văn bản liên quan đến chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư, nguồn vốn...)
	Xã Đắc Nang, xã Đức Xuyên – huyện Krông Nô)						
8	Mỏ đá Bazan Đèo 52 xã Quảng Phú (Mở rộng)	SKX	4,41		4,41	Quảng Phú	Đăng ký mới KHSD đất 2024

(Tổng hợp từ kết quả rà soát, đăng ký danh mục công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Chi tiết tại Biểu 10/CH)

* Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 783,91 ha, chiếm 0,96 % diện tích tự nhiên, tăng 195,78 ha so với hiện trạng năm 2023. Để thực hiện công trình dự án Khu đô thị mới Tây Nam Hồ thị trấn Đắc Mâm 13,2 ha, Hệ thống kênh mương Hồ Nam Xuân, tỉnh Đắc Nông 36,96 ha, Đường giao thông phát triển khu đô thị mới thị trấn Đắc Mâm huyện Krông Nô 8,4 ha, Bố trí dân cư vùng lũ xã Buôn Choah huyện Krông Nô, tỉnh Đắc Nông (giai đoạn 1) 12,84 ha, Hồ chứa nước Đắc Na 92,96 ha...

. Chi tiết như sau:

- Đất giao thông: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 783,91 ha, chiếm 0,96 % diện tích tự nhiên, tăng 50,42 ha so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 1.088,24 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 304,33 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích tăng 50,42 ha để thực hiện các công trình giao thông trên địa bàn huyện trong năm 2024.

Trong năm kế hoạch thực hiện các công trình dự án như sau:

STT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích đã thực hiện năm 2023 (ha)	Nhu cầu bổ sung mới và chưa thực hiện được chuyển tiếp	Vị trí	Ghi chú (Các văn bản liên quan đến chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư, nguồn vốn...)
1	Khu đô thị mới Tây Nam Hồ thị trấn Đắc Mâm	KĐT	13,20		13,20	TT Đắc Mâm	Chuyển tiếp KH 2024

STT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích đã thực hiện năm 2023 (ha)	Nhu cầu bổ sung mới và chưa thực hiện được chuyển tiếp	Vị trí	Ghi chú (Các văn bản liên quan đến chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư, nguồn vốn...)
-	Đất giao thông	DGT	4,73		4,73	TT Đắc Mâm	
2	Trung tâm xã Đức Xuyên	KHC	1,60		1,60	Đức Xuyên	Chuyển tiếp KH 2024
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>0,32</i>		<i>0,32</i>	Đức Xuyên	
2	Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10), huyện Krông Nô	DGT	6,36		6,36	"TT Đắc Mâm, Nam Đà"	Chuyển tiếp KH 2024
3	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 3	DGT	20,70	-	20,70	"TT Đắc Nâm, Nam Xuân"	Chuyển tiếp KH 2024
4	Đường giao thông phát triển khu đô thị mới thị trấn Đắc Mâm huyện Krông Nô	DGT	8,40		8,40	TT Đắc Mâm	Chuyển tiếp KH 2024
5	Bố trí dân cư vùng lũ xã Buôn Choah	ONT, DGT	12,84	-	12,84	Buôn Choah	Chuyển tiếp KH 2024
-	<i>Bố trí dân cư vùng lũ xã Buôn Choah</i>	<i>DGT</i>	<i>4,31</i>	-	<i>4,31</i>	Buôn Choah	

(Tổng hợp từ kết quả rà soát, đăng ký danh mục công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Đất thủy lợi: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 739,48 ha, chiếm 0,91 % diện tích tự nhiên, tăng 133,14 ha so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 791,24 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 51,76 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng lúa 0.1ha, trồng cây lâu năm 15.99 ha, đất hàng năm khác 8.43 ha, đất sinh hoạt 0.2 ha. Diện tích tăng để thực hiện các công trình đất thủy lợi trên địa bàn huyện trong năm 2024.

+ Diện tích giảm Thừa đất đầu giá tại thôn Xuyên Hải xã Đức Xuyên 0,04 ha

Trong năm kế hoạch thực hiện các công trình dự án như sau:

STT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích đã thực hiện năm 2023 (ha)	Chưa thực hiện được chuyển tiếp, bổ sung mới (ha)	Địa điểm (cấp xã)	Ghi chú
1	Hệ thống kênh mương Hồ Nam Xuân, tỉnh Đắk Nông	DTL	36.69		36.69	TT Đắk Mâm, Tân Thành, Nam Đà, Nam Xuân, Đắk Sôr	"Đang triển khai, chuyển tiếp 2024
2	Xây dựng hồ Đắk Rô	DTL	2.23		2.23	Tân Thành	"Đang triển khai, chuyển tiếp 2024
3	Hồ chứa nước Đắk Na	DTL	92.96		92.96	Tân Thành, Năm Nung	Chuyển tiếp KH 2024
4	Đập dâng D3 Nam Xuân, thuộc huyện Krông Nô	DTL	1.30		1.30	Nam Xuân	Chuyển tiếp KH 2024

(Tổng hợp từ kết quả rà soát, đăng ký danh mục công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 6,63 ha, chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên, tăng 1,91 ha so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 9,39 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 2,76 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích tăng 2,0 ha do thực hiện công trình Trung tâm văn hóa, thể thao, truyền thông huyện 2,0 ha.

+ Diện tích giảm 0,09 ha để thực hiện công trình Chuyển MĐ đấu giá đất đai tương niệm cũ tại bon Yôk Ju trên địa bàn huyện trong năm 2024.

- Xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 66,17 ha, chiếm 0,08 % diện tích tự nhiên, tăng 3,91 ha so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 71,62 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 5,45 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích tăng 5,03 ha do chuyển sang công trình để thực hiện Khu đô thị

mới Tây Nam Hồ thị trấn Đăk Mâm (trong đó đất giáo dục 0,22 ha), Trung tâm xã Đăk Nang (trong đó đất giáo dục 0,31 ha) Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và sát hạch lái xe hạng 3 (4,5 ha).

+ Diện tích giảm 1,12 ha để thực hiện công trình Chuyển MĐ đất trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân để đấu giá đất ở, Nhà máy sản xuất lúa gạo trên địa bàn huyện trong năm 2024.

- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 9,74 ha, chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên, giảm 0,06 ha so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 18,72 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 8,98 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0.54 ha. Diện tích tăng để thực hiện các công trình Khu đô thị mới Tây Nam Hồ thị trấn Đăk Mâm 0,54 ha.

+ Diện tích giảm 0,6 ha để thực hiện Nhà máy sản xuất lúa gạo trên địa bàn huyện trong năm 2024.

- Đất công trình năng lượng: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 1.914,50 ha, chiếm 2,35 % diện tích tự nhiên, tăng 0,35 ha so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 2.380,33 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 465,82 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất hàng năm khác 0.24 ha, đất ở tại nông thôn 0,02 ha. Diện tích tăng để thực hiện các công trình lãg lượng trên địa bàn huyện trong năm 2024.

* Trong năm kế hoạch thực hiện các công trình dự án như sau:

STT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích đã thực hiện năm 2023 (ha)	Chưa thực hiện được chuyển tiếp, bổ sung mới (ha)	Địa điểm (cấp xã)	Ghi chú
1	Hoàn thiện lưới điện trung áp sau TBA 110 Kv Krông Nô	DNL	0.10		0.10	"TT Đăk Nâm, Đăk Sôr, Nam Xuân, Tân Thành, Quảng Phú"	"Đang triển khai, chuyển tiếp"
2	Cải tạo và phát triển lưới điện trung, áp khu vực trung tâm huyện, lý, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Đăk Nông	DNL	0.25		0.25	"TT Đăk Nâm, Đăk Sôr,	"Đang triển khai, chuyển tiếp 2024"

STT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích đã thực hiện năm 2023 (ha)	Chưa thực hiện được chuyển tiếp, bổ sung mới (ha)	Địa điểm (cấp xã)	Ghi chú
						Nam Xuân, Nam Đà, Tân Thành, Đắk Drô, Nam Nung, Năm N'Dir"	

(Tổng hợp từ kết quả rà soát, đăng ký danh mục công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 14,70 ha, chiếm 0,02 % diện tích tự nhiên, tăng 5,00 ha so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 29,30 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 14,60 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 6.6 ha. Diện tích tăng để thực hiện các công trình, Mở rộng bãi rác 5,0 ha trên địa bàn huyện trong năm 2024.

- Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 5,17 ha, chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 35,91 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 30,74 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất công trình bưu chính, viễn thông: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 1,16 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên, tăng 0,24 ha so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 1,90 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 0,74 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0,26 ha. Diện tích tăng để thực hiện các công trình Trung tâm xã Đắk Nang.

+ Diện tích giảm 0,02 ha để thực hiện công trình nhà máy gạo trên địa bàn huyện trong năm 2024.

- Đất cơ sở tôn giáo: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 4,21 ha, chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 8,30 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 4,09 ha

so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 74,21 ha, chiếm 0,09 % diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 84,74 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 10,52 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 2,90 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023.

- Đất danh lam thắng cảnh: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 24,84 ha, chiếm 0,03 % diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023.

+ Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 24,84 ha;

Nhu cầu đất tăng thêm là để thực hiện công trình chợ xã Nam Xuân và hạng mục công trình chợ thuộc dự án Trung tâm xã Đức Xuyên.

- Đất chợ: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 7,05 ha, chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên, tăng 0,52 ha so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 8,28 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 1,23 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích 0,97 ha để thực hiện các công trình Chợ xã Nam Xuân 0,35 ha, Trung tâm xã Đắc Nang 0,62 ha.

+ Diện tích giảm thực hiện công trình Hội trường thôn Xuyên Hải 0,05 ha, Khu phố thương mại 0,4 ha. Hội trường thôn Xuyên Hải 0,05 ha.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 11,34 ha, chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên, tăng 0,17 ha so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 14,07 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 2,73 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0.59 ha, đất hàng năm khác 0.12 ha. Diện tích tăng để thực hiện các công trình sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn huyện trong năm 2024.

Trong năm kế hoạch thực hiện các công trình dự án như sau:

STT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích đã thực hiện năm 2023 (ha)	Chưa thực hiện được chuyển tiếp, bổ sung mới (ha)	Địa điểm (cấp xã)	Ghi chú
1	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,07		0,07	Đắk Nang	Chuyển tiếp KH 2024
2	Hội trường thôn Xuyên Hà	DSH	0,05		0,05	Đức Xuyên	Đang triển khai, chuyển tiếp
3	Nhà sinh hoạt thôn Nam Hà	DSH	0,05		0,05	Nam Đà	Chuyển tiếp KH 2024
4	Hội trường thôn Phú Tiến	DSH	0,02		0,02	Đắk Nang	Chuyển tiếp KH 2024
5	Hội trường thôn Xuyên Hải	DSH	0,05		0,05	Đức Xuyên	Đang triển khai, chuyển tiếp
6	Hội trường thôn Xuyên An	DSH	0,05		0,05	Đức Xuyên	Chuyển tiếp KH 2024
7	Hội trường thôn Bon RCập	DSH	0,15		0,15	Nâm Nung	Chuyển tiếp KH 2024

(Tổng hợp từ kết quả rà soát, đăng ký danh mục công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 29,47 ha, chiếm 0,04 % diện tích tự nhiên, tăng 22,04 ha so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 27,31 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 2,17 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng lúa 0.4 ha, đất trồng cây hàng năm khác 20.74 ha, đất trồng cây lâu năm 1,3 ha... Diện tích tăng để thực hiện các công trình quốc phòng trên địa bàn huyện trong năm 2024.

Trong năm kế hoạch thực hiện các công trình dự án như sau:

STT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích đã thực hiện năm 2023 (ha)	Nhu cầu bổ sung mới và chưa thực hiện được chuyển tiếp	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú (Các văn bản liên quan đến chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư, nguồn vốn...)
-----	----------	-------	-------------------------	--------------------------------------	--	-----------------------	--

1	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,94		0,94	TT Đắc Mâm	
2	Khu du lịch sinh thái suối nước trong	TMD,CLN,DHT,DKV,DR A	51,64		51,64	Nam Đà	
3	Khuôn viên cây xanh	DKV	1,70		1,70	Đắc Drô	Nghị quyết 64/NQ-HDND ngày 14/12/2022"
4	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Buôn K62 (tổng diện tích quy hoạch là 38,50 ha)	KDL(TMD,DHT,DKV,Cây xanh...)	38,50		38,50	Đắc Drô	Bổ sung mới phù hợp với QHSDD đến năm 2030
5	Điểm dừng chân và nghỉ dưỡng ngắm cảnh quan Hồ sen Km 34 xã Năm N'Đir (tổng diện tích quy hoạch là 20 ha)	KDL(TMD,DHT,DKV,Cây xanh...)	20,00		20,00	Năm N'Đir	Đang triển khai, chuyển tiếp 2024

(Tổng hợp từ kết quả rà soát, đăng ký danh mục công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Đất ở tại nông thôn: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 641,76 ha, chiếm 0,79 % diện tích tự nhiên, tăng 38,45 ha so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 720,97 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 79,21 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng lúa 3.21 ha, đất trồng cây hàng năm khác 14.12 ha, cây lâu năm 18.96 ha... Diện tích tăng để thực hiện đất ở trên địa bàn huyện trong năm 2024.

+ Diện tích giảm do chuyển sang Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10), huyện Krông Nô 0,06 ha, Hoàn thiện lưới điện trung áp sau TBA 110 Kv Krông Nô 0,02 ha, Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 3 0,95 ha

Trong năm kế hoạch thực hiện các công trình dự án như sau:

STT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích đã thực hiện năm 2023 (ha)	Chưa thực hiện được chuyển tiếp, bổ sung mới (ha)	Địa điểm (cấp xã)	Ghi chú
I	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất; dự án đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất không thông qua đấu giá						
1	Khu đất đấu giá trụ sở của lâm trường Quảng Đức sang đất ở, đấu giá quyền sử dụng đất	ONT	0,50		0,50	Quảng Phú	Chuyển tiếp sang năm 2024
2	Khu đất đấu giá Quyền sử dụng đất ở nông thôn	ONT	1,94		1,94	Nâm Nung	Chuyển tiếp sang năm 2024
3	Khu đất đấu giá sử dụng đấu giá đất ở tại xã Nam Xuân	ONT	0,13		0,13	Nam Xuân	Chuyển tiếp sang năm 2024
4	Khu đất đấu giá ở nông thôn tại thôn Phú Hưng	ONT	2,29		2,29	Quảng Phú	Đăng ký mới 2024
5	Đấu giá đất ở tại nông thôn	ONT	1,87		1,87	Đắk Sôr	Chuyển tiếp sang năm 2024
6	Khu đất đấu giá hội trường Buôn Krue, đất tại thôn Phú Cường để đấu giá đất ở	ONT	1,46		1,46	Đắk Nang	Chuyển tiếp sang năm 2024
7	Khu đất đấu giá trường tiểu học Nguyễn Việt Xuân để đấu giá đất ở	ONT	0,50		0,50	Buôn Choah	Chuyển tiếp sang năm 2024
8	Khu đất đấu giá đất đai tường niệm cũ tại bon Yôk Ju	ONT	0,09		0,09	Nâm Nung	Chuyển tiếp sang năm 2024
9	Phân lô đấu giá đất ở tại xã Đắk Drô (Khu LP02, LP03, LP06)	ONT	1,04		1,04	Đắk Drô	Đăng ký mới 2024
10	Thửa đất đấu giá tại thôn Xuyên Hải xã Đức Xuyên	ONT	0,04		0,04	Đức Xuyên	Đăng ký mới 2024
11	Phân lô đấu giá đất ở tại thôn Xuyên Phước, xã Đức Xuyên	ONT	1,07		1,07	Đức Xuyên	Đăng ký mới 2024

STT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích đã thực hiện năm 2023 (ha)	Chưa thực hiện được chuyển tiếp, bổ sung mới (ha)	Địa điểm (cấp xã)	Ghi chú
12	Đất công trình nước sạch cũ tại Bon Đắc Pri, xã Năm N'Đir	ONT	0,03	0,03		Năm N'Đir	Đăng ký mới 2024
13	Khu đất HTX cũ do xã quản lý tại thôn Nam Thành	ONT	0,03	0,03		Nam Đà	Chuyển tiếp sang năm 2024
14	Nhu cầu chuyển đổi mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn, đất ở đô thị	ONT,ODT	16,00		16,00	HNK, CLN, RSX, LUK	Các xã, Thị trấn

(Tổng hợp từ kết quả rà soát, đăng ký danh mục công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.
Chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Đất ở tại đô thị: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 66,61 ha, chiếm 0,08 % diện tích tự nhiên, tăng 10,14 ha so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 100,35 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 33,74 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 2.68 ha, đất hàng năm khác 8.04 ha. Diện tích tăng để thực hiện đất ở đô thị trên địa bàn huyện trong năm 2024.

+ Diện tích giảm do chuyển sang Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10), huyện Krông Nô 0,04 ha, Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 3 0,89 ha.

Trong năm kế hoạch thực hiện các công trình dự án như sau:

STT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích đã thực hiện năm 2023 (ha)	Chưa thực hiện được chuyển tiếp, bổ sung mới (ha)	Địa điểm (cấp xã)	Ghi chú
I	Công trình, dự án thu hồi đất; dự án giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; dự án đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất không thông qua đấu giá						
1	Khu đô thị mới Tây Nam Hồ thị trấn Đăk Mâm	KĐT	13.20		13.20	Đăk Mâm	Chuyển tiếp KH 2024

STT	Hạng mục	Mã KH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích đã thực hiện năm 2023 (ha)	Chưa thực hiện được chuyển tiếp, bổ sung mới (ha)	Địa điểm (cấp xã)	Ghi chú
2	Chỉnh trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ông Cát)	ODT	2.5		2.5	Đắk Mâm	Chuyển tiếp KH 2024
3	Đấu giá Quyền sử dụng đất ở tại đô thị	ODT	0.78		0.78	Đắk Mâm	Chuyển tiếp KH 2024
4	Khu phố thương mại	ODT	0,40	-	0,40	TT Đắk Mâm	Chuyển tiếp KH 2024
5	Đấu giá Quyền sử dụng đất ở tại đô thị (khu vực La Trao tại TDP2, Hội trường cũ TDP1)	ODT	0,78	0,78		TT Đắk Mâm	Đăng ký mới 2024
II	Nhu cầu chuyển đổi mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn tại các xã						
-	TT Đắk Mâm	ODT	1.50		1.50	Đắk Mâm	Chuyển tiếp KH 2024

(Tổng hợp từ kết quả rà soát, đăng ký danh mục công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 14,69 ha, chiếm 0,02 % diện tích tự nhiên, giảm 0,50 ha so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 24,78 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 10,09 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích giảm 0.5 ha để thực hiện công trình Khu đất đấu giá trụ sở của lâm trường Quảng Đức sang đất ở, đấu giá quyền sử dụng .

Nhu cầu đất tăng thêm là để thực hiện: Trụ sở HDND & UBND xã Nam Đà 0,84 ha và Trạm kiểm lâm xã Năm Nir 0,05 ha.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 2,68 ha, chiếm 0.01% diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 3,85 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 1,17 so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 1.560,19 ha, chiếm 1,92 % diện tích tự nhiên, giảm 16,50 ha so với hiện trạng năm 2023 để thực hiện Mỏ cát xây dựng thôn Phú Hưng xã Quảng Phú. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 990,11 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 cao hơn

570,08 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 302,06 ha, chiếm 0,37 % diện tích tự nhiên, tăng 18,68 ha so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 105,10 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 cao hơn 196,96 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 283,38 ha;

- Đất phi nông nghiệp khác: Kế hoạch năm 2024 diện tích là 69,04 ha, chiếm 0,08 % diện tích tự nhiên, tăng 31,43 ha so với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 87,61 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 18,57 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 3,0 ha. Diện tích tăng để thực hiện các công trình Trang trại Nông nghiệp Du lịch Đam San 3,0 ha, Trang trại chăn nuôi heo Trường Phát 11,93 ha, Đất phi nông nghiệp khác phục vụ các trang trại chăn nuôi, đất nông nghiệp khác 16,5 ha trên địa bàn huyện trong năm 2024.

c. Đất chưa sử dụng:

Kế hoạch năm 2024 diện tích là 365,89 ha, chiếm 0,45 % diện tích tự nhiên, không thay đổi với hiện trạng năm 2023. Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 39,82 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 cao hơn 326,07 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 365,89 ha;

(Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã có Biểu số 06/CH kèm theo)

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

- Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp: Trong năm kế hoạch diện tích cần chuyển là 470,51 ha. Trong đó: Đất trồng lúa: 4,35 ha (Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước 1,56 ha); Đất trồng cây hàng năm khác: 181,28 ha; Đất trồng cây lâu năm: 283,52 ha; Đất rừng phòng hộ: 0 ha; Đất rừng sản xuất: 0,35 ha; Đất nuôi trồng thủy sản: 0,15 ha.

- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp: Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm: 0 ha.

- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở: diện tích 1,33 ha, thực hiện Chuyển mục đích; Chuyển mục đích bán đấu giá đất ở nông thôn tại thôn Phú Hưng xã Quảng Phú 0,51 ha; Chuyển mục đích đất trụ sở của lâm trường Quảng Đức sang đất ở, đấu giá quyền sử dụng đất xã Quảng Phú 0,50 ha; Chuyển

mục đích sử dụng đất ở tại xã Nam Xuân 0,13 ha; chuyển mục đích đất quyền sử dụng đất trạm Y tế cũ tại bon Ja Răh, xã Nam Nung 0,05 ha; Phân lô đất ở tại trường Mầm non Sơn Ca thôn Nam Nghĩa 0,02 ha; Đất ở tại xã Nam N'Đir 0,6 ha.

Bảng 13: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	470,51
	<i>Trong đó:</i>		
-	Đất trồng lúa	LUA/PNN	4,35
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>1,56</i>
-	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	181,28
-	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	283,52
-	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-
-	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-
-	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	1,21
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	<i>-</i>
-	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,15
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		
	<i>Trong đó:</i>		-
-	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	1,33

(Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã có Biểu số 07/CH kèm theo)

* Tổng hợp riêng trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở và chuyển nội bộ đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân

Đất nông nghiệp chuyển sang đất ở là 48,96 ha, chiếm 10,4% so với tổng diện tích nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp. Chuyển nội bộ đất nông nghiệp và cụ thể các chỉ tiêu chuyển mục đích sang đất ở như bảng sau

3.5. Diện tích đất cần thu hồi

3.5.1. Về danh mục công trình

Danh mục các công trình dự án cần phải thu hồi đất của huyện Krông Nô năm 2024, Tổng cộng có 20 công trình, trong năm kế hoạch 2024 huyện thực hiện thu hồi đất. Trong đó có 17 công trình dự án thu hồi theo Nghị quyết số 64/NQ-

HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông, 03 công trình Quốc phòng, an ninh để thực hiện thu hồi.

Bảng 15: Danh mục công trình cần phải thu hồi đất năm 2024

STT	Hạng mục	Mã KH	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú (Các văn bản liên quan đến chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư, nguồn vốn...)
	TỔNG	20 CT			
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh	03 CT			
1	Công trình quốc phòng	CQP	Xã Đắk Drô	6,00	Trường bắn, chuyển tiếp
2	Xây dựng trụ sở công an xã	CAN	Xã Nam Đà	0,23	Chuyển tiếp KH 2024
3	Xây dựng trụ sở công an xã	CAN	Xã Năm N'Đir	0,10	Chuyển tiếp KH 2024
II	Công trình, dự án thu hồi đất do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận	17 CT			
1	Khu đô thị mới Tây Nam Hồ thị trấn Đắk Mâm	KĐT	TT Đắk Mâm	13,20	Nghị quyết 61/NQ-HĐND ngày 13/12/2023
2	Mở rộng Bãi rác	DRA	TT Đắk Mâm	5,00	Nghị quyết 61/NQ-HĐND ngày 13/12/2023
3	Chỉnh trang khu dân cư đô thị (Khu vực nhà ông Cát)	ODT	TT Đắk Mâm	2,50	Nghị quyết 61/NQ-HĐND ngày 13/12/2023
4	Trung tâm xã Đắk Nang	KHC	Xã Đắk Nang	2,20	Nghị quyết 61/NQ-HĐND ngày 13/12/2023; chuyển tiếp 2,2 ha
5	Trung tâm xã Đức Xuyên	DTT, DCH, ONT, DSH	Xã Đức Xuyên	1,60	Nghị quyết 61/NQ-HĐND ngày 13/12/2023; chuyển tiếp 1,6 ha
6	Mở rộng trạm y tế xã Năm N'đir	DYT	Xã Năm N'Đir	0,04	Nghị quyết 61/NQ-HĐND ngày 13/12/2023
7	Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10), huyện Krông Nô	DGT	TT Đắk Mâm, xã Nam Đà	6,36	Nghị quyết 61/NQ-HĐND ngày 13/12/2023
8	Hoàn thiện lưới điện trung áp sau TBA 110 Kv Krông Nô	DNL	TT Đắk Mâm, Đắk Sôr, Nam Xuân, Tân Thành, Quảng Phú	0,10	Nghị quyết 61/NQ-HĐND ngày 13/12/2023
9	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 3	DGT	TT Đắk Mâm, Nam Xuân	20,70	Nghị quyết 61/NQ-HĐND ngày 13/12/2023

STT	Hạng mục	Mã KH	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú (Các văn bản liên quan đến chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư, nguồn vốn...)
10	Đường giao thông phát triển khu đô thị mới thị trấn Đăk Mâm, huyện Krông Nô	DGT	TT Đăk Mâm	8,40	Nghị quyết 61/NQ-HDND ngày 13/12/2023
11	Khu du lịch sinh thái suối nước trong. <i>Trong đó:</i>	KDL	Xã Nam Đà	135.0	Tổng diện tích đăng ký thực hiện trong quy hoạch: 135,00 ha
-	Khu du lịch sinh thái suối nước trong (vị trí khu đất cần thu hồi được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 14/12/2022)	TMD, CLN, DHT, DKV, DRA	Xã Nam Đà	51,64	Nghị quyết 61/NQ-HDND ngày 13/12/2023
12	Cải tạo và phát triển lưới điện trung, áp khu vực trung tâm huyện, ly, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Đăk Nông	DNL	TT Đăk Mâm, Đăk Sôr, Nam Xuân, Nam Đà, Tân Thành, Đăk Drô, Nâm Nung, Nâm N'Đir	0,25	Nghị quyết 61/NQ-HDND ngày 13/12/2023
13	Khuôn viên cây xanh	DKV	Xã Đăk Drô	1,70	Nghị quyết 61/NQ-HDND ngày 13/12/2023; chuyển tiếp 1,70 ha
14	Xây dựng cơ sở vật chất du lịch công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đăk Nông tại điểm số 8 (Núi lửa Nam Ka) và điểm số 10 (Cánh đồng lúa ven núi lửa)	TMD	Quảng Phú, Nâm N'Đir	1,30	Nghị quyết 61/NQ-HDND ngày 13/12/2023
15	Hệ thống kênh mương Hồ Nam Xuân, tỉnh Đăk Nông	DTL	Các xã: Tân Thành, Nam Xuân, Nam Đà, Thị trấn Đăk Mâm	36,69	
16	Dự án bố trí dân cư vùng lũ xã Buôn Choah, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông (giai đoạn 1)	"ONT,	Buôn Choah	12,84	Đăng ký mới 2024
17	Mở rộng trường tiểu học Bế Văn Đàn	DGD	xã Quảng Phú	0,20	Giao đất

11	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Xã Buôn Choah	Xã Đắk Drô	Xã Đắk Nang	Xã Đắk Sôr	Xã Đức Xuyên	Xã Nam Đà	Xã Nam Xuân	Xã Năm N'Đir	Xã Năm Nung	Xã Quảng Phú	Xã Tân Thành	TT Đắk Mâm
2.4	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,02	-	-	-	0,01	-	0,05	0,96	-	-	-	-	-
2.5	Đất ở tại đô thị	ODT	0,95	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,95
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	8,37	-	-	-	-	-	-	-	-	0,17	-	8,20	-

(Chi tiết có Biểu số 08/CH kèm theo)

3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Trong năm kế hoạch sử dụng đất 2024 diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng là 0 ha

3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

Tổng cộng có 99 công trình, dự án (gồm: 72 công trình, dự án chuyển tiếp từ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và 27 công trình, dự án đăng ký mới) với tổng diện tích đăng ký trong kế hoạch là ha, bao gồm những phân diện tích như sau:

(Chi tiết có Biểu số 10/CH kèm theo)

- Phân diện tích tổng hợp từ nhu cầu tăng thêm đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 nhưng phải thực hiện chu chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án, chương trình, kế hoạch như sau:

+ Về quốc phòng, an ninh: đăng ký thực hiện trong năm 2024 là 12 công trình, dự án (chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2023 là 7 công trình) có tổng nhu cầu diện tích là 7.99 ha. Trong đó có 03 công trình, dự án thực hiện thu hồi đất theo quy định tại Điều 61 Luật Đất đai năm 2013: Công trình quốc phòng (trường bắn) tại xã Đắc Drô; Xây dựng trụ sở công an xã tại xã Nam Đà và Xây dựng trụ sở công an xã tại xã Nam N'Đir.

(Chi tiết có Biểu số 10/CH kèm theo)

+ Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất: đăng ký thực hiện trong năm 2024 là 17 công trình(trong đó Mở rộng trường tiểu học Bế Văn Đàn thực hiện giao đất). Ngoài ra, trong năm kế hoạch còn có 03 công trình thuộc quy định tại Điều 61 Luật đất đai năm 2013 (thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh) được chuyển tiếp từ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 sang.

(Chi tiết có Biểu số 10/CH kèm theo)

+ Các dự án đầu tư, đầu tư công: đăng ký thực hiện trong năm 2024 là 24 công trình, dự án .

(Chi tiết có Biểu số 10/CH kèm theo)

+ Đấu giá Quyền sử dụng đất: đăng ký thực hiện trong năm 2024 là 14 công trình, dự án (02 công trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2023) có tổng nhu cầu diện tích là 10.08 ha, bao gồm: Khu phố thương mại tại TT Đắc Mâm; Đấu giá Quyền sử dụng đất ở tại đô thị tại TT Đắc Mâm....

(Chi tiết có Biểu số 10/CH kèm theo)

+ Nhu cầu chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở: Diện tích dự kiến cần thực hiện tại 11 xã và 1 thị trấn là 16,0 ha.

(Chi tiết có Biểu số 10/CH kèm theo)

+ Chuyển nội bộ đất nông nghiệp: Diện tích dự kiến thực hiện 32 ha

(Chi tiết có Biểu số 10/CH kèm theo)

3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

- Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Về việc sửa đổi, bổ Sung Bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 29/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐUBND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Bảng 18: Dự kiến các khoản thu, chi năm 2024

(chỉ thể hiện ở mức độ tương đối, cần chính xác thì phải căn cứ vào tình hình thực tế triển khai thực hiện công trình, dự án)

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá bình quân tạm tính (đồng/m²)	Thành tiền (tỷ đồng)
	CÂN ĐỐI THU - CHI (MỤC A - MỤC B)			22,79
A	CÁC NGUỒN THU TỪ ĐẤT			297,00
I	Giao đất không thông qua đấu giá; đấu giá Quyền sử dụng đất và Chuyển mục đích sử dụng đất			294,62
1	Giao đất ở không thông qua đấu giá	15,82	750.000 - 800.000	111,78
2	Đấu giá Quyền sử dụng đất ở	7,93	1.000.000 - 2.000.000	78,01
3	Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở	19,46	500.000 - 600.000	104,83
II	Cho thuê đất (đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; ...)	175	1.000 - 2.000	2,38
B	CÁC KHOẢN CHI			274,21
I	Chi bồi thường đất và tài sản trên đất			113,87
II	Chi hỗ trợ chuyển đổi nghề			154,96
III	Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư			5,38

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

a. Đối với nhóm đất nông nghiệp

- Sử dụng đất cho sản xuất nông lâm nghiệp, công nghiệp, xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, mở rộng đất ở,... theo khả năng thích nghi và điều kiện tự nhiên có thể; bảo đảm phục hồi cân bằng sinh thái, không gây suy tăng, ô nhiễm và thoái hoá tài nguyên đất, cũng như các tài nguyên thiên nhiên khác;

- Khai thác tối đa, hợp lý quỹ tài nguyên đất vốn có hạn của huyện, đặc biệt sử dụng hiệu quả đất dốc nhằm nâng cao năng suất, chất lượng nông sản hàng hoá, nâng cao và ổn định lâu dài độ phì nhiêu thực tế của đất;

- Mục tiêu của sử dụng đất hợp lý gồm:

+ Phục hồi đất hoang hoá, đất bạc màu;

+ Ngăn ngừa ô nhiễm đất;

+ Chống xói mòn và suy thoái chất lượng đất, duy trì độ phì nhiêu;

+ Hạn chế sử dụng các loại phân bón hoá học, thuốc trừ sâu trong sản xuất nông nghiệp, khuyến khích sử dụng các loại phân hữu cơ, phân vi sinh, các biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp, sử dụng các giống cây trồng có khả năng đề kháng, chống chịu tốt với sâu bệnh;

+ Nhân rộng các mô hình VACR (vườn - ao - chuồng - rừng), các mô hình nông lâm kết hợp phù hợp với điều kiện sinh thái của từng khu vực. Vận dụng hợp lý các mô hình canh tác nông nghiệp bền vững trên đất dốc (mô hình trồng cây theo đường băng chống xói mòn; sử dụng các loại chất giữ ẩm, chất chống xói mòn cho các khu vực bị khô hạn, thiếu nước và địa hình đất dốc, ...);

- Phủ xanh đất trống đồi núi trọc, đẩy mạnh trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng để tăng độ che phủ của rừng;

- Bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng đặc dụng;

- Chấp hành nghiêm ngặt Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản pháp luật liên quan về bảo vệ môi trường.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất: cung ứng giống trong nông nghiệp, thâm canh cây trồng vật nuôi, áp dụng kỹ thuật tiên tiến trong việc cải tạo đất, nghiên cứu đưa ra hệ thống canh tác điển hình như luân canh lúa-màu, lúa kết hợp với thủy sản... và chú trọng đến công tác quản lý các nguồn tài nguyên vốn có trên địa bàn huyện.

b. Nhóm đất phi nông nghiệp

- Sử dụng đất trong các hoạt động khai khoáng, khai thác mỏ, các nhà máy thủy điện, các hồ chứa chất thải phải lập dự án, đánh giá tác động môi trường, thực hiện kiểm tra, giám sát môi trường cho từng dự án trong quá trình triển khai xây dựng và hoạt động từng dự án; những sự cố môi trường phải được xử lý kịp thời. Trong quá trình khai khoáng chủ đầu tư phải có phương án và cam kết an toàn về môi trường. Khi kết thúc hoạt động khai thác phải có kế hoạch phục hồi hiện trạng bề mặt sử dụng đất ban đầu.

- Bổ sung quy định về cải tạo, phục hồi môi trường chung cho các khu vực khai thác khoáng sản có nhiều tổ chức, cá nhân cùng khai thác; quy trình, hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường đối với từng loại hình khai thác; nội dung tham vấn ý kiến cộng đồng cho công tác này; tính toán khoản tiền ký quỹ, hệ số trượt giá theo thực tế trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước và việc giám sát của nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội; ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Chế tài phải đủ mạnh để xử lý các hành vi vi phạm gây ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, hoạt động khai thác vật liệu xây dựng thông thường.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Ban hành một số văn bản quy định riêng phù hợp với tình hình thực tế của huyện nhằm thu hút đầu tư khu vực dịch vụ kinh doanh, du lịch, cụm công nghiệp, trung tâm hành chính các xã...

- Các chủ đầu tư của các công trình dự án cần phải bố trí đủ nguồn vốn để bồi thường đất, hỗ trợ, tái định cư.

- Huy động nhiều nguồn vốn và quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội quan trọng theo nguyên tắc đồng bộ, tập trung, không dàn trải, có tính hữu dụng cao để tạo bước đột phá về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Thực hiện huy động nguồn lực đất đai, đầu tư bán đấu giá quỹ đất ở các vị trí đắc địa, khu vực các trục giao thông, trung tâm thị tứ, các chợ, đất ở đô thị để tăng nguồn thu ngân sách, tạo việc làm, phát triển thương mại dịch vụ....

- Vận động nhân dân hiến đất, góp vốn, xã hội hóa nguồn vốn để xây dựng các công trình dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh như: giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, các khu vui chơi giải trí nông thôn.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất

a. Công bố kế hoạch, bổ sung kịp thời kế hoạch sử dụng đất

- Căn cứ theo Điểm c, Khoản 2, Điều 48 của Luật đất đai sau khi kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện phân bổ kịp thời chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất cho cấp xã ngay sau khi được phê duyệt và chỉ đạo UBND xã, thị trấn thực hiện kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt;

- Tổ chức công bố công khai kế hoạch sử dụng đất sau khi được UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;

- Thông báo cho chủ đầu tư công trình, dự án (người sử dụng đất) thực hiện đầy đủ về trình tự thủ tục về giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo thẩm quyền và quy định của pháp luật về đất đai;

- Tạo điều kiện, đơn giản hóa các thủ tục hành chính để người dân dễ dàng tiếp cận và thực hiện quyền đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp phải xin phép cơ quan nhà nước, đồng thời kiểm soát chặt chẽ tình trạng tự phát chuyển mục đích sử dụng đất;

- Thực hiện đầy đủ các chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và đảm bảo đúng tiến độ trong thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để thực hiện các công trình, dự án theo kế hoạch sử dụng đất. Hoàn thiện công tác định giá đất, nhất là định giá đất cụ thể trong bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý, sử dụng đất trên địa bàn huyện; không để xảy ra trường hợp tự ý chuyển mục đích sử dụng đất. Đặc biệt kiểm tra, rà soát các dự án chậm tiến độ sử dụng đất, không đưa đất vào sử dụng để đề xuất xử lý theo quy định;

- Rà soát lập phương án quản lý, sử dụng quỹ đất đã thu hồi giao địa phương, đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn theo Nghị quyết số 112/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội.

b. Trách nhiệm các ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Phòng tài nguyên môi trường trực tiếp tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, xúc tiến và hướng dẫn chi tiết các thủ tục cho từng công trình, dự án trong kế hoạch, nhanh chóng thẩm định và tiến hành chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất, giao cấp đất ngay từ khi kế hoạch đã được phê duyệt.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch và Chi Cục Thuế theo dõi và tổ chức thực hiện các khoản thu từ đất theo Luật Đất đai 2013.

- Phòng Kinh tế - Hạ tầng triển khai các chương trình quy hoạch và phát triển các khu dân cư, nhà ở gắn liền với phát triển đô thị và các trung tâm dịch vụ, đào tạo, ...

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các ngành có liên quan thực hiện tốt các chương trình, chính sách xã hội, hỗ trợ tái định cư và giải quyết công ăn việc làm cho các hộ dân bị thu hồi đất.

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn xây dựng các giải pháp phát triển đất nông nghiệp bền vững, xây dựng các công trình thủy lợi, tổ chức xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn và tôn tạo cảnh quan.

- Ban quản lý dự án phối hợp các Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Tài nguyên và Môi trường xử lý, tháo gỡ các khó khăn về tài chính, vốn để tiến hành giao đất xây dựng công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

4.4. Các giải pháp khác

- Kiểm soát chặt chẽ tình trạng tự chuyển đổi đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản hoặc chuyển sang sử dụng vào các mục đích khác không theo quy hoạch, kế hoạch; Thực hiện quản lý, sử dụng đất trồng lúa theo quy định của pháp luật hiện hành; Xác định ranh giới trên bản đồ và công khai diện rừng phòng hộ, rừng đặc dụng cần bảo vệ nghiêm ngặt.

- Thực hiện có hiệu quả phương án đã được phê duyệt, nhằm đảm bảo tính thống nhất, liên tục trong việc quản lý, sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch và pháp luật. Lấy quy hoạch làm căn cứ để lập kế hoạch sử dụng đất cho các cấp, các ngành. Các nhu cầu sử dụng đất chỉ được giải quyết theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hiện hành.

- Giải quyết thật tốt việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình dự án.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm ngăn chặn kịp thời các vi phạm, đồng thời phát hiện và kiến nghị điều chỉnh những bất hợp lý trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm sử dụng đất đai hợp lý với hiệu quả kinh tế cao. Có biện pháp xử lý kịp thời và nghiêm các trường hợp vi phạm, không thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thu hồi các dự án chậm triển khai.

- Đối với các dự án phát triển du lịch, du lịch cộng đồng, mô hình Famstay; Homestay tại các xã, thị trấn thì thực hiện theo quy hoạch chi tiết được duyệt hoặc mật độ xây dựng thực hiện theo quy định của tỉnh.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Krông Nô được lập đã tuân thủ đầy đủ các cơ sở pháp lý, trình tự tổ chức thực hiện theo các văn bản pháp luật về đất đai quy định. Báo cáo đã đánh giá những tồn tại của công tác quản lý đất đai và kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt, những hạn chế, nguyên nhân hạn chế để có biện pháp khắc phục.

- Các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã cập nhật đầy đủ các nhu cầu của các ban ngành, nhu cầu sử dụng đất của các lĩnh vực, các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trong năm 2024; Xác định diện tích đất cần thu hồi, các khu vực chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất và bảo vệ môi trường. Quỹ đất của huyện đến năm 2024 về cơ bản được khai thác sử dụng hợp lý và có hiệu quả hơn. Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích nhóm đất Nông nghiệp là:

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt sẽ là cơ sở pháp lý để huyện thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai tại địa phương, làm căn cứ để giao đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo pháp luật,... góp phần đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2024.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Krông Nô được phê duyệt và đưa vào triển khai thực hiện sẽ góp phần đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng bộ huyện Krông Nô lần thứ VIII đã đề ra cho giai đoạn 2020 - 2025.

II. KIẾN NGHỊ

- Đề nghị UBND tỉnh Đắk Nông xem xét, phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Krông Nô để UBND huyện có cơ sở thực hiện vai trò quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn cũng như có cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các nội dung của phương án, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển Kinh tế - xã hội của huyện.

- Kiến nghị UBND tỉnh, các sở, ban ngành có liên quan có chính sách đầu tư, hỗ trợ, đặc biệt là đối với phát triển cơ sở hạ tầng để huyện phát huy tốt tiềm năng của huyện, tranh thủ nguồn đầu tư từ bên ngoài nhằm thực hiện tốt kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Phụ lục
Hệ thống biểu trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Krông Nô